

LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 5

BA CÔI SÁU ĐƯỜNG, MỘT TÂM LƯU CHUYỂN



Bhikkhu Visuddhamma

MỤC LỤC

Lời Phi Lộ.....	1
Bài 21: Ba Tiệm Thức	2
Bài 22: Thế Giới Điên Đảo.....	28
Bài 23: Địa Ngục Là Gì?.....	38
Bài 24: Cõi Sắc Giới.....	121
Bài 25: Cõi Vô Sắc Giới.....	176

LỜI PHI LỘ

Ba cõi sáu đường luân chuyển của chúng sinh trong vô lượng kiếp không ngoài tâm thức (consciousness). Cõi Dục, Sắc và Vô Sắc chẳng thể bằng các phương tiện niệm Phật, tịnh, thiền, mật mà mong cầu thoát ra khỏi.

Rửa sạch cái Thức (consciousness) nhưng còn cái Gandhabba cái thân sao chép các hành thì sao? Cái chủng tử sinh ra trong từng hành nơi ý, thân, khẩu thì sao? Làm sao thanh tịnh chúng nó hay tẩy trừ nó?

Dù còn một chút gì thì vẫn còn năng lượng đi tái sinh ...

BÀI 21: BA TIỆM THỨC

Chú tức tâm, tâm tức chú, lấy cái tâm làm chú, nếu chú mà không có tâm thì không linh ứng, không hiệu nghiệm, tâm chú là một cho nên những người nào hành trì chú Lăng Nghiêm phải lấy cái tâm ra, muốn tâm hoàn toàn thanh tịnh thì phải giữ giới, nhịn đói, bớt ngủ.

Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thù; thực và thù là ăn và ngủ chiếm hai trong năm ngũ dục, hai cái đó nguy hiểm vô cùng, thấy nó đơn giản nhưng có nhiều người ngủ không đủ giấc thì không chịu nổi. Ở chùa thường bốn giờ dậy tụng chú Lăng Nghiêm, hàng ngày đều tụng thì tâm không bị vương trần, nhất là cái dâm tự nhiên biến mất chẳng bao giờ nghĩ tới nữa vì nó đã chuyển hóa năng lượng. Chú này rất quan trọng, khi ngài A Nan gặp nạn, Đức Thế Tôn kêu ngài Văn Thù đem chú này tới đọc và ngài A Nan đã tỉnh ngộ.

Người tu Phật muốn giải thoát ra khỏi sanh tử luân hồi thì đầu tiên phải giải quyết cái dâm, làm sao chuyển hóa cái dâm thành ra trí tuệ, mà muốn giải quyết cái dâm đó thì phải trì chú, phải lấy tâm trì chú, không thể nói cái miệng hoặc mở catsset cho nó tụng bài chú rồi ta nghe cũng không được, mà phải lấy cái tâm ra tụng, rồi phải giữ giới, phải hành trì, hai mươi một ngày nhịn đói, bạn tập sẽ thấy rất thù thắng, hai mươi một ngày nhịn

đôi trì chú Lăng Nghiêm thù thắng vô cùng, tự nhiên thấy ta sáng ra, thông minh. Chư Phật chưa hề bao giờ hư dối, các Ngài nói rất chính xác.

Ở bài trước chúng ta học tâm và chú, bài này chúng ta sẽ học ba tiệm thứ. Chúng sanh trong mỗi loài đều có mười hai thứ điên đảo, giống như mắt thấy hoa đốm trong chân không, chẳng hạn như con mắt bị nhặm chúng ta thấy có hoa đốm, vậy hoa đốm từ đâu ra? Từ con mắt ra hay từ trong chân không ra? Cũng có thể ta lấy tay dụi mắt thật mạnh rồi chúng ta thấy ở trước mắt có hoa đốm, thế thì hoa đốm nhảy lăng xăng, nhảy múa trong chân không, do đâu mà ra, do con mắt hay do cái tay dụi con mắt hay do chân không mà ra? Ai cũng đều biết cái đây là giả không thật, tức là con mắt dụi mới thấy, không từ chân không cũng không từ tay ra hay từ mắt ra, tại vì là huyễn không thật. Tất cả những cái đây là đốm hoa lăng xăng đều từ diệu tâm khi vọng sanh ra điên đảo, cho nên đủ các thứ hư vọng tán loạn. Đối với những người tu Samatha tức là tu định phải lập ba tiệm thứ, từ từ mới diệt trừ, không thể nào cắt bỏ tạt khí.

Thế nào gọi là ba tiệm thứ? Thứ nhất là tu tập trừ các trợ nhân, thứ hai chân tu tức là bỏ hết tất cả tánh dâm dục, thứ ba tinh tấn là xoay ngược các hiện nghiệp.

Thứ nhất là tu tập trừ các trợ nhân tức là bỏ các duyên

đi, cái duyên làm cho ta đi vào các sa đọa, đi vào trong lỗi sai, nhân duyên xúi, cho nên ta phải bỏ cái nhân duyên ấy đi. Đức Thế Tôn nói gì về trợ nhân này? Đức Thế Tôn dạy như thế này: “*A Nan mười hai loại chúng sanh trong thế giới chẳng thể tự sống phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng là ăn bằng cách nhai xé như con người, ăn bằng ngửi hơi như quỷ thần, ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ thiên, ăn bằng ý thức như cõi Tứ không*”.

Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ vào **sự ăn** mà tồn tại. Mười hai loại chúng sanh trong thế giới không thể tự nhiên sống được; như bạn cũng thế, bạn cũng phải ăn, phải xé ra, ăn thịt gà phải xé ra, ăn đậu hũ cũng phải kê răng cắn để to quá sao ăn được, có động tác rồi nuốt, tức là chúng ta phải nhờ ăn để nuôi dưỡng. Trong các cõi khác người ta ăn bằng cách khác. Trong cái ăn có nhiều cách ăn, người bình thường thì ăn những thứ ngon, thứ no, thứ bổ cho đầy bao tử; có nhiều người ở nhà quê, họ nghèo lắm họ ăn khoai, ăn sắn, ăn bất cứ cái gì cho đầy bao tử, bởi vì nếu không đầy nó quậy, khó chịu lắm cho nên ráng nhét khoai, sắn nhiều thứ cho đầy; nhưng những thứ ấy không có chất bổ, cho nên pháp thứ nhất gọi là **pháp ăn lấy no**.

Pháp thứ nhì là **ăn lấy bổ**, lựa ra những chất tinh túy, thứ bổ ra mà ăn, những thứ nào không bổ dưỡng không

ăn, ăn bỏ nhiều càng chết sớm càng khổ nữa. Pháp thứ ba là **ăn bằng hơi thở** tức là trong vũ trụ có điện, có năng lượng tất cả vật chất đều là năng lượng, người ngồi thiền, hành trì tới trình độ khá tự nhiên có khả năng thu hút năng lượng trong vũ trụ vào con người, chế biến thành năng lượng dành cho ta cho nên không cần ăn, chỉ uống nước nó rất là lợi lạc.

Chúng tôi đã có một lần nhịn ăn ba mươi một ngày nên đã hiểu cảm giác nó như thế nào, bạn thử nhịn đói đi, trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói nhịn ăn hai mươi một ngày. Trong vòng ba, bốn ngày đầu tiên nhịn đói, lập tức miệng chảy nước miếng, cái tay muốn đi tìm cái vật gì ăn, bỏ vào miệng ăn, nó ngứa ngáy, nó quen rồi, không chịu được. Nhưng đến ngày thứ năm, thứ sáu, tự nhiên đầu đó nó thuần hết, nó không quan tâm tới ăn, cái gì thôi thúc không nhớ đến nó nữa, và sau một thời gian muốn ăn trở lại thấy khó chịu lắm, không thích nữa, tự nhiên người không ăn thấy thanh thản nhẹ nhàng, không lệ thuộc nơi các vật ăn, không phí thời giờ đi tìm cái ăn, nấu nướng cho mệt, cho nên tất cả con người tập trung cho việc tu học, như vậy rất lợi lạc. Bởi thế trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói nhịn được hai mươi một ngày.

Đức Thế Tôn dạy mười hai loại chúng sanh đều phải có ăn mới sống được, có thể ăn vật chất hoặc ăn chất bổ. Những người trên phi thuyền ngoài không gian, họ đâu

có nấu ăn đâu, họ chỉ có mấy viên thuốc, mỗi ngày uống một viên đầy đủ chất bổ rồi, họ vẫn chịu được. Ăn là một thói quen chứ chẳng có gì khác, ăn phải nấu nướng kiểu này kiểu kia, nó quen rồi thì cứ thế ăn thôi, nếu người bình thường thì không có gì quan trọng, sanh ra thì phải ăn. Nếu là người tu hành, bạn biết ăn phải kiểu này kiểu kia, nấu phải như thế này thế kia thì bạn có biết nó tác động đến cái gì trên người tu học không? Cái đấy gọi là nghiệp, là tạp khí lập đi lập lại hoài thành thói quen. Thói quen là nghiệp, không ăn không chịu được, bạn cần thận trọng, ăn uống không nên cầu kỳ quá, càng cầu kỳ bao nhiêu thì càng tạo nghiệp bấy nhiêu.

Làm cái gì rồi cũng đụng đến chữ nghiệp hết, Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Tất cả chúng sanh ăn ngọt thì sống ăn độc thì chết, vậy chúng sanh cầu Samatha, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này nếu ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận, những người ăn ngũ tân dù biết giảng giải mười hai bộ kinh nhưng mười phương chư Thiên đều chê mùi hôi thối mà tránh xa, các ma quỷ đang thừa lúc ăn ngũ tân mà liếm môi và người ấy ở chung ma quỷ, chẳng được lợi ích gì cả, người ăn ngũ tân mà tu Samatha thì Bồ Tát chư Thiên mười phương chẳng đến hộ vệ cho nên không được lợi lạc gì, người ấy nếu chết hết phước đầu thai vào địa ngục A Tỳ”*.

Cho nên người tu phải dứt bỏ trợ nhân tức là cái duyên bên ngoài, hỗ trợ, nó là môi trường, ở đây chúng tôi chỉ lấy cái ăn để làm ví dụ cho bạn, ở ngoài gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, nếu chúng ta ở gần với những người giải đãi, nói lãng nhãng, không lo tu tập tinh tấn chỉ nói lý thuyết thì chúng ta sẽ tập tành những thói quen tật xấu của họ.

Thứ hai là phải giữ giới, dứt bỏ lòng dâm, bỏ rượu thịt, nếu ăn chay được thì tốt. Những thứ ở trong thịt là đều do sự dâm dục mà có, nghĩa là một đứa bé, một con mèo, một con chó hay một con heo đều có hình dáng sinh ra bởi sự dâm dục, kể cả con người cũng đều do sự dâm dục mà sinh ra. Cho nên trong con người Đức Thế Tôn đã dạy: *“Từ đứa bé mới sinh ra là đã có mang tính dâm rồi tại nó chưa đủ duyên nên nó chưa phát triển, hễ có đủ duyên thì nó sẽ phát triển”*.

Giới trong sạch rất là quan trọng, nhất là giới dâm nếu hiểu được nó, loại trừ được thì biến thành thù thắng còn nếu không thì trở nên nhiều loạn. Làm sao cố gắng cái thân không bị động, đi đứng nghiêm trang, không chạy, không lãng xãng, thấy việc khởi tâm chạy là không tốt. Tại vì cái tâm gán theo thân sinh ra, nếu cái thân lãng xãng thì cái tâm cũng lãng xãng, nếu giới cấm đã thành tựu rồi thì những nghiệp tương sanh tương sát không còn nữa, những cái gọi là trộm cắp cũng mất đi không còn

nợ nần nhau, đối với cái thân của cha mẹ sinh ra chẳng cần thiên nhân tự nhiên thấy được mười phương thế giới gặp được Phật nghe pháp và vâng lãnh thánh chỉ, cho nên gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

Cái thứ ba là xoay ngược hiện nghiệp, tức là những người giữ giới trong sạch như thế thì tâm không tham dâm, mà tâm không tham dâm thì không chạy theo lục trần và vì chẳng rong ruổi cho nên tự xoay bản tánh về và chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn không chõ nương. Lục căn quan trọng lắm, cho nên chỉ cần tu lục căn thôi là xong, nếu tu lục căn cũng không được thì tu cái khẩu hay cái miệng thôi, không nói nữa, ai mắng chửi thì đừng nói, ai khen thì cũng đừng nói, nếu trong đạo tràng này nói chê hay khen nếu ta trả lời lại tức là tâm ta đang vọng, mà hễ vọng là xa lìa chân tánh, lâu ngày thành tạp khí, tạp khí đó thành nghiệp, thì trôi lăn trong ba cõi sáu đường. Đây là cái thứ ba tức là xoay ngược hiện nghiệp, là xoay về bên trong, xoay về bản tánh của ta không nên rong ruổi theo cảnh trần, nếu không rong ruổi theo cảnh trần thì lục căn không dính mắc thông thoáng, lục thức không có thì tự nhiên mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch ví như lưu ly. Đó là tất cả những mật viên tịnh diệu của Như Lai trong người ấy, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn.

Đức Phật dạy tiếp A Nan: “*Thiện nam tử ấỵ dục ái*

khô cạn, căn và cảnh chẳng duyên nhau, cái bấu thân hiện tiền này chẳng còn tiếp tục sanh nữa, giữ tâm rỗng sáng, thuần là trí tuệ, thuật tánh trí huệ sáng suốt chiếu mười phương cõi” chỉ có cái huệ khô cạn gọi là càn huệ.

Chúng tôi nói lại tóm tắt ba cái đề tài, một là những cái trợ nhân, trợ duyên bên ngoài thì bỏ bớt đi ví dụ như vấn đề ăn uống ngủ nghỉ là tài, sắc, danh, thực, thù; thù là ngủ, nó ảnh hưởng nhiều nên bỏ bớt đi, ăn uống cũng vậy. Trong kinh nói ngũ tân không nên ăn, công lực ta còn kém chưa được tinh vi, thì cái gì ta bỏ được thì bỏ bớt đi cho được sự an lạc, chỉ có những vị nào họ tu công lực thù thắng rồi thì cái nào cũng được, họ muốn ăn gì thì ăn.

Có một Thiền sư ưa ăn bò câu, đầu bếp làm bò câu quay, hễ ông ăn xong rồi há miệng thì con chim bò câu bay ra còn sống tức là người ta ăn nhưng tâm không ăn cho nên chỉ ăn tượng trưng dùng thần thông trả con bò câu về như cũ. Có một bữa nọ, đầu bếp cũng làm bò câu cho ông ăn, trong lúc mang lên thấy hấp dẫn quá, thấy cái cánh làm rất là ngon kiêu kiêu không được liền thò tay lấy một cái cánh bỏ miệng xơi. Đến khi ngài Thiền sư đã chứng đắc rồi và cầm con bò câu ăn, ăn xong rồi, ngài há miệng ra thấy con bò câu mất một cánh cứ lạch bạch không bay được, thế là ngài Thiền sư ngạc nhiên: ủa, tại sao lạ vậy liền hỏi đầu bếp. Đầu bếp sợ quá liền

khai thật, ông nói tại vì con thấy ngon quá con chịu không nổi cho nên con xơi một cái cánh, ngài Thiên sư rầy ông ấy, làm mất một cánh thì làm sao bỏ câu bay được. Vấn đề ăn uống quan trọng lắm chứ không đơn sơ đâu, vì cái gì ăn bỏ vào thì nó bỏ ra, thuật ngữ trong máy vi tính gọi là bỏ rác vào thì rác nó đi ra, nó y như thế thôi.

Ba cái tiềm thức: một là trợ duyên, trợ nhân, thứ hai là chánh tấn là nạo sạch nó đi, thứ ba là xoay ngược hiện nghiệp, cái tâm nó sẽ rỗng rang khi dục ái khô cạn, cánh và căn nó không có duyên thì thức không có, cứ như thế thì tâm nó rỗng rang, chỗ nào rỗng rang thì chỗ đó trí huệ .

Chúng tôi chỉ nói đến ngũ tân làm ví dụ thôi chứ còn trợ duyên bên ngoài có nhiều thứ lắm như báo chí, sách vở, tivi, và giữ cho chánh tấn được thanh tịnh thì phải dứt hẳn lòng dâm. Còn nhiều thứ lắm chẳng hạn như sát sanh, trộm cắp thì cũng không được, phải giữ cho nó lúc nào cũng thẳng, giữ giới luật, lúc đầu khó nhưng khi chúng ta thuần thục rồi nó rất là thù thắng. Như lúc nhỏ, chúng ta cầm viết muốn viết cái chữ rất khó, thầy cô giáo phải cầm tay hướng dẫn mà còn viết trật tới trật lui, nhưng tại sao khi lớn thì tự nhiên cầm viết mà viết giỏi do chúng ta tập hoài thì thành thói quen.

Tu cũng vậy, bạn thấy lúc đầu khó nhưng tu mãi thì cũng thuần, tánh của ta cũng thuần, không hung dữ, không còn chấp ngã chấp sở chấp bỉ thử nữa, thông dong, kể cả thấy người ta chấp ta cũng không khởi lên một niệm để ta chấp, và ta cũng buông luôn cái ý niệm ta không chấp nữa, khó lắm không phải nói đơn sơ đâu bạn cứ tập từ từ, bởi vậy cho nên mới gọi là tiệm tu là từ từ. Cái thứ ba là xoay ngược hiện nghiệp tức là biến những cái lăng xăng, đối với căn trần thì biến nó thành ra trí tuệ tại vì nó giữ được giới nó trong sạch thì tất cả những cái đi theo rất là thù thắng.

Chúng ta sẽ học tiếp thập tín, thập trụ, thập hạnh. Thập tín là khi nào cái tạp khí tham dục mới cạn, nó chưa có hết, nó chưa có chảy vào trung đạo cho nên cái tánh viên diệu nó mới mở từ từ, từ chỗ chân diệu viên lại phát ra chân diệu và diệu tín thường trụ tất cả vọng tưởng đều dứt sạch gọi là tín tâm trụ. Tức là khi tham dục vừa mới cạn thôi thì chưa nhập được, chưa nối được vào dòng chánh pháp của Như Lai cho nên dùng cái tâm này chảy vào trung đạo không nghiêng về bên không chẳng nghiêng bên giả, chẳng trụ nơi trung đạo, biết nó trung đạo cũng không trụ, từ đây khởi quán không giả trung tam để viên dung gọi là viên diệu, ở đây tâm thức có thể đến khi giác quán đã thành thì chơn ra phát diệu, khế hợp lý viên gọi là diệu viên, nếu trung đạo nương

theo chơn thì sự diệu chưa phải chơn, từ chơn phát diệu thì diệu ấy mới là chơn diệu.

Nghĩa là nó có gốc rồi nó mới có rễ, từ ở trong cái chơn nó mới phát ra cái diệu. Chơn là cái nó không có sanh, diệu từ nó trong chơn mà nó phát ra giống như sóng và nước, nước không có động nhưng khí gặp gió thì đương nhiên nó phát lên cho nên cái ấy gọi là diệu, tức là cái hoạt dụng của nó. Nhưng mà diệu không phải là chơn, tại vì nó có động nó mới sanh ra cái diệu, diệu là diệu dục nhiều biến tướng thành nhiều hình thái, mà diệu là thường trụ, cả vọng tưởng chẳng còn có chỗ dựa tại vì cái diệu nó do cái chơn đi ra. Cho nên nếu nói diệu thì tự cảm thấy bất khả tư nghì. Không thể nói ngôn ngữ nào được. Ta mượn ngôn ngữ để nói, là lấy cái ý mà bỏ lời. Không có nên chấp cái lời. Hễ chơn tín sáng tỏ thì tất cả viên thông. Ba thứ ấm, mười hai xứ, và mười tám giới không ngăn ngại.

Cho nên trong vô số kiếp, quá khứ hiện tại vị lai là cái thân, thọ, xả thân đều hiện ra trước mắt gọi là niệm tâm trụ và thuần chơn diệu vương, diệu viên, tinh vi pháp dục những tạp khí từ vô thủy đều hóa ra thành một bức hình, một phí mãn. Nó rất là sáng tỏ, thì cái đó gọi là tinh tấn tâm. Mà tâm đã tinh tấn hiện tiền thì nó toàn là trí tuệ cho nên gọi là huệ tâm trụ. Những danh từ này bạn cũng không nên chấp quá chỉ biết cái công năng của

nó vậy thôi. Chữ nghĩa thì mỗi địa phương họ bày ra họ viết như thế thì hiểu được thì càng tốt mà không nhớ được nó thì cũng không sao.

Chỉ biết là khi nào cái tâm ta tinh tấn hiện tiền thì toàn là trí tuệ. Trí tuệ sáng tỏ mà tịch lặng cùng khác tịch diệu thường định thì gọi là định tâm trụ. Mặc dù trí tuệ sáng tỏ nhưng mà nó không có động. Thể động là không có. Tự nhiên mà nó sáng tỏ thôi. Từ định tâm phát ra tánh sáng, tánh sáng sâu vào tiền thẳng tới lui gọi là bất thối tâm. Định tâm mà nó đã có rồi thì nó tới lui đều định cho nên bất thối tâm. Tâm an nhiên tiền tới duy trì chẳng bắt giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai gọi là hộ pháp tâm.

Thường thường trong mấy đạo tràng bạn thấy có những người có tên là hộ pháp. Nhưng mà muốn hộ pháp thì phải có hộ pháp tâm. Nếu không có hộ pháp tâm thì hộ pháp cũng không được. Cũng không đạt tới chỗ thù thắng, làm có tướng vậy thôi. Tánh sáng của bốn giác được duy trì hay dùng diệu lực xoay từ quang của Phật về tự tánh cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau trong đó các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận gọi là hồi hướng tâm. Hồi hướng tâm tức là cái tâm mà nó sáng nhưng mà nó dùng cái diệu lực xoay từ quang của Phật về tự tánh. Nó trùng trùng, cái bóng này của cái kia, cứ thế phản chiếu mãi. Với từ quang của bản tâm biên mật

an trụ nơi vô vi vô thượng trong sạch trường thường trụ của Phật không có lạc mất thì gọi là giới tâm trụ. Và trụ giới tự tại hay đạo khắp mười phương ở đi tùy hiện gọi là nguyện tâm trụ.

Ở trong cái thập tín này chúng ta có được cái gì? Chúng ta có tín tâm trụ, niệm tâm trụ, huệ tâm trụ, định tâm trụ, bất thối tâm, hộ pháp tâm, hồi hướng tâm, giới tâm trụ, nguyện tâm trụ. Những cái mà danh tự của nó đều có ý nghĩa. Tại sao mỗi cái nào cũng đều có chữ tâm? Định tâm trụ, huệ tâm trụ, bất thối tâm đều có chữ tâm hết. Cách gì cũng phải có chữ tâm. Thế thì bạn thấy cái thập tín này nó do từ đâu? Từ tâm. Nếu không có tâm thì không có tín đâu.

Rồi bây giờ tới thập trụ. Thập trụ thì có pháp tâm trụ, trị địa trụ, tu hành trụ, sanh quý trụ, phương tiện cụ túc trụ, chánh tâm trụ, bất thối trụ, đồng chơn trụ, pháp vương tử trực, và quán đánh trụ. Thí dụ như cái tâm của ta mà nó sáng suốt như lưu ly trong sạch thì nó giống như là vàng ròng. Ở cái chỗ này mà dùng diệu tâm để sửa sang thành đất để đi đứng thì gọi trì địa trụ. Tức là cái tâm nó sáng suốt, nó không có bị ngăn ngại. Và nó cũng không bị vọng tưởng điên đảo.

Bây giờ chúng ta học tới thập hạnh, mười cái hạnh. Thì có hoan hỷ hạnh, như ích hạnh, vô sanh hạnh, vô tịnh

hạnh, ly si loạn hạnh, thiện hiện hạnh, vô trước hạnh, tôn trọng hạnh, pháp thiện hạnh, chơn thạch hạnh. Tam thế bình đẳng mười phương thông đạt vì được ý sanh thân cho nên mỗi loài chúng sanh hiện thân hóa độ đến tốt vị lai gọi là vô tịnh hạnh. Tam thế đều bình đẳng biết rất rõ mười phương thông đạt không có bị ngăn ngại. Vị này được ý sanh thân cho nên mỗi loài chúng sanh đều hiện thân mà hóa độ. Vì trần đầy khắp mười phương hư không trong mỗi trần đều hiện mười phương cõi hiện trần hiện cõi nhưng mà không có ngăn ngại nhau.

Ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm tại sao lại có một sự mâu thuẫn? Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, khi ngài A Nan ngộ nạn thì Đức Thế Tôn dùng chú Lăng Nghiêm sai ngài Văn Thù đi đọc cho ngài A Nan nghe. Khi nghe thì lập tức ngài A Nan tỉnh ngộ và về sám hối, khóc sụt mướt. Nhưng bạn có biết người nào được thù thắng, lợi lạc trong việc này không? Trong cái việc ngài A Nan bị nạn không? Ngài Văn Thù được lệnh của Đức Phật đem thần chú tới đọc cho ngài A Nan nghe. Và ngài A Nan nghe xong thì lập tức tỉnh giấc chiêm bao. Chạy ngay tới chỗ Đức Phật quỳ lạy, gieo xuống năm vóc tức đầu mặt tay chân gì đều nằm sát đất, khóc. Vậy thì người được lợi lạc là ai?

Khi Ma Đăng Già và ngài A Nan cùng về gặp Đức Phật thì Đức Phật thuyết cho một bài pháp, Ma Đăng

Già chứng đắc. Cái lợi lạc là chỗ đấy. Là ma nữ nhưng nghe được một bài pháp của Đức Thế Tôn thì lập tức chứng quả. Còn trong khi đó là ngài A Nan là đa văn, đại đệ tử của Đức Thế Tôn khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi vẫn chưa chứng đắc. Tại sao lại như thế? Cái chỗ nhanh chỗ chậm là chỗ nào đây? Tại sao một người mà nghe một bài pháp của Đức Thế Tôn là chứng đắc. Còn một người đi theo sát kể bên Đức Thế Tôn lại không có chứng đắc gì hết, chẳng được lợi lạc gì hết.

Tại vì Đức Thế Tôn nói từ tiền kiếp ngài A Nan và Ma Đăng Già là vợ chồng không biết là bao nhiêu kiếp rồi cho nên cái tạp khí còn. Nhưng nghe được một bài pháp thấm ý thì tự nhiên ngộ. Cho nên nhiều lúc ở trong đạo tràng không phải quây là dở đâu, chúng tôi thấy có những đạo tràng quây theo Chánh pháp cũng tốt thôi. Đặt những câu hỏi hay là suy tư để mà ta tìm ra phải vặn, tư, tu mà. Văn thì phải tư phải lấy cái tâm ra để mà suy tư coi cái chuyện đó là chuyện gì. Bề mặt bề trái nó ra làm sao rồi hành trì thì như vậy mới tốt. Thế thì tại sao Đức Thế Tôn cũng giảng bài pháp ấy mà ngài A Nan không liễu tri mà cuối cùng đợi tới lúc Đức Thế Tôn nhập diệt mới chứng đắc A La Hán? Trong khi đó Đức Thế Tôn giảng bài pháp đó cho cô Ma Đăng Già thì chứng đắc.

Chúng ta học tiệm. Tiệm tức là từ từ, là không nhanh

được. Có ba thứ cần phải làm, nó tiệt thôi. Tức là cứ từ từ mà làm. Tức là loại bỏ những cái trợ nhân, những cái duyên bên ngoài. Thứ nhì là nạo sạch chánh tánh là những cái tánh dâm của ta phải dứt bỏ. Mà muốn dứt bỏ những cái dâm thì tất cả những vật dụng ăn vào kích thích chẳng hạn đồ rượu thịt, đồ tươi, những thứ đồ ấy bỏ đi, tại vì nó sẽ tạo ra sự dâm dục; muốn bỏ dâm dục thì phải bỏ những thứ đó thôi; nhưng mà đừng có bày đặt đậu hủ nấu kiểu này kiểu kia. Tại vì cái thân ta mà nó xúc chạm nó thấy cái vị đó ngon nó dâm ra luyến, luyến thì dâm ra khổ.

Những cái chuyện mà hoát nhiên đại ngộ thì không có trong chúng ta đâu. Thứ nhất là ở trong cái thời Mạt Pháp này, thứ nhì là những người tu hành chậm chạp căn cơ yếu kém, không có đâu. Cho nên đừng có mong tưởng đưa tới cái chỗ gọi là ảo giác. Nó cũng không lợi lạc. Ta cứ tu từ từ đi, mỗi ngày một chút, tu đều đều, không buông không bỏ.

Đức Thế Tôn nói người hành giả nếu không thấy được tánh thì giống như là lấy sỏi cát mà mong nấu thành cơm. Tu không bao giờ thành chứng quả tại vì không thấy tánh. Thế thì cái đấy là cái gì? Cái nhanh cái chậm là ở chỗ nào? Giữa ngài A Nan và Ma Đăng Già. Ma Đăng Già nghe xong thì chứng đắc. Ngài A Nan nghe xong thì vẫn là ngài A Nan. Như ngày hôm nay cũng nói

rất rõ những cái gọi là tánh dâm, căn trần; căn trần nó chạy theo với nhau tạo ra thích. Những cái ấy không thể một sớm một chiều mà dẹp được thì phải tiệm tu. Tu từ từ, ngày nào cũng sáng dậy sớm tụng kinh rồi ăn chay rồi giữ giới, không có nói lung tung. Tất cả những pháp ấy đều thực hiện. Nếu như thế thì mới được lợi lạc.

Tiệm tu, không có thể nào mà hoá nhiên đại ngộ được. Trong cái tiệm tu nó có thập tín, thập trụ, thập hạnh, ba cái đây chúng ta phải hành trì. Chẳng hạn như nói hoan hỷ hạnh, hoan hỷ hạnh là sao? Là tùy thuận chúng sanh, nó muốn cái gì thì cũng tùy thuận thôi, không có bắt nó phải làm như thế này, người không thích tụng kinh mà ta cứ bắt họ tụng kinh thì họ đâu có hoan hỷ đâu. Người thích ngồi thiền thì dạy thiền cho họ. Người nào thích tụng thì ta tụng. Cho nên là nó cũng là sự uyển chuyển trong Phật Pháp như thế nó mới tạo ra hoan hỷ hạnh.



Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: Cứ lấy ngay câu niệm nam mô A Di Đà Phật trong kinh Thủ Lăng Nghiêm phẩm Bồ Tát Thế Chí niệm Phật viên thông sáu căn tịnh niệm thực hành chẳng cần qua từng giai đoạn.

Trả lời: Người nào tự nhiên có mọc cánh rồi bay được lên tới đỉnh núi thì cứ bay thôi. Còn người nào căn cơ thấp kém thân nó nặng không bay lên được như chim thì chịu khó đi bộ theo con đường leo lên đỉnh núi. Có nhiều cách đi, cách nào cũng tới đỉnh núi. Mà hễ lên tới đỉnh núi rồi thì người nào thấy cũng giống nhau. Cái nhìn của những người trên đỉnh núi đều thấy giống y như nhau. Người nào mà có mọc cánh thì cứ việc bay lên đỉnh núi, người nào không có mọc cánh thì cứ việc phá đá rồi làm đường đi lên đỉnh núi. Có những người suốt cả cuộc đời sáng nào cũng tụng chú Lăng Nghiêm, chiều nào cũng tụng chú Lăng Nghiêm, sáng tụng chiều tụng nhưng sân si thì vẫn còn, dâm vẫn còn. Tại vì không thấy tâm là chú, chú là tâm.

Chúng tôi hướng dẫn bạn thì đều có những cái hội tụ. Khi tâm không là chú mà chú không là tâm. Tâm chú nó tách bạch ra. Tâm thì tâm mà chú thì chú thành thử ra nó không có được lợi lạc gì hết. Cho nên cứ tụng hoài mà 70-80 năm tụng rồi rốt cuộc tánh dâm cũng không bỏ.

Rồi lại trách Đức Phật chế ra kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Phật nói tụng cái đó thì hết tánh tâm mà con tụng hoài nó không hết. Tại sao thế? Tại vì tâm không là chú, chú không là tâm.

Câu hỏi: Hành giả tu hành kiến tánh có phải là chứng bậc càng ngoại địa không? Vì chứng Tu Đà Hoàn là có niềm tin tuyệt đối vào ngôi Tam Bảo thì sao cần tu hành thập tín. Nếu đã chứng Tu Đà Hoàn thánh vị trở lên có cần thứ theo thập tín nữa không?

Trả lời: Ngài Pháp Đạt đem kinh Pháp Hoa, tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa lên gặp tổ Huệ Năng. Cúi đầu đánh lễ nhưng lại không có sát đất. Tổ thấy tổ biết ngay ông này có cái gì chướng ngại nên mới hỏi: *“Người sa môn, khi hành lễ thì cúi đầu sát đất để dẹp trừ ngã mạn. Nay nhà ngươi có công trạng gì mà cái đầu không chịu sát đất, cao như thế”*. Thì ngài Pháp Đạt mới nói như thế này: *“Con tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa”*. Ý nói là có phước Đức lắm, đã tụng được tới ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Thế thì tổ mới rầy, tổ mới nói: *“Pháp Hoa chuyển ông chứ ông đâu có chuyển Pháp Hoa”*.

Khi tụng kinh lấy cái tâm thì chuyển cái chú, như vậy mới có lợi lạc. Giống như bạn cầm một con dao muốn cắt trái cây thì con dao là có sẵn, bạn cầm trái cây cắt ra thôi. Chú nó cũng thế. Còn không có nữa thì chú chuyển

tâm. Kinh Pháp Hoa chuyển thành thử ra là tỏ rầy. Ông nghe ông hiểu được cuối cùng sau khi ông ngộ ra được, hiểu được rồi thì ông lại hỏi tổ: “*Bây giờ con đã hiểu được cái tâm vậy thì con có cần phải tụng kinh nữa hay không*”? Tổ mới rầy: “*Cái chuyện tụng kinh có dính mắc gì đến việc mà ông đã biết? Ông biết rồi thì ông cứ biết còn ông tụng chứ có dính mắc gì đâu. Tụng kinh có trở ngại, làm cho ông tối mờ đi không, làm cho ông ngu đi hơn không? Không có. Ông vẫn như thế thôi*”.

Có nghĩa là không thối thất. Bởi thế cho nên hai cái đó chẳng dính mắc gì mà cũng không có cản trở thì chúng ta cứ làm thôi. Còn tất cả những cái danh từ thì bạn cũng nên cẩn thận. Trong kinh nói thì người đọc biết như thế tại vì kinh phân tích như thế. Nhưng mà nếu rằng nói mà hiểu được nó và liễu tri được thì khó lắm. Không đơn giản chút nào hết. Cũng như nói là căn bản tính làm sao thấy được nó, sờ nó, bạn thấy được điện hay sờ được điện không? Không. Nhưng khi nào cắm cái quạt thấy nó quay hay mở đèn lên thấy nó sáng thì biết là có điện. Nhưng mà hỏi điện có thấy không thì đâu có thấy.

Trong kinh Bát Nhã thì cũng đã nói kẻ nào mà chứng đắc A La Hán mà thấy có quả vị A La Hán, thấy đang chứng đắc A La Hán thì tất cả những cái ấy đều là hình tướng. Mà cái gì có hình tướng là đều có duyên sanh, mà duyên sanh thì như huyễn. Tức là Tư Đà Hoàn, Tư

Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán đều là duyên sanh, đều là huyễn, nhưng không có thì không được. Thì làm sao để biết người nào đã liễu đạt kiết sử phiền não? Nếu đi học không có bằng cấp. Thí dụ khi bạn đi học trong trường, sau khi học xong thì thi được tốt nghiệp thì nhà trường cho một cái bằng. Bây giờ cái bằng có nói lên giá trị của bạn không? Không. Cái bằng có nói lên kiến thức của bạn không? Không. Kiến thức và giá trị của bạn không có nằm ở trong cái bằng. Nhưng không có bằng thì người ta cũng không tin. Nói cái cô đó học cử nhân luật hay là cử nhân Phật học nhưng không có bằng thì coi như có là cử nhân Phật học không? Không. Cho nên cái bằng chỉ là phương tiện tối thiểu để chứng minh, là cái thước đo vậ thôi. Nhưng cũng không có chính xác lắm. Nhưng bạn nên nhớ cẩn thận nha, nói thế gian pháp bạn nên nhớ lại kinh Duy Ma Cật. Thế gian pháp thường trụ, đừng có coi thường nha.

Câu hỏi: Thưa thầy theo bài học khi mà ta trì chú thì ta nên nhịn đói hai mươi một ngày. Thì sau đó cái tâm của ta được rỗng rang và phát sinh trí huệ. Thì sự thù thắng của nó rất là lớn. Khi ta đã nhịn đói hai mươi một ngày và ta có cái sự thù thắng đó và ta trì chú kinh Lăng Nghiêm thì một thời gian sau ta có nên nhịn đói lại một lần nào nữa hoặc là với thời gian cũng phải là hai mươi một ngày hay là chỉ vài ngày, hay là chỉ một lần đó là ta

đã có sự thù thắng rồi?

Trả lời: Một ngày thì phải ăn ba bữa cơm, có sáng có trưa có tối. Rồi nếu không ăn thì thấy có nhớ không? Nhớ chứ. Mặc dù là có thể là nhịn đói bữa đó không ăn, hoặc là công việc gì quá bận không ăn trưa. Nhưng cũng nhớ, nhớ ăn trưa. Thế có nghĩa là sao? Cái lợi lạc trong hành trì cũng như thế. Nếu ta hành trì thấy có lợi lạc rồi tiếp tục hành trì nữa thì lợi lạc vô cùng. Giống ăn cơm vậy thôi, một ngày ăn ba bữa thì cái việc hành trì cứ thế thì càng có lợi lạc. Nếu dịp này ta đã nhịn được hai mươi một ngày, rồi lâu lâu sức khỏe hồi phục thì tiếp tục nhịn nữa. Coi như là ta tịnh tâm, không dính mắc vào vấn đề ăn, tâm của ta cũng không chạy theo cái ăn nữa. Bạn thử năm, sáu ngày đầu tiên khó lắm. Cái chân chỉ muốn đi lại tủ lạnh, cái tay muốn thò vào tủ lạnh lấy đồ ăn. Nhưng khi huân tập rồi tự nhiên quen. Tới ngày thứ sáu, thứ bảy cũng không thích ăn nữa, mà rất an lạc, nhẹ nhàng. Nếu đã tập được như thế thì cứ tập. Mà khi không ăn thì bạn sẽ thấy không bị ràng buộc. Cái thân nhẹ, cái tâm nó sáng. Tại vì thân với tâm, tâm gá nơi cái thân sinh ra. Cho nên khi không bị lệ thuộc nơi ăn uống, cái thân như nhà máy sản xuất, nếu đồ ăn vào thì phải chế biến rồi phải đi toilet. Mà bây giờ không ăn, uống nước thì khát cứ uống thôi, nhưng không ăn cho nên vấn đề đi toilet cũng hạn chế và cảm thấy nhẹ nhàng, không có quấy rầy.

Rồi cái miếng ăn cũng không quấy rầy ta nữa. Mỗi lần ăn là phải đi nấu nướng rồi phải ăn rồi phải nhai rồi phải đánh răng. Mà giờ ta bỏ được cái ăn cái tự nhiên xong thấy nó nhẹ nhàng, có nhiều thời giờ để tu học. Hồi xưa khi ta ăn thì ba bữa đâu còn thời giờ để mà tu học nữa. Cứ lo ăn không thôi. Cho nên cái pháp tu cũng hay lắm.

Ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, hai mươi một ngày bạn cứ cố gắng đi bạn sẽ thấy, lấy tâm làm chủ chủ làm tâm. Rồi bạn sẽ thấy rất lợi lạc. Dĩ nhiên nhịn đói thì sẽ giảm bớt cân nặng nhưng không có sao đâu. Tại vì nhẹ nhàng sự an lạc đến. Đức Thế Tôn có dạy làm người thà một ngày biết lẽ sanh tử còn hơn là sống cả đời mà không biết lẽ sanh tử. Cho nên nếu mà được lợi lạc, biết đâu trong cái lúc mà nhịn đói rồi ngồi thiền tâm ta thanh tịnh lại bừng sáng lên thấy cái gì đó thì tốt quá.

Còn nói bỏ một ngày ăn là xui rồi thì cái tạp khí phải chịu vậy thôi. Tức là bây giờ cứ ăn như vậy thì đừng nhịn mà cố gắng ăn thật nhiều. Thay vì một ngày ăn ba bữa thì bây giờ ăn năm bữa. Mà ăn thật nhiều, đừng có ăn ít ít. Nếu mà một bữa ta ăn một chén cơm rồi ăn xong vẫn còn thòm thèm thì bây giờ ăn hai chén cơm. Ăn hai cái bánh bao chứ đừng ăn một cái bánh bao. Bạn sẽ thấy nó lợi lạc vô cùng. Ăn chừng hai, ba bữa thôi là sợ rồi không ăn nữa, lúc bấy giờ không ăn mà vẫn được an lạc. Chúng tôi hướng dẫn bạn là như thế. Chứ chúng tôi

không có nói nhịn không được thì cố nhịn. Không có ức chế tâm. Tại vì khi ức chế tâm thì không đúng theo cái pháp hành trì. Bây giờ thấy thèm ăn, một cái bánh bao thì ăn luôn hai cái bánh bao. Thèm hai cái thì làm luôn bốn cái, không sao hết. Mà khi ăn tới bốn cái rồi, nó ngán rồi tới cái lỗ mũi người thấy cái mùi là chạy. Tự nhiên nó ngao ngán thôi. Ở trong cuộc đời này cũng vậy, khi ta nhàm chán tất cả các sinh hoạt ở thế gian rồi thì không theo ngũ dục nữa mà ta nhàm chán rồi mới tu được. Còn bây giờ còn ưa thích nó thì làm sao tu. Ưc chế tâm thì không được đâu, nó sẽ quay lại đòi hỏi thôi. Nghe tiếng âm nhạc tôi cảm tôi không được nghe âm nhạc, lỗ tai vẫn tưởng tượng ra có âm nhạc như vậy đâu có tốt. Bây giờ nhét vào tai đủ các loại nhạc kêu nó rầm rầm nghe thấy nhức đầu quá rồi tự nhiên chán nản không muốn nghe các loại nhạc nữa. Nó muốn tìm một sự yên tịnh thì lúc bấy giờ mới thù thắng. Tại vì lúc bấy giờ ta đã buông xả được hết, còn bây giờ chưa có thì vẫn còn mơ mơ. Cũng như trong đạo tràng, có nhiều vị chưa có gia đình thì mong có chồng có con có vợ. Nhưng khi có rồi biết địa ngục ngay, hết thiên đàng hết Niết-bàn. Thì lúc bấy giờ mới tu được thôi. Còn bây giờ còn háo hức còn ám ức. Chừng nào thấy địa ngục rồi mới bắt đầu tự nhiên tu được ngay.

Ở trong kinh Nikaya cũng như trong kinh Thủ Lăng

Nghiêm, nói về những cái chuyện hoát nhiên đại ngộ. Cái chuyện đó thì phải hiểu cho rõ ràng còn không thì sẽ lọt vào ma chướng. Tại vì tu là phải tiệm tu chứ không có hoát nhiên đại ngộ. Chư Phật tu vô lượng kiếp mới chứng đắc như vậy. Ngài Xá Lợi Phất cũng vậy, tu biết bao nhiêu kiếp rồi. Cho nên không phải là tự nhiên người ta chứng đắc. Ngài Xá Lợi Phất nghe ngài Mã Tịnh nói một câu: “*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt*” rồi bước vào dòng Thánh, chứng quả Tư Đà Hoàn. Thế thì đâu có phải tự nhiên ngài chứng đắc như vậy. Nghe một câu mà chứng được vì ngài Xá Lợi Phất tu vô lượng kiếp rồi. Tới cái lúc cái trái nó chín rồi cho nên chỉ cần gió thổi nhẹ là rụng xuống thôi. Bạn cũng vậy, đừng nói cái chuyện tu như mì ăn liền. Có những người nói theo thầy rồi thầy ban cho câu thần chú là chứng đắc liền. Chuyện đó là chúng tôi không tin đâu. Là người tu Phật chân chính chúng ta đều phải hiểu rõ phải có quá trình tu tập. Cho nên cái chuyện đột nhiên thấy người ta nghe một câu người ta chứng đắc. Tại vì người ta đã tu vô lượng kiếp rồi. Ngày ngày đi đứng nằm ngồi người ta đều nghĩ đến tu.

Giống như câu chuyện anh chàng tử tù với chén dầu. Sợ rót chén dầu bị chém đầu cho nên không dám chĩnh mắng mà cũng không dám nhìn xung quanh, chỉ nhìn chén dầu. Người đi tu cũng thế, nhìn vào cái lẽ sanh tử.

Biết rằng Đức Thế Tôn đã dạy chỉ một hơi thở là đủ. Cho nên cái mạng người chỉ bằng hơi thở thôi, mà hơi thở ngưng một cái, thở ra mà không có thở vào là xong rồi. Vậy mà tu học không tinh tấn, dãi dãi ăn thì muốn ăn ngon, ngủ thì muốn ngủ ngon thì tài, sắc, danh, thực thù thì thực với thù là ăn với ngủ chiếm hết rồi. Một ngày nấu nướng bao nhiêu giờ, ăn bao nhiêu giờ, rửa chén bao nhiêu, đi toilet bao nhiêu thì còn thời giờ nào nữa mà tu? Cho nên nếu mà chúng ta quyết tâm tu thì phải hạ thủ công phu. Không để cho cái thân xác làm khó dễ ta, không thể nào làm chủ ta được và phải thường xuyên, ngày hôm nay tôi tu năm tiếng, ngày mai tôi không tu tiếng nào cũng không được. Ngày nào cũng tu đều đều, một ngày hai tiếng.

Nhu cầu nhiều thì khó tu. Thiếu dục tri túc mới tốt. Người tu hành tới giai đoạn không có dục luôn chứ còn người cư sĩ thì có thể thiếu dục. Thiếu dục tức là biết đủ không có ham muốn nhiều. Nhưng người tu hành thì cũng chẳng có ham muốn luôn. Đẹp hết vì biết các pháp nó không có thực.

BÀI 22: THẾ GIỚI ĐIÊN ĐẢO

Chúng ta không phải học về thức ăn, chúng ta học về cái duyên và cái chánh tâm, chánh tín, chứ chúng ta đâu có học về thức ăn, thức ăn là trợ duyên, tức là cái nhân duyên bên ngoài.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm khởi sự là do ngài A Nan bị nạn Ma Đăng Già. Ma Đăng Già tượng trưng cho cảnh bên ngoài mà lấy cái tâm là chính, tại vì cái tâm là cái khó trị nhất trong con đường tu học của người hành giả. Và ngài A Nan tượng trưng cho đa văn, tức là ham học, rất ưa thích pháp nhưng mà lại không hành trì, chỗ nào có Pháp là nghe, và nhớ dai lắm, rất là thông tuệ. Thế thì đại diện đó là cảnh và cái căn, tức là căn trần, khi căn trần giao thoa thì nảy sinh ra cái thức.

Bảy lần Đức Thế Tôn hỏi ngài A Nan vì lý do gì đi tu, thì ngài nói là: *“Con vì thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp và khởi tâm ưa thích mà đi tu”*; Đức Thế Tôn mới hỏi là ông lấy cái gì để thấy, nếu nói ba mươi hai tướng tốt thì lấy cái gì để thấy, ngài A Nan nói lấy con mắt và tâm thì nó nằm ở đâu; bảy lần Đức Thế Tôn gạn hỏi ngài A Nan đều không biết cái tâm nằm ở đâu. Đức Thế Tôn từ đấy mới diễn giảng, dạy cho ngài A Nan biết thực sự là cái tâm nằm ở đâu. Có phải là cái tâm nằm ở con mắt, nằm ở nơi cảnh hay tâm nằm

ở trong hay nằm nơi thức, tất cả đều sai.

Nếu nói rằng tự nhiên biết thì cũng sai mà nếu nói rằng là do duyên sanh thì là huyền thì cái biết đấy cũng là huyền hay sao? Cũng sai luôn, ở cái chỗ ấy chúng ta mới hiểu được rằng tâm nó không thể nói ra được. Nhỏ nhất cũng nó mà lớn nhất cũng nó, có thể bao trùm cả cái vũ trụ.

Ví dụ, bạn ra đứng ở ngoài sân nhìn lên bầu trời, bạn nhìn từ đông sang tây, bạn đều có thể nhìn thấy hết, thế thì cái tánh biết của bạn là biết rộng mênh mông như thế, nhưng khi bạn bước vào phòng thì ngay lập tức bạn bị giới hạn bởi cái khung và bạn chỉ nhìn thấy những cái gì trong phòng thôi. Cái biết của bạn, biết ở trong phòng, dung hòa ngay, và nếu như bạn lấy một cây kim, bạn sờ sợi chỉ sang lỗ kim thì lập tức cái thấy cái biết của bạn cũng thông suốt qua cái lỗ kim. Như vậy không lẽ cái biết ở trong lúc bạn đứng ở ngoài sân, biết về vũ trụ, rồi khi đi vào cái đầu kim thì cái biết ấy nó được thu nhỏ lại hay sao? Cái biết là vô hình vô tướng không lẽ lại thu nhỏ lại hay sao?

Đây là vấn đề khó cho nên Đức Phật phải giải thích cặn kẽ. Ngài hỏi hai mươi lăm vị Đại đệ tử bằng cách nào các ông chứng đắc? Chứng đắc theo kiểu nào? Hai mươi lăm vị đều giải thích mỗi một người chứng đắc

một cách khác nhau nhưng ai cũng chứng đắc A La Hán; có ông bằng lỗ mũi; có ông bằng hương trầm, khi người tới cái mùi hương trầm lập tức chứng đắc A La Hán, tại vì ngài quán chiếu rất rõ, Ngài biết rằng cái mùi hương trầm không từ nơi gỗ của trầm mà ra, cũng không từ khói trầm mà ra, cũng không từ ôxy mà ra, cũng không từ không gian mà ra, mà cũng không từ cái lỗ mũi của ngài mà ra, mà đầy đủ các duyên sanh như thế thì hòa hợp lại mới ra mùi trầm, nhưng mùi trầm ấy sẽ không có ý nghĩa nếu như ngài không có thức tức là tánh biết của mũi. Cảm giác của mũi, biết mùi thơm mùi thối, tức là cái thức biết thì cái biết ấy có thực hay không? Cái thức ấy có thực sự đúng hay không?

Thí dụ về bông hồng, ai cũng nói nó là màu hồng nhưng chúng ta học khoa học chúng ta biết chùm ánh sáng trắng đi vào bị hấp thụ năng lượng ở nơi cái vật thể của bông hồng, nó chỉ phản chiếu ra một màu màu hồng cho nên người nhận diện được tia sáng màu hồng rồi đưa lên bộ não, não ghi nhận, nói cái đó là màu hồng; thế thì cái gọi là màu hồng thực sự ra không phải hồng, mà bông hồng có tất cả các màu ngoại trừ màu hồng; vì ngoại trừ màu hồng cho nên tia sáng màu hồng mới hắt lên con người và võng mạc. Đằng sau con người của con mắt và đối với trung khu thị giác thần kinh, rồi trong cái trung khu thị giác thần kinh đã được ghi nhận cái dữ kiện

này từ nhỏ tới lớn, lúc mới sanh ra bố mẹ nói màu hồng, lớn lên chơi với bạn nói màu hồng, đi học ông thầy giáo cũng nói màu hồng, rồi bạn gái nói cái ấy là màu hồng là tình yêu cho nên trai gái mới ngắt cái bông hồng cho nhau và nói rằng anh cho em em cho anh cái bông hồng là tượng trưng chúng ta yêu nhau, thế thì cái ấy là cái gì? Cái ấy chẳng qua là sự nhồi sọ, chúng ta bị nhồi sọ từ nhỏ tới lớn, chúng ta bị nhồi sọ để chúng ta công nhận cái vật thể ấy qua cái phong tục tập quán, qui ước của thế gian, nhưng thực chất nó không phải là màu hồng, nó là tất cả các màu ngoại trừ màu hồng mà chúng ta cứ gọi nó là màu hồng, thế thì chúng ta bị cái ngu uẩn đánh lừa.

Trong kinh Kalama của kinh Nikaya, Đức Thế Tôn dạy rất rõ ràng, Ngài nói đừng nghe những gì mà từ thế hệ này nói xuống thế hệ kia, đừng nghe những cái gì mà tất cả đa số đều nói, đừng nghe những cái gì kinh sách nói, kể cả những điều mà người ta nói rằng những điều ấy là ông Phật nói cũng không tin, mà hãy áp dụng trong đời sống hàng ngày. Nếu điều mà áp dụng ấy nó có lợi lạc trên con đường tu học và lợi lạc trong cuộc sống của ta thì đó là chân lý.

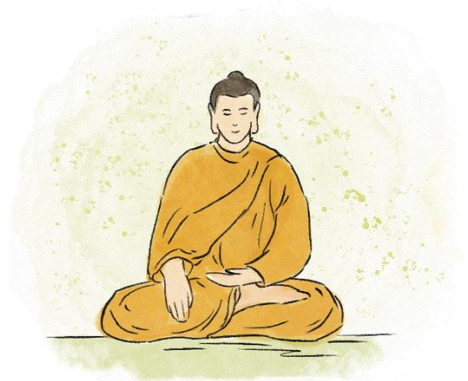
Đức Thế Tôn đã tiên liệu trước là người ta cũng gán ghép là ông Phật nói như thế này, ông Phật nói như thế kia, cứ thế tin thôi. Vào thời Đức Thế Tôn, lúc Ngài còn

đang tại thế, Ngài nghe dân chúng báo cáo mấy ông sư ưa leo cây cho nên mới nói rằng các Tỳ-kheo của Ngài Cù Đàm ưa leo cây leo lên đó để ngủ thì dân chúng báo cáo; Ngài thấy vậy Ngài mới chế ra giới luật Tỳ-kheo không được leo cây; thế rồi có một ông sư bị cọp rượt, ông nói Đức Phật nói không được leo cây, không được leo cây, ta không được leo cây; thế là con cọp xơi tái ông sư ấy tại vì ông sư ấy không leo cây; Đức Phật nghe như vậy Ngài mới chế lại giới luật, Ngài nói Tỳ-kheo không được leo cây ngoại trừ đủ mọi trường hợp. Nghĩa là luôn luôn có khai giá trị phạm, luôn luôn mở ra để cho người ta thực hành cho được đúng. Hồi Đức Thế Tôn còn sống Ngài đã nói như thế mà người ta còn hiểu sai thì hà huống gì là tới đời sau.

Khi Đức Thế Tôn vừa mới nhập Niết-bàn, ngài A Nan nghe một chú tu sĩ đi ngang, chú tu sĩ nói như thế này: *“Sống cả đời người mà không thấy được con hạc nước, không bằng sống một ngày mà thấy được con hạc nước, Đức Thế Tôn đã dạy như thế”*. Ngài A Nan mới gọi ông tu sĩ đó lại nói rằng: *“Ông nói sai rồi, Đức Thế Tôn không bao giờ dạy như thế, Ngài dạy như thế này, sống cả đời người mà không thấy được lẽ sanh tử thì không bằng sống một ngày mà thấy được lẽ sanh tử”*. Ông tu sĩ trẻ này về trình lại với sư phụ của ta thì ông sư phụ lại nói rằng chú tiểu đừng có tin lời ngài A Nan, lí do là ngài

A Nan già rồi, lắm cảm không nhớ đâu, Đức Phật đã dạy là như thế thì cứ như thế mà tu, tức là làm cả đời người, sống cả đời người mà không thấy con hạc nước thì không bằng sống một ngày mà thấy con hạc nước. Trong ngôn ngữ Pali, chữ “con hạc nước” và “sự sanh tử” nó giống nhau, nếu mà đọc trật đi một xiu thì thay vì nó là cái lẽ sanh tử mà nó lại thành ra là con hạc nước.

Đức Thế Tôn trong lúc đi hoàng Pháp chỉ có truyền khẩu, sau hơn bốn trăm năm Ngài nhập Niết-bàn người ta mới bắt đầu ghi chép lại, có cái gì để bảo đảm rằng trong bốn trăm năm đó người ta sẽ ghi chép đúng những điều Đức Thế Tôn dạy, có cái gì bảo đảm rằng người ta đã hiểu những lời của Đức Thế Tôn dạy sau bốn trăm năm không ghi chép người ta hiểu một cách đúng đắn. Bởi thế cho nên, chúng ta khi nghe kinh lấy ý bỏ lời, gọi là kinh vô tự, lấy cái ý để hiểu thôi và quan trọng là hành trì, hành trì rồi nếu nó có lợi lạc thì đó là chân lý. Nếu nó không lợi lạc thì đó không là chân lý.



Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, điều quan trọng Đức Thế Tôn nói là cái gì? Thứ nhất, Đức Thế Tôn nói là cái cảnh, nhất là cái tâm nó là vô cùng quan trọng và nó ảnh hưởng tới con đường tu học tại vì ở trong kinh có câu: *“Không có cái gì là cột chân người thanh niên cho mạnh và cứng nhất, không có cái gì cột chân một người đàn ông tốt nhất bằng sợi tóc của người đàn bà, và cũng không có cái gì cột chân người đàn bà bằng mùi hương của người đàn ông”*.

Con người ta thường thường ái nhiễm theo cảnh, tâm chạy theo cảnh, nam nữ cũng thế, bởi thế cho nên trong kinh Thủ Lăng Nghiêm mới lấy cái tính tâm ra để làm cái tiêu biểu, Ma Đăng Già tượng trưng cho cảnh và ngài A Nan tượng trưng cho cái đa văn và cái ham học của người hành giả. Trong cái ẩn dụ ấy nói rằng chúng ta là ngài A Nan, tức là chúng ta rất ham học pháp nhưng chúng ta không chịu hành trì, giống như ngài A Nan đa văn ham học chữ nghĩa nhiều mà không chịu tu cho nên tâm không định cho nên là cảnh quyến rũ tức là ma Đăng Già quyến rũ xém chút nữa mất giới thể, Đức Phật đem câu chú đưa cho ngài Văn Thù, nói ngài Văn Thù đọc câu chú ấy thì tự nhiên ngài A Nan định tâm mà quay trở về sám hối.

Chúng ta đã biết là Đức Phật nói về chú Lăng Nghiêm, Đức Phật cũng dạy ngài A Nan cách thiết lập

đạo tràng để mà tụng chú Lăng Nghiêm, mục đích của ngày hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục học thêm về cái tâm. Tức là khi cái tâm nó khởi lên điên đảo thì thể giới phát sinh, ở trong kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tâm dẫn đầu các pháp, tâm là tạo ra hết”*. Ở trong kinh Pháp Cú, phẩm Song Yếu cũng nói thế: *“Tâm dẫn đầu các pháp, tâm tạo tác, vạn pháp đều do tâm”*.

Nếu nói rằng diệu tâm là cái biểu hiện của chơn tâm tức là thể sóng và thể nước, rồi từ cái diệu tâm nó biến hiện ra muôn ngàn cảnh thì diệu tâm phải là gì?

Ngài A Nan đứng dậy đánh lễ bạch Phật: *“Chúng con ngu độn ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo tu theo Chánh pháp, thân tâm được an lạc. Bạch Thế Tôn, nếu tu chứng pháp tam ma địa chưa đến Niết-bàn thì thế nào gọi là chỗ càn huệ nơi bốn mươi bốn tâm được tu đến cấp bậc nào và đến chỗ nào mới được gọi là nhập sơ địa? Thế nào gọi là Đẳng Giác Bồ Tát?”* Nói xong năm vóc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú.

Bấy giờ Thế Tôn khen ngài A Nan: *“Lành thay, lành thay, các người lại biết vì cả chúng trong hội này tất cả chúng sanh tu tam ma địa cầu pháp Đại Thừa trong đời Mạt Pháp xin Ta chỉ rõ lối tu vô thượng chân chánh, từ phàm phu đến đại Niết-bàn, nay các người hãy lắng*

nghe, ta vì các người mà nói”. A Nan và đại chúng chấp tay lắng lòng yên lặng để nghe, Phật bảo như thế này: “*A Nan, nên biết Diệu Tánh sáng tỏ lìa những danh tướng vốn chẳng có thể giới chúng sanh*”. Đức Phật khai thị nói rất rõ, nếu diệu tánh sáng tỏ lìa những danh tướng vốn chẳng có thể giới chúng sanh, thế giới chúng sanh do cái sự mê mờ, do cái sự vọng tưởng điên đảo, cho nên mới vướng vào danh tướng và khi chấp vào danh tướng thì lập tức có đúng có sai, có cứng có mềm, có đất có không khí, và tất cả từ nơi cái ấy mà nó sanh ra, từ nơi ấy mà nó sanh ra. Bởi thế cho nên Đức Thế Tôn mới nói diệu tánh thì sáng tỏ, lìa những danh tướng thì không có thể giới chúng sanh, tức là tất cả đều là bình đẳng.

Ở trong kinh Duy Ma Cật, khi ngài Tu Bô-đề cầm bình bát đến khát thực, gặp ngài Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật bới com vào đầy trong cái bình bát và nói như thế này: “*Nếu ngài Tu Bô-đề hiểu được các pháp như thế này thì hãy ăn com này, hãy thọ dụng com này, như vậy mới là xứng đáng*”. Thế hiểu cái gì? Hiểu rằng là pháp và com đều bình đẳng, com và pháp đều bình đẳng tức pháp tức com. Thế thì tại sao nói rằng com và pháp đều là bình đẳng, các pháp cũng đều là bình đẳng, phải hiểu được như thế thì mới xứng đáng được ăn com, thế thì com đấy là gì?

Com đấy là pháp chúng ta hằng ngày, chúng ta đều

ngồi lại với nhau cùng phát tâm tu học để mà liễu đoạn sanh tử, thì pháp này chính thực là cơm, tức là pháp thực. Pháp này chính là cơm và loại cơm này rất thù thắng, khi người hành giả ăn cơm này thì liễu tri được tất cả các pháp và hiểu được rằng là cái thực tướng của các pháp như thế, không có không không, không dơ không sạch cho nên không vướng mắc vào đây, vì không vướng mắc vào đây cho nên thông dong tự tại và nếu đã được thông dong tự tại thì biết rằng đến đi cũng là thế thôi, sanh tử coi nhẹ, và ở ngay chỗ ấy không luyến cảnh và nếu không luyến cảnh thì sẽ không rơi vào trong chỗ khao khát có một cái thân khi lìa cái xác này và chính vì như vậy mà sanh tử luân hồi chấm dứt.



BÀI 23: ĐỊA NGỤC LÀ GÌ?

Bài này chúng ta sẽ học chủ đề Địa Ngục Là gì? Ở trong trang *daophatvaodoi.com* và kênh **Đạo Phật Vào Đời** trên *Youtube.com* chúng tôi cũng đã có nhiều bài giảng về chủ đề địa ngục, chẳng hạn như hình tượng địa ngục, địa ngục biến tướng... nhưng mà đặc biệt ngày hôm nay, chúng ta sẽ căn cứ địa ngục theo kinh Thủ Lăng Nghiêm. Thật sự ra, cái này nằm trong phẩm Diệu Giác của kinh Thủ Lăng Nghiêm, nhưng nói về địa ngục cho nên chúng tôi dùng chữ địa ngục để nói.

Ngài Văn Thù Sư Lợi, đứng dậy đánh lễ Phật và hỏi rằng: “*Kinh này tên gì, chúng con phải phụng trì như thế nào*”. Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: “*Kinh này là Đại Phật Đảnh Thuần Trắng chẳng ô nhiễm, Vô thượng báo ấn, Mười phương Như Lai thanh tịnh hải nhãn, cũng gọi là cứu hộ thân nhân, độ thoát A Nan, và Tỳ-kheo tánh trong hội này đắp tâm Bồ-đề vào biển biến tri, tức là gọi là Như Lai mật nhân tu, chứng liễu nghĩa, cũng là Đại Phương Quảng diệu Liên Hoa Vương Mười Phương Phật mẫu Đà La Ni Chú, và các ngườì nên phụng trì*”.

Phật nói xong, thì A Nan nhờ Như Lai khai thị hiểu được nghĩa là mật ấn chẳng ô nhiễm, và từ đó tâm rộng lặng và dứt được sáu phiền não vi tế trong tam giới. Ngài A Nan thưa thỉnh với Phật: “*Nếu diệu tâm sáng tỏ này*

vốn miên mãn cùng khắp như thế cho đến đất đai cỏ cây sâu bọ hằng linh bản tánh chơn như". Nghĩa là chưa thể thành Phật của Như Lai, bản thể chơn thật tại sao lại có địa ngục nga quỷ, súc sanh, A-tu-la, loài người và trời. Lục đạo này vốn tự có hay do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi.

Ngài A Nan thấy rằng tại sao Đức Thế Tôn khai thị có mấy chữ "*Mật ấn chẳng ô nhiễm*" thôi mà rất là thanh tịnh và chứng đắc, bước vào dòng Thánh. Thành thử ngài A Nan mới hỏi Đức Phật rằng: "*Nếu nói rằng mật ấn chẳng ô nhiễm, như vậy thì phải chẳng địa ngục là do vọng tưởng điên đảo của con người mà chiêu cảm sinh ra, tại sao lại có tới sáu con đường: địa ngục, nga quỷ, súc sanh, A-tu-la, loài trời và người*"? Do tự nó có hay do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sinh khởi ra?

Rồi lại hỏi, "*Thế Tôn, như Tỳ-kheo Ni Bửu Liên Hương Liên trì giới Bồ Tát, lên hành dâm dục, vọng nói hành dâm, nói xong nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, đốt từng đốt xương bưng cháy và đọa vào địa ngục A Tỳ. Cũng giống như Vua Lưu Ly và Tỳ-kheo Thiện Tinh. Lưu Ly thì giết hại dòng họ Cô Đàm. Thiện Tinh thì nói vọng tất cả các pháp đều là không. Cả đều sống trong địa ngục A Tỳ*".

Ngài A Nan hỏi nếu nói rằng diệu tâm của ta là sáng

tổ viên mãn cùng khắp mọi nơi, tức là chơn thể của Như Lai, vậy vật thể chơn, tánh của nó là chơn thật, thể thì tại sao lại có địa ngục, nga quý, súc sanh, A-tu-la, người và trời vậy? Trong khi bản tâm của ta tự nhiên nó vốn là thanh tịnh rồi, tại sao lại nói thêm mấy cái đó.

Rồi ngài A Nan cũng thí dụ, như là Tỳ-kheo Ni Bửu Liên Hương trì giới Bồ Tát, lén hành dâm dục, cũng bị đọa, nơi nữ căn sanh ra ngọn lửa lớn, đốt xương từng đốt một cháy hết; rồi như vua Lưu Ly và Tỳ-kheo Thiện Tinh, vua Lưu Ly giết hết dòng họ Cù Đàm. Tiền kiếp của ông vua Lưu Ly này là gì? Tiền kiếp của ông vua Lưu Ly là con cá ở trong một cái hồ, dân chúng trong làng đó đánh bắt hết cá trong hồ để ăn. Ăn không hết thì đổ bỏ rất phá hoại gây ân oán. Nên khi nó đầu thai làm người, đem quân tướng theo để trả thù. *Theo truyền ký*, Ngài Mục Kiền Liên đem cả dòng họ Cù Đàm bỏ vào trong bình bát để bay lên trời. Sau khi chiến tranh xong, mở bình bát ra thì thấy toàn là máu, tức là khi tới lúc phải trả thì trả thôi, dầu có đem đi chỗ khác cũng không được.

Ngài Mục Kiền Liên vì tâm từ, đem 500 người dòng họ Cù Đàm trong thành bỏ vào bình bát đem lên trời tính là tránh nạn, nhưng sau khi chiến tranh kết thúc rồi, mở bình bát ra thấy chỉ toàn là máu thì thưa thỉnh Đức Thế Tôn: “Hà có gì, nguyên do gì mà con đã làm như thế vẫn

không cứu được”. Đức Thế Tôn nói là do nghiệp báo chiêu cảm, cho nên như vậy, nhà người có làm gì cũng không cứu được đâu. (Đoạn này theo Tiểu bộ phần Thánh Nhân Ký Sự có nhắc trường hợp dòng tộc Sakya bị tàn sát, chú giải Pháp Cú có kể rõ sự kiện dòng tộc Sakya bị tàn sát nhưng không có đoạn ngài Mục Kiền Liên đem cả dòng họ Cù Đàm bỏ vào trong bình bát để bay lên trời)

Thế thì địa ngục từ đâu? Khi Đức Thế Tôn giảng tới chỗ mật án chẳng ô nhiễm, thì các thượng thủ đều ngộ ra cái diệu lý của thiên na, cái tâm nó rộng lặng, cho nên ngài A Nan hỏi cái Diệu Tâm sáng tỏ là viên mãn cùng khắp, thế thì cái gọi là địa ngục, nga quý, súc sanh, A-tu-la, loài người và trời ở đâu mà có? Một là tự nhiên đã sẵn có, mà nếu tự nhiên đã sẵn có thì có nghĩa là ở nơi ấy để những người nào ác thì đem nhốt. Còn nếu do tâm tánh của chúng sanh chiêu cảm thì đã trình bày nhiều lần mỗi một người có những cái địa ngục khác nhau, không có địa ngục nào giống địa ngục nào.

Ngài A Nan cũng hỏi là các địa ngục ấy có chỗ nhất định hay chẳng định, mỗi người gây cái nghiệp nhân rồi tự chịu nghiệp quả hay tất cả đều là tự nhiên. Tức là có một cái địa ngục thật là lớn, rồi trong đó chia ra nhiều khu, người nào phạm tội gì thì đem vô đó nhốt. Đức Thế Tôn bảo ngài A Nan: “Lành thay câu hỏi, khiến chúng

sanh chẳng mắc tà kiến, nay người hãy lắng nghe, ta vì nhà người mà nói”.

Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan: “*Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chân thật và trong sạch. Vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần*”. Tức là tượng trưng ra để nói vậy thôi, chứ phân biệt giữa nội phần và ngoại phần cũng khó lắm. Trong kinh sách thì chia làm 2 phần là nội phần và ngoại phần. Nội phần là phần trong của chúng sanh, do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình. Vọng tình tích chứa không thôi sanh ra ái thủy, hễ nghĩ đến thức ăn ngon chày nước miếng. Vì cái vọng tình tích chứa cho nên sanh ra ái thủy. Tâm tham dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch. Nói trắng ra khi cái tâm tham lam khởi lên, nghĩ tới chuyện dâm dục thì hai nam căn nữ căn chảy nước. Thì tánh nước thấm ướt chẳng lên được tự nhiên là sa đọa cho nên gọi là nội phần, những ái dục ấy, trong kinh nói thế nhưng thật ra bạn cũng nghĩ xa hơn một chút xíu, không chỉ vật lý mà còn ô nhiễm về mặt khác nữa.

Ngoại phần tức là phần ngoài của chúng sinh, do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi sanh ra ám khí. Nhưng nếu bạn cưỡng chế cũng không được, cưỡng chế tức là cưỡng ép cái tâm, như vậy sẽ lại không thù thắng. Nếu chúng sanh giữ tâm, hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng tâm trì chú ấn

thì cử chỉ hùng dũng, tâm sanh lên cõi trời như chiêm bao thấy bay lên. Nếu chúng sanh có cái tâm giữ giới, tức tâm tức chú tức chú tức tâm, trì chú bằng tâm, không có trì bằng miệng, không có trì bằng tướng thì nó khác hơn. Những cái vọng tướng nó sẽ được chuyển hóa.

“A Nan, tất cả sanh tử tương tục trên thế gian sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi trong dòng nghiệp đến lúc lâm chung còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch”. Đây là nói theo pháp thế gian, chứ không phải nói sống thì thuận chết thì nghịch. “Hai tập khí xen nhau, thân tướng thì bay lên, cùng đồng thể thì bay, phước đức trí huệ thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tịnh độ Mười Phương Chư Phật. Tình ít tướng nhiều, nhẹ nhàng bay xa, thì làm phi thiên, đại lực quý vương”. Tức là theo tình tướng mà khởi sinh ra.

“Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện hộ trì Phật Pháp, hộ trì giới cấm, người trì giới hoặc trì thân chú, người trì chú thành tựu pháp dẫn thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tòa của Như Lai. Tình và Tướng bằng nhau chẳng bay chẳng chìm thì sanh ra nơi cõi người. Mà tình nhiều tướng ít thì đọa vào súc sanh, địa ngục. Bảy phần tình ba phần tướng thì chìm dưới quỷ luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngựa quỷ. Chín phần tình một phần tướng thì đọa dưới hỏa luân. Thần tình thì

chìm sâu vào địa ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy có phi báng đại thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng thuyết pháp, hư tiêu kính tín, lạm nhận cung kính hoặc phạm ngũ nghịch thì lại phải sanh khắp địa ngục A Tỳ mười phương. A Nan! Những điều kể trên đều do nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, tự tạo nên thập tập nhân, thọ lục giao báo”.

Tất cả đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm. Cho nên mỗi một nghiệp đều khác nhau, không giống nhau. Sao nói là thập tập nhân, thâm tập giao tiếp phát sanh nơi chỗ cọ sát, thì cọ mãi không thôi cho nên phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng tay mà cọ sát thì tương ấm nó hiện tiền. Hai tập khí mà đốt nhau, sanh ra những việc dục sắc trụ độc. Đối với mười phương Như Lai xem sự hành thâm như hỏa dục, Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh. Nói theo cái ý vậy thôi, phải thấy như vậy để mà nhàm chán. Mà nếu khi hiểu rất rõ rồi thì cái thâm nó thật sự không có gì quan trọng. Nó là một thứ năng lượng nếu biết cách chuyển hóa thì trở thành ra trí tuệ. Nhưng đối với người sơ cơ hoặc những người chưa rõ nghĩa thì vẫn phải nói hành thâm giống như dục hỏa để cho người ta tránh đi.

Hai là tham tập giao kế, phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, bên ngoài thì có xúc lạnh. Ba là mạng tập giao lãng.

Bốn là sân tập giao xung, tức là xung đột nhau. Năm là trá tập giao dụ là dụ dỗ nhau. Sáu là cuồng tập giao khí là lường gạt nhau. Bảy là oán tập giao hiểm là hiểm khích nhau. Tám là kiến tập giao minh là kẻ thông minh ham kiến chấp. Thông minh mà ham kiến chấp thì cũng như không. Chẳng có được cái ích lợi gì hết. Giống như năm thứ ác kiến các nghiệp tà ngộ kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau. Ví như người đi lạ đường gặp nhau, cãi cọ thừa kiện nên có cấp quan nắm lại, để mà đối chiếu. Hai tập khí giao xen nên mới có thiện ác, đồng tử tay cầm hồ sơ văn bản điều tra khám hỏi vân vân... Mười Phương Như Lai xem những điều ác kiến đồng như hàm độc, cho nên tập kiến giao minh là kẻ thông minh ham kiến chấp là đối với Như Lai đó như hàm độc và đối với Bồ Tát xem như là hư vọng, như là hổ độc.

Điều này nói cho ngài A Nan và tất cả những chúng sanh nào bắt chước như ngài A Nan ham chữ nghĩa ham văn tự mà quên đi cái ý quên đi cái sự tu tập. Thấy cảnh phan duyên, chạy theo cảnh thì vọng tưởng điên đảo. Chín là uổng tập giao xen, pháp nơi vu không phi báng thế nên có hợp sơn hợp thần, cối nghiền cối xay, Mười Phương Như Lai xem sự vu vạ như là cọp dèm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như là bị sấm sét, thực sự ra nói Mười Phương Như Lai xem sự vu vạ như là cọp dèm (gièm) pha, tức là những người ưa đi dèm pha người khác thì

xem sự vu vạ giống như là cọp vậ thôi, Bồ Tát xem sự vu vạ như sấm sét, tức là nói hành động của ta, nhưng ngược lại đối với những người bị vu vạ bị oan, thì trong mười bốn điều kim khẩu của Đức Thế Tôn thì là oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch thì nhân quả không xả.

Tại vì oan ức thực tánh cũng là không. Nó đều có cái nghiệp. Nhiều lúc có cái nghiệp từ năm hay mười kiếp trước, cái lúc phát sinh ra kiếp này chúng ta không biết nên nghĩ là tôi có làm gì đâu. Thực sự ra nó là từ bao nhiêu tiền kiếp nó sinh ra như thế rồi. Có nhiều khi ông xã mắng chửi ta cái, ta nổi sân lên, ta đâu có biết cái đó là từ tiền kiếp nào nó nảy sinh ra, không chừng kiếp trước ta mắng chửi ông, thì kiếp này ông mắng ta lại thôi. Khi hiểu được như thế thì cũng là thông dong. Đó là những người mới tu tập sơ cơ.



Người nào đã tu tập thuần thực rồi thì tự nhiên quán chiếu âm thanh là pháp, lỗ tai cũng là pháp, tánh nghe cũng là pháp, pháp thì tự tánh vốn là thanh tịnh thì hà có gì phải khởi lên phiền não. Phiền não là do sự chấp trước, chấp đúng sai, chấp có thức có căn có trần. Căn trần thức nó giao thoa thì cứ thế mà vọng tưởng điên đảo nổi lên. Và sống trong cái địa ngục mà tự ta chiêu cảm lấy thôi chứ cũng không có ai làm ra cái địa ngục cho ta hết. Ta tự làm ra địa ngục, ta chui vào đấy rồi hoan hỷ ở trong đấy.

Có khi ở trong ấy ta hoan hỷ mà ta không biết, giống như Đức Thế Tôn nói trong kinh Pháp Hoa, thấy các con ở trong nhà lửa, nhà lửa sắp sập, bảo chúng nó ra mà nó không ra, tại sao? Ham chơi trong nhà lửa, tham sân si, kiến văn ngã mạn đủ các thứ, mà cứ nghĩ nhà lửa vui quá, ra làm chi phải không bạn? Người nào đang có gia đình, đang sung sướng có chồng có con giò bảo ráng tu đi, đâu có tu được. Hưởng thụ cho thoải mái cái đã, tâm lý người đời là vậy. Tại bạn cứ nghĩ cái gì cũng trường tồn, đi tu cũng thế.

Đi tu thấy có nhà, có chùa của ta, Phật tử của ta, Phật tử không nghe thì cứ Phật tử, nói tại sao thầy cô nói mà không chịu nghe. Ta là cái gì mà bắt người khác phải nghe? Chúng sanh là huyễn, ta cũng là huyễn chứ có là cái gì đâu, ta tu được bao nhiêu mà ta dám nói người ta

phải nghe thế này, phải nghe thế kia. Người ta không nghe thì nổi cơn phiền muộn. Tự ta chiêm cảm, ta lập ra cái địa ngục ta chui vào.

Nhiều lúc ta chấp cứng ngắc, chấp Phật tử là của tôi, giống như con tôi, tôi nói con tôi thì nó phải nghe, tôi để nó ra tôi nói nó phải nghe. Tới năm mười tám tuổi nó đi theo cô nào đó thì mắng chửi nó, tao nuôi mày từ nhỏ tới lớn cực khổ, tự nhiên mày theo người ta. Ta đâu biết cái nghiệp của nó phải trả? Cái nghiệp của ta cũng thế, lúc ta trẻ tới lúc ta lớn tự nhiên ta bỏ nhà ta đi lấy chồng lấy vợ thì có khác gì đâu. Cái dòng nước cứ thế mà chảy.

Cho nên, trong mười cái điều này, nói theo lý cho người mới tu tập thôi, người nào đã tu tập thuần thực đã nhìn thấy rõ thực tướng của các pháp nó như thế rồi thì chẳng có cái gì phải vướng mắc. Thí dụ như là cái chỗ vu vạ ở điều thứ chín, uổng tập giao xen, nơi vu vạ thì Mười Phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp dèm (gièm) pha. Thì nghĩa là cái người như Chư Phật Mười Phương chẳng bao giờ vu vạ cho ai hết thì xem như cọp dèm (gièm) pha thôi, không có lợi lạc gì hết. Còn Bồ Tát xem sự vu vạ như sự sấm sét, đó là nói theo thế gian pháp cho người ta hiểu, còn thật sự ra cái lý không có cái gì hết.

Tất cả các pháp đều là huyễn, vạn pháp do duyên

sanh, vạn pháp do duyên diệt mà nếu nó duyên sanh duyên diệt tức là huyễn, nó không thực, thì hà có gì phải phiền não. Tự chiêu cảm tạo ra cái địa ngục chui vào đấy. Cho nên nói sự nói lý thì bạn phải hiểu được cái ý xa xôi của các điều Phật dạy. Tùy theo căn cơ chúng sanh mà ngộ ra cái điều ấy thôi.

Sao lại nói là lục giao báo? Đức Phật dạy như thế này: *“Tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo đều từ lục căn mà ra”*. Lúc trước chúng ta đã học phần lục căn rồi. Nay Đức Phật đã nhấn mạnh lại, tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo đều từ lục căn mà ra. Tưởng là ta biết. Tưởng cái biết, nhưng thực sự ra cái biết ấy chính là tạo nghiệp. Tại vì ngay cái biết ấy là đã có cái chấp, chấp gì? Chấp ngã, chấp pháp, kiến chấp. Hễ chấp ngã thì ái ngã, người ta nói đùng chạm tới ta thì nổi sân lên liền, ta mới là đúng.

Tại vì ngã mạn cho nên tối tăm mặt mày, không biết người ta nói cái gì mà chấp, chấp chữ chấp nghĩa đâm ra bị kẹt. Mà đạo là gì? Đạo là chân lý, còn tất cả kinh điển của Đức Thế Tôn là ngón tay. Nếu bạn chấp ngón tay là chân lý thì đâu phải lỗi của Đức Từ Phụ đâu. Đức Thế Tôn đã nói rất rõ, Pháp của ta như ngón tay mà thôi. Bốn lăm năm ngài hoằng pháp xong ngài nói, ta có nói gì đâu! Ta có nói gì đâu, tùy theo căn cơ chúng sanh mà ngài cho thuốc thôi. Bệnh nào thì cho thuốc đó chứ ngài

có nói gì đâu. Cũng bài Tứ Diệu Đế nói cho năm anh em Kiều Trần Như thì nói là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là gì, tám thứ khổ, sanh lão bệnh tử, cầu bất đắc khổ v.v... nhưng mà sau đó nói với một cô bé gái tám tuổi, cũng nói Tứ Diệu Đế nói đâu được. Ngài chỉ nói hai thôi, là có cái khổ, và có cái cách diệt khổ. Thế thì cô bé tám tuổi hiểu được và ngộ. Cho nên tất cả những điều ngài nói chẳng qua là phương tiện để mà chỉ cho thấy cái chân lý, tức là cái chân tâm thường trụ.

Trong Đại Trí Độ Luận, ngài pháp sư Hỷ Căn và ngài pháp sư Ý Căn. Ngài pháp sư Ý Căn thì nói dâm dục có đặng tới nó. Nhưng bây giờ hỏi bạn chạy xa được không? Trong người ai cũng có cái dâm? Có ai không dâm không, kể cả vị tu sĩ? Đức Thế Tôn đã dạy, con người sanh ra từ bé đã có cái dâm tánh, tại vì nó từ nơi sản phẩm dâm dục của cha mẹ sanh ra, cho nên không thể nào nói là tôi không có dâm. Cái người tu khác hơn người bình thường là luôn luôn chuyển hóa, tức là khi khởi lên nó biết cái đó là năng lượng, thì chuyển hóa cái năng lượng dâm thành trí tuệ, có phương thức để chuyển hóa, cho nên người tu sĩ khác hơn con người thường ở chỗ ấy mà thôi.

Chứ nếu nói không có dâm, là gỗ đá à? Vì tánh dâm là một trong những năng động để chuyển hóa của năng lượng, năng lượng đi lên, năng lượng đi xuống, năng

lượng từ trong ra ngoài, năng lượng từ ngoài vào trong đều phải có giao thoa, mới điều hòa. Thế thì con người tu, con người ngồi thiền để chi vậy? Để cho điều hòa cái năng lượng để trong ngoài đều cân đối, trên dưới đều cân đối. Nó có nghệ thuật của nó thôi, cũng như khảy đàn, cũng nắm ngón tay nhưng khảy điều luyện thì nghe riu riu rất, người tu cũng vậy, người tu thuần rồi thì điều hòa được năng lượng. Năng lượng dâm thành ra trí tuệ. Nếu không khéo điều hòa thì phát ra hai tướng, một là phát lên não, phát cuồng chấp đủ mọi thứ hết. Hai là phát xuống hạ bộ thì phát dâm. Có hai thứ phát cuồng hoặc phát dâm thôi.

Cái chuyện mà nói tới dâm thì ngài pháp sư Ý Căn ở trong Đại Trí Độ Luận rất là sợ, khuyên các đệ tử tránh ra. Nhưng ngài pháp sư Hỷ Căn lại khuyên các đệ tử chẳng có gì phải sợ hết, biết rõ thực tướng của nó như thế rồi, thì cách diệu dụng làm sao chế biến để nó trở thành có hữu ích cho ta. Con người ta không có năng lượng thì chết. Tại vì nếu không có năng lượng thì lạnh ngắt, tức là sắp chết. Cho nên đừng có nói tu rồi là hết dâm. Duy tuệ thị nghiệp tức là chuyển hóa cái dâm thành ra trí tuệ, tức là lúc bấy giờ thăng hoa trong cái thể tướng thăng hoa thể tánh như là vàng đã tôi luyện ra thành vàng thỏi rồi.

Tại sao nói ác báo là từ lục căn mà ra? Đức Thế Tôn

dạy như thế này: “Một là kiến báo chiêu cảm ác quả khiến kiến nghiệp giao báo thì lúc lâm chung trước hết thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo vào khói vào ngục A Tỳ, phát minh ra hai tướng, một là khắp sáng, khắp thấy mọi điều hung dữ sanh ra khiếp sợ, hai là thấy tối mịt mù chẳng thấy gì, sanh ra hoảng hốt. Thấy sáng quá cũng sợ mà thấy tối quá cũng sợ. Do chiêu cảm thôi. Kiến báo. Như vậy thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thành tro nóng lò than; đốt ý thức thành ra hoa lửa rưới khắp rung động cả hư không”.

Nãy giờ nói về một cái Kiến báo chiêu cảm, bây giờ thì những cái khác nó cũng thế. Chẳng hạn như Khứu báo chiêu cảm ác quả, rồi Vị báo, Xúc báo cũng giống như vậy.

Khi tướng nghiệp giao báo thì lúc lâm chung hết thấy gió bão thổi nát quốc độ thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió giống cơn lốc thần thức người chết bay lên trên xoay theo chiều gió, đọa ngục A Tỳ, một là chẳng giác mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi, hai là mê muội chẳng biết khổ đốt cháy không cùng. Tức là giác mê, hai cái tướng báo chiêu cảm sanh ra, một là chẳng giác cho nên mê muội bỏ chạy, chạy

hoài. Giống như cái anh chàng, sáng ra soi gương thấy cái đầu không có cái mặt, ảnh phát điên ảnh chạy, thế thì cái điên ấy do đầu mà ra, do cái gương hay do cái đầu hay do cái mặt, hay do cái tưởng?

Thế thì trong này Đức Thế Tôn dạy nó phát minh ra hai tướng, một là chẳng giác mê muội vô cùng bỏ chạy không thôi, hai là mê chẳng biết khổ thì bị đốt cháy không cùng đau đớn khổ sở. Như vậy thì tà tướng kết vào với ý thức thành ra phương sở, kết vào thị giác thì thành ra gương soi, bằng chúng kết vào thị giác thì thành đại hợp băng giá sương mù đất sét mà kết vào khứu giác thì thành ra xe lửa củi lửa thuyền lửa, kết vào vị giác thì thành ra tiếng la khóc, kết vào xúc giác thì thành ra lớn nhỏ nghiêng ngửa muôn phần chết đi sống lại trong ngày.

Tà tướng là mượn danh từ ở đây để nói tà tướng thôi chứ làm gì có tà. Hễ có đối đãi thì có chánh có tà, mà trong này chỉ có nói tới cái tướng thôi, hễ có tướng thì có chiêu cảm mà hễ có chiêu cảm thì mở cửa địa ngục. Mỗi cái địa ngục đều do sự chiêu cảm của từng cá nhân cho nên không có cái địa ngục nào giống cái địa ngục nào hết chứ không phải có một cái địa ngục lớn rồi tất cả mọi người đều bị xử ở đấy đâu. Tùy theo cá nhân, tùy theo cái nghiệp lực của từng người. Bởi vậy cho nên khi có một vị Tăng tới hỏi ngài Triệu Châu: “*Con chó có*

Phật tánh hay không?” thì ngài nói: “*Không*”. Vị tăng mới hỏi: “*Tại sao Đức Phật nói chúng sanh đều có Phật tánh, con chó cũng là chúng sanh mà tại sao ngài nói không*”. Ngài Triệu Châu trả lời: “*Con chó nó có Phật tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ*” mà nghiệp thức che mờ cho nên không thấy Phật tánh. Nếu có mà không thấy thì cũng như không thôi.

Trong kinh Pháp Hoa nói chúng sanh mỗi người đều có Phật tánh, đều bình đẳng, thế thì bạn thử tự hỏi? Tại sao ông Phật là Phật mà chúng sanh cứ là chúng sanh hoài, tại sao thế? Trong kinh Pháp Hoa Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: “*Phật tánh nơi chúng sanh và Phật tánh nơi Phật đều giống như nhau*”. Ta có Phật tánh như Phật mà ta là chúng sanh, điên đảo, phiền não, tham sân si, chấp đủ mọi thứ trong khi Đức Phật là Phật. Đức Phật đã nói rất rõ, Phật tánh ở nơi chúng sanh, và Phật tánh ở nơi Phật giống y hệt như nhau, chẳng khác, chẳng hơn chẳng kém, chẳng một bên sạch sẽ một bên dơ dáy. Cái nào cũng thanh tịnh như nhau, bình đẳng hết, cái nào cũng rỗng rang hết. Thế mà tại sao chúng sanh ba cõi sáu đường cứ lăn trôi?

Tại vì khởi lên một niệm là lăn trôi thôi. Cái niệm chiêu cảm, khởi lên niệm thương niệm ghét, niệm đúng niệm sai là chiêu cảm, còn Đức Thế Tôn ngài đã dứt bật không một niệm. Một niệm không sanh thì đâu còn cái

gì để mà chiêu cảm, đâu còn có tướng nữa, rỗng rang. Cho nên Phật tánh là như thế, con chó cũng có Phật tánh như vậy, mà tại sao nó không thấy được. Ngài Triệu Châu nói con chó có Phật tánh nhưng bị nghiệp thức che mờ cho nên không thấy, cho nên cái sự hành xử giữa con người với con chó khác nhau. Con người thì những đồng phân thải ra rồi không muốn dòm, còn con chó thấy đồng phân con người vừa thải ra lại mừng chạy lại xoi. Thế thì khác nhau ở cái chỗ biết với không biết thôi. Cái nghiệp thức làm cho điên đảo.



Trong cuộc sống hàng ngày cũng vậy, có người tu, người không tu, tu cũng bị điên đảo, phải bị thử thách. Các vị cư sĩ thì bị thử thách theo lối cư sĩ mà tu sĩ thì bị thử thách theo lối tu sĩ, không ai không bị thử thách hết. Nếu không có những cái bệnh hoạn thì làm sao ta kiên tâm ta tinh tấn mà biết đời là vô thường. Nhiều khi đi

đâu thấy người ta nói “con xin đánh lễ thầy” nghe khoái quá là vương rôi. Tưởng ta là thầy thiệt là vương rôi, kẹt cứng ở trong đây. Ta có là cái gì đâu. Tu chưa được bao nhiêu rôi phước đức cũng chưa được có bao nhiêu, chứ phước đức có nhiều thì giờ này đã chứng đắc rôi chứ đâu còn ngồi đây nữa. Ngồi đây tức là chưa có gì hết, hai bàn tay không còn đang đi tu học tập tành vậy thôi. Nói vậy để cho bạn biết phải dẹp cái ngã đi, đừng tưởng ta là giỏi, hay ta là có phước đức gì, cái đó không có đi tới đâu được đâu. Cư sĩ thì cũng thế, có nhiều vị cư sĩ đọc hai ba quyển kinh xong cái là lên viết bao nhiêu quyển sách, luận giải kinh này, luận giải kinh kia, rồi chê bai người này, chê bai người kia đủ thứ, có khi còn chê cả giáo lý của Đức Từ Phụ, nói là kinh đó không hề có Đức Phật thuyết.

Bạn nói Đức Phật đúng sai ngài cũng không bao giờ chấp, nhưng bạn tự mở cửa địa ngục, tự chiêu cảm địa ngục của ta, vì bạn chấp ngã, chấp pháp, chấp kiến. Ba cái đấy nó nhốt ta mắc kẹt trong đây. Cho nên các địa ngục đều do sự chiêu cảm của ta mà thôi, của cái sự tạm gọi mở ngoặc đóng ngoặc gọi là “biết” nhưng cái biết ấy là cái biết gì? Cái biết của thế gian, có đối đãi, có phân biệt, có ngã sở, cái biết có phân chia. Cái nào có dính tới ngã thì đều có đối đãi, mà ái ngã là kẹt.

Trong kinh Phạm Võng Đức Thế Tôn dạy thế này:

“Sáu mươi hai cái luận thuyết của các nhà đại biện luận đại tài của Bà La Môn, vẫn không vượt ra khỏi cái lưới phạm võng, không thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, không dẫn người hành giả ra khỏi sanh tử, vẫn không dẫn người hành giả ra khỏi phiền não”. Sáu mươi hai cái luận thuyết nói về vũ trụ như thế nào, con người như thế nào, con kiến như thế nào, cái gì cũng nói được hết, sáu mươi hai cái luận thuyết tuyệt vời, nhưng tại sao Đức Thế Tôn lại nói các ông ấy không thể vượt ra khỏi lưới phạm võng, lưới nó rất là to, nhưng mà cứ hễ đụng cái đó là rớt xuống không thể lọt ra khỏi cái lỗ của nó. Cái lỗ to tại sao không lọt ra được? Trong kinh Phạm Võng nói rất rõ, tại vì cảm thọ, tại vì các ông ấy đều nói cái thuyết ấy của ta là đúng. Tức là thọ cái pháp ấy, thọ cái thuyết ấy, nói rằng thuyết ấy của ta là tuyệt vời, ý của ta là đúng nhất mà đâu có hiểu cái dụng đích là như thế nào. Đức Thế Tôn là một vị lương y, ngài tùy theo bệnh mà ngài cho thuốc. Không phải điều ngài nói người nào cũng giống nhau, tùy người. Cũng nói về sanh tử mà ngài gặp người này ngài nói khác, gặp người kia ngài nói khác, vì căn cơ nói khác.

Rồi gặp cái bà già ôm đứa con bị chết, lại hỏi Đức Thế Tôn cứu giùm. Đức Phật cứu được cho đứa bé chết sống lại? Ngài mới nói: “Được rồi, bà muốn ta cứu thì ta cứu cho”, chứ bây giờ nói không cứu thì đâu được.

Ông Phật ích kỷ, ông Phật vô ích, ông Phật không có khả năng? Cho nên phải khéo léo thiện xảo. Đức Phật mới bảo bà già: *“Được rồi, để ta cứu cho. Muốn cứu nó thì phải lấy cái hạt mè, bà đi vào làng, lấy hạt mè trong nhà mang ra đây”*. Bà già mừng quá, tưởng gì khó chứ mè ở trong làng thì thiếu gì. Bà vội chạy đi thì Đức Phật mới nói: *“Khoan, bà đi vào trong làng bà kiếm mè, mà mè của nhà nào không từng có người chết, bà mang ra đây thì ta chữa cho con bà”*. Bà đi hỏi hết, nhà nào cũng có người chết. Bà quay lại bà nói: *“Bạch Đức Thế Tôn, con tìm hoài không có cái loại mè ấy, vì nhà nào cũng có người đã chết”*. Bấy giờ Thế Tôn mới nói: *“Vậy thì có gì lạ đâu, người nào rồi cũng chết thì có gì lạ đâu”*. Bà già ngộ.

Đức Thế Tôn thiện xảo, nói thuốc, có nhiều khi nói pháp, có nhiều khi không nói pháp, có nhiều khi nói thế này thế kia, nói ngược lại. Cũng như ngài A Nan, Đức Thế Tôn muốn khai thị ngài A Nan thì đâu thế nào giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm, tự nhiên mà nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm trị cái bệnh này bệnh này thì ngài A Nan đâu có nghe. Cho nên Đức Thế Tôn đầu tiên mới hỏi ngài A Nan: *“Nếu ông mà thực sự muốn tu hành, thì ông phải dùng cái trực tâm mà trả lời cho ta”*, bắt buộc phải dùng cái trực tâm. Rồi lại nói rằng: *“Ông vì duyên có gì mà đi tu, ông hãy trả lời ta”*. Ngài A Nan mới nói: *“Con vì thấy*

Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cho nên con khởi tâm ưa thích mà đi tu”. Thế thì nhân có đó Đức Thế Tôn mới hỏi: “Ông nói ông thấy ba mươi hai tướng tốt, thì ông lấy cái gì ông thấy? ông nói tâm ông ưa thích, thế thì cái tâm ấy ở đâu?”.

Đó là cái đề tài giữa cái căn và cái thức. Cái thức có phải là cái biết không? Có phải là diệu tâm không? Có phải là biến hiện của chơn tâm thường trụ không hay là cái gì? Ngay cái chỗ ấy mới bắt đầu dẫn giải tới Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Cho nên mới nói 25 lối vào đạo, 25 cách, vào lối nào cũng được: căn, trần, thức cái nào cũng vào được. Rồi lục mở nhất tiêu. Lục căn, chỉ tu cái lục căn thôi cũng đủ rồi. Mà lục căn tu không nổi thì tu một cái thôi, mắt, tai, mũi, nói nhiều quá nó lộn xộn quá tu không nổi, thì tu một cái thôi.

Mà bạn biết tu cái gì thù thắng nhất không? Tu cái khẩu, tu cái miệng. Cái miệng đừng có nói nữa. Tại vì trong sách cổ đức có nói như thế này: *“Há khẩu thì thân khí tán, động lưỡi thì thị phi sanh”*. Tu cái miệng, tu cái khẩu, không nói thì mọi chuyện đều hòa, không ai phiền não gì ta hết. Mà ta không nói thì cũng không làm phiền ai hết. Tự nhiên là thông thoáng hết mọi chuyện cứ như gió thoảng ngoài không trung chẳng ăn thua gì tới ta hết. Nếu ta nói ra thì khắc khẩu, tại vì cứ hễ ta nói ra thì có cái ngã ở trong đó, ta nói đây, mà hễ ta nói đây thì ái

ngã, ta thích những cái điều ta nói, vướng ngay trong cái lưới phạm võng. Như con chim bay lên gặp lưới thì rút xuống, chạy đi đâu cho khỏi. Bởi vậy cho nên tu trong sáu căn mà tu được cái khẩu thôi là coi như đã xong rồi, tại vì cái khẩu nó tịnh rồi thì có còn muốn nói nữa đâu. Thì cái ý nói cũng tịnh và cái thân nó cũng tịnh thôi.

Lời chat thì cũng tương ứng với lời nói thôi, cũng là loại khẩu, cũng là loại ngôn ngữ. Tại vì khởi đầu bằng cái ý, có cái ý khởi lên thì ta mới nói ra, ý khởi lên thì mới chat xuống tay, là thân hành ra mới chat xuống, nhưng tất cả cũng là thứ ngôn ngữ để nói. Có lợi lạc gì không? Người tu hành nên quán chiếu, những cái điều ta nói có lợi lạc gì không? Lợi cho ta, lợi cho người không? Nếu không lợi cho người, không lợi cho ta thì hóa ra ta là vô duyên hay sao, ta nói chuyện rác rưởi hay sao? Ta nói toàn những cái chuyện vô ích, không lợi người không lợi ta, mà nói ta đi tu, mục đích là để làm lợi người lợi ta, mà ta nói toàn những cái chuyện không lợi người không lợi ta, thì để làm gì? Có phải phí không, như vậy tức là ta phản bội ta phải không nào? Vậy thà thôi ta im lặng cho rồi. Dán keo vào cái miệng là tốt nhất.

Địa ngục cũng thế, khi bạn mở cửa địa ngục là nơi cái khẩu. Trong nhà, ông xã nói một cái, ta nói lại một cái thì là địa ngục chứ có gì đâu. Đức Thế Tôn dạy từ cái

chỗ ấy mà ra: “*Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp nhưng vào chỗ đồng phận trong thế giới đều do vọng tưởng sanh, chẳng phải vốn sẵn có*”.

Đức Thế Tôn nói là mỗi một người đều có cái địa ngục do chiêu cảm biệt nghiệp của ta cho nên không có cái địa ngục nào giống cái địa ngục nào. Nhưng đều vì do vọng tưởng sanh ra, cùng mẫu số chung, nên cùng ở trong một cái địa ngục to lớn. Ngay cả lúc sống cũng ở trong địa ngục rồi. Bạn có tin lúc sống ở trong địa ngục không? Có ai đã từng than “trời đất ơi, sao mà tôi sống ở trong cái địa ngục này!” có không? Chưa vào địa ngục mà đã la lên rồi, khổ hơn cả cái địa ngục nữa, ở trong này, nam cũng như nữ. Rồi bây giờ hỏi các vị tu sĩ, có vị nào không từng có lúc nói là địa ngục không? Nói “trời đất ơi, ở trong chùa mà còn hơn cái địa ngục” có không? Có chớ! Bản thân chúng tôi cũng có nói rồi chứ đâu phải không. Cho nên đâu có gì là lạ đâu. Khi mà ta hiểu được thực tướng nó là như vậy thì tự nhiên ta hoan hỷ, ta không để cho tâm ta rong ruổi, ta không có chiêu cảm theo cái nhận thức như vậy thì nó thông dong, còn nếu ta mở ra cái địa ngục là do ta.

Ở trong chùa mà ở nhà bếp nấu ăn không đàng hoàng khách khứa đến mà không đàng hoàng là đi kiếm sư trụ trì, mắng nói nặng nói nhẹ đủ thứ, thì cũng là địa ngục. Nhiều lúc cũng than trời “trời đất ơi, ở trong chùa này...”

buông xả hết đi mà sao cứ giữ như địa ngục như vậy thì cũng phải nói thôi. Đó là do cảm thọ. Lâu lâu cũng có năm hay ba vị nhảy vào, chat lên rồi chọc người này, chọc người kia đủ thứ rồi nói ta đây biết nhiều, rồi nói người kia sai, chọc người này người kia đủ thứ.

Phải vào địa ngục đi rồi thấy nó đau khổ thế nào rồi mới bắt đầu hiểu ra được “à, thì ra nó là như thế” thì tự nhiên buông thôi. Người càng ngộ nghịch chừng nào thì càng dễ thành công chừng nấy. Cho nên đối với những người, người ta vào, bạn đừng có cản, người ta nói cái gì bạn cứ nghe. Người ta nói bậy nói bạ nói đúng nói sai bạn cứ nghe đi, nó không có ăn thua gì ta, tại vì ta điều tâm. Đối với người ta thì đó là chuyện của người ta, nhưng đối với ta thì đó là phép điều tâm. Nếu ở trong đạo tràng này người nào gặp nhau cũng là dạ thừa thì làm gì học được. Làm sao biết cái tâm của ta có nổi sân si không? Lâu lâu có người vào mắng “ôi cái đạo tràng này cà chớn, cái đạo tràng này nói dóc không”, thế thì ta có khởi tâm buồn phiền không? Nếu ta khởi tâm buồn phiền thì ngay lập tức ta mở cửa địa ngục, ta chiêu cảm và tự chui vào. Còn nếu ta thấy người ta nói vậy ta “ta biết rồi, nhà ngươi chỉ nói vậy thôi, âm thanh sắc tướng làm gì não loạn được ta. Thì ngay lập tức ta sống trong cái Niết-bàn. Ta đang sống trong cái sự thanh tịnh của ta, tức là căn không chạy theo trần.

Bạn đã biết lục căn đều là giả, căn trần thức đều là giả. mười tám thằng giặc đang làm não loạn ta. Làm cho ta phiền não. Phiền não cũng là giả, là do duyên sanh, khi ta học lý thuyết ta biết như vậy. Nhưng nếu không có người vào trong đạo tràng chửi mắng hay là nói linh tinh ấy thì làm sao ta biết cái tâm của ta nó có thuần thực hay không. Ta có thấy mười tám thằng giặc đó hay không? Hay là ta chỉ biết trên lý thuyết mà thôi, hễ người ta nói một câu đụng tới ta thì giận bảy ngày chưa thềm vào trong đạo tràng. Như vậy có phải là tội nghiệp không, tự ta làm khổ ta, tự ta mở cửa địa ngục ta chui vào thôi. Ở trong gia đình cũng vậy, cha mẹ vợ chồng lúc nào cũng nói. Nhiều lúc nói lung tung, rồi con cái, nhất là con nít cũng nói, ta nghe nói cái là khởi tâm buồn phiền.

Hôm qua chúng tôi đi có việc Phật sự, gặp một trường hợp cũng buồn cười, một bé cỡ mười lăm hay mười sáu tuổi, bé không nói được Tiếng Việt, nói được một hai chữ còn lại thì nói Tiếng Anh. Bé nói “*Con kêu mẹ mà mẹ không nghe, kêu mẹ ngồi mà mẹ không nghe*”, người mẹ nói “*Mày không được nói vậy con*”. *I call you*, bé nói cứng ngắc vậy đó. Bé ra lệnh là mẹ phải nghe, không nghe thì không được. Thế thì, trên văn hóa phong tục tập quán thì sao? Ta chấp cứng ngắc như vậy thì ta đâu có độ nó được. Cho nên phiền não do ta, nếu bà mẹ cãi cộ

thì là mở cửa địa ngục cho ta và mở cửa địa ngục cho con. Cho nên lúc bấy giờ bà mẹ mới nhìn chúng tôi. Chúng tôi mới nói “có gì đâu, nó thương bà mẹ muốn bà mẹ ngồi kế bên nó, mà nó nói không trúng bằng Tiếng Việt thì thôi bà ngồi xuống đi cho nó vui. Bà ngồi xuống bà vuốt đầu nó là nó cười hà hà.., thế rồi bà mới dạy nó “con không được nói là kêu, con mời mẹ”, thế là nó sửa lại nó nói “con mời mẹ”, vậy thôi đâu có gì đâu. Mẹ con đều vui vẻ cười.

Còn nếu không quán chiếu được thực tánh của các pháp chấp theo ngôn ngữ văn tự thì lập tức nổi giận lên liền, mày là con tao mắc mớ gì mày kêu tao, và buồn phiền. Buồn phiền cả mẹ, cả con. Khi ta hiểu ra được thực tướng của các pháp như thế chỉ là phương tiện thôi, ngồi xuống, ngồi xuống vuốt đầu nó một cái khoái chí rồi bắt đầu mới dạy nó, “Con đừng có nói vậy người ta cười, con không biết nói Tiếng Việt người ta cười mẹ, con phải nói là “con mời mẹ ngồi xuống đây” và nó sửa lại liền, và nó cũng cười. Hai mẹ con vui vẻ. Tức là tại vì cố chấp, cố chấp. Ta chấp là nó phải đúng như vậy, mà thế gian có bao giờ đúng như vậy đâu. Cho nên trong đạo tràng này thỉnh thoảng có vài ba người vô phách chúng tôi rất là hoan hỷ. Chúng tôi thử coi cái tâm của ta nó điều tâm ra sao và cũng mong chư vị trong đạo tràng này nhờ cái đó mà thử thách điều tâm thôi.

Cho nên Đức Thế Tôn mới dạy rằng, mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp nhưng cùng vào trong chỗ đồng tận trong thế giới ấy là đều do vọng tưởng, hễ cùng vọng tưởng là cùng mẫu số chung. Nhưng không phải cái địa ngục nào cũng giống nhau. *“Lại nữa, A Nan, nếu các chúng sanh phá hủy luật phạm nghi phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết-bàn, các nghiệp khác trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy. Nếu ở nơi bản nhân do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong gặp Phật thành hình gọi là quái quỷ, do tham sắc tạo tội khi đền tội xong gặp gió thành hình gọi là bạt quỷ”* tức là nó cứ biến dịch hoài theo cái tưởng, rồi theo cái nghiệp lực chiêu cảm.

Tất cả đều do cái ý mà ra hết, khởi lên một niệm thì lập tức vọng tưởng điên đảo, có năng lượng đi lên đi xuống đi ra đi vào, cứ như vậy làm cho mê mờ, làm che mắt cái chơn tâm, cái diệu tâm. *“A Nan, khi hết nghiệp quỷ thì tình và tưởng cả hai đều không mới ở nơi thế gian với người mắc nợ cũ oán gặp nhau thân làm súc sinh để trả nợ xưa”*. Thí dụ như kiếp này ta hành hạ người ta quá, kiếp sau ta phải đầu thai ra làm ngựa để chở người ta đi, để đền tội lại, phải trả nợ. Kiếp này ta mắng chửi người ta, kiếp sau ta bị đầu thai làm con gì cho người ta mắng chửi hoài, như con lừa chẳng hạn. Kiếp này ta cứ đi mắng chửi người ta, ta ý ta có tiền, ta thuê người làm, ta mắng chửi, rồi kiếp sau ta đầu thai

làm con lừa, nó đầu thai làm chủ, nó ngồi trên lưng ta, nó lấy cây quất lưng ta rồi nó mắng nó chửi để trả lại.

Cho nên trong cuộc sống bạn thận trọng cái khẩu. Nếu bạn tu được cái miệng, tuyệt đối không nói nữa, là coi như đã thành công rồi. Một cửa xong là sáu cửa đều xong. Mà sáu cửa mở thì đương nhiên là lục mở nhất tiêu, tâm điên đảo biến mất. Khi sáu cửa đã thông rồi thì như gió thổi vào trong nhà trống thì không còn vương mắc gì nữa. Ai nói gì cũng đóng cái miệng lại thì tự nhiên lâu ngày rồi sẽ thuần thực, mà khi thuần thực rồi thì tự nhiên bạn sẽ thấy được hạnh phúc. Tại vì ngay cả chúng tôi gặp ai mà không nói thì chúng tôi còn đánh lễ nữa, chúng tôi cũng phục lẫm. Tại vì thấy là các Phật tử mắng ta này kia mà người đó cứ im lặng không nói câu gì hết, chỉ chấp tay xá thôi. Thù thắng vô cùng, không pháp tu nào thù thắng hơn pháp tu đây.

Cho nên hồi xưa, các vị Tổ mới nói “*há khẩu thì thần khí tán*” hễ mở miệng ra thì thần khí của ta bay mất đi. Mà tại sao chúng ta cứ nói hoài, chêm chọc người này, chêm chọc người kia, soi mói người này soi mói người kia. Chúng tôi thường hay dùng cái từ là “văn hóa soi mói”, chuyên môn đi kiếm lỗi của người khác nói thôi, trong khi cái lỗi của ta thì ta không nhìn thấy. Ngài Huệ Năng nói rất rõ: “*Khi nói lỗi người là lỗi ta đã đến bên chân*”, tại ta không quán chiếu được cái tâm, mở miệng

ra là ta đã phạm lỗi rồi. Trong tục ngữ Việt Nam có câu gì bạn nhớ không “*ngậm máu phun người dơ miệng ta trước*”. Nghĩa là vừa nói lỗi người thì lập tức miệng ta đã dơ trước rồi, cái ý của ta đã dơ rồi, cái lưỡi của ta cũng dơ nữa.

Trong kinh nói “lục mở nhất tiêu” tức là nếu sáu cái cửa lục căn mà không bám thì tâm điên đảo mất. Nếu bạn muốn tu thì bạn đóng bớt một cái, một cái thôi, tu dễ nhất mà cũng là khó nhất đó là miệng. Nhất là các cô các bà “chat, chat, chat, chat”, chúng tôi đi xuống nhà bếp là nhức đầu luôn “*Thầy ơi nấu cái này được không, thầy ơi nấu cái kia được không, thầy ơi cái cô này không biết nêm nếm, người này không biết mở hộp quẹt, dở quá, thầy ơi, thầy ơi*”. Thầy nghe cũng muốn chết rồi, nhà bếp là đầy khói lửa mà không phải khói lửa ở trong cái bếp đâu. Khói lửa ở ngay cái miệng. Các bà các cô thì khói lửa ở ngay cái miệng thôi. Để cái đôi dép không được đàng hoàng, lỡ mà đôi dép này chạm đôi dép kia, nhằm cái đôi dép mắc tiền, cũng kêu thầy lại “*thầy ơi con nhỏ này nó ngu quá, nó để dép chồng lên đôi dép của con làm dơ dép hết trơn*”. Cái ngã, ngã sở đầy nhóc ở trong đây hết. Tham sân si đầy đây hết, rồi dùng cái miệng để mà đốt nhau. Cho nên TỊNH KHẨU. Bạn không đến chùa thì tốt thôi, không đến chùa thì không được lợi lạc. Nhưng đến chùa cãi cọ thì bạn biến cái chùa

thành địa ngục, có ích lợi gì đâu. Cho nên, đến chùa, tu học, tịnh khẩu.



Ở trong đạo tràng này cũng vậy, bạn để ý đi, lâu lâu thể nào cũng có năm ba người khủng bố. Nó vào, nó ca hát, nó phá phách rồi nó viết lên những cái lời lẽ này kia mạ lỵ soi mói. Mấy người đó gọi là khủng bố online. Nó vào nó quậy phá, rồi có nhiều phật tử nói “thôi để đá nó ra”, đừng, đừng đá. Ta đi tu ta gặp mấy người đó ta mừng muốn chết, tại sao mừng? Tại vì nó vào nó quậy thì ta mới biết cái tâm của ta có bị lôi thôi không chứ. Khi người ta mắng chửi thì ta mới biết ta có khởi tâm phiền não hay không, rồi có tâm từ hay không. Tại vì thấy nó nói nhiều quá tội nghiệp nó, nếu ta không nói cho nó biết thì nó đọa địa ngục cho nên nhiều lúc ta cũng răn đe nó vậy thôi. Mà lấy cái tâm từ răn đe, giống như cha mẹ đối với con cái, nhiều lúc con làm điều gì hỗn

láo, làm gì không đúng thì ta phải lấy cái cây ta hăm he để nó làm cho đúng. Khi cầm cây lên thì đầu thê nói “*tao thương mày lắm tao quát mày nhẹ nhẹ*”. Mặt phải trợn lên, mắt cũng trợn to lên, miệng cũng phải la lên một tiếng “*mày không được làm, làm tao quát mày chết*” đại khái nói vậy thôi chứ trong lòng rất là thương nó phải không nào? Cho nên cái hình tướng là như vậy.

Địa ngục thật ra do sự chiêu cảm của căn trần thức, và không có cái địa ngục nào giống cái địa ngục nào. Tất cả địa ngục đều do sự chiêu cảm từng cá nhân mà ra. Thế thì nếu chúng ta là người tu học, muốn thoát ra khỏi cái địa ngục, muốn thoát ra ba cõi sáu đường thì chúng ta phải tịnh khẩu.. Ta coi như không nghe, không thấy. Nghe mà như không nghe, thấy mà như không thấy thì ta kiểm chứng lại cái tâm. Mà quan trọng là không phải cưỡng chế tâm.

Lấy ví dụ, nếu mà ai nói điều gì ta không vừa ý, ta nói “thôi bây giờ con tịnh khẩu con tu con không nói nữa”, nhưng mà đè nén xuống thì không tốt, như vậy bị ức chế tâm. Trong cái trạng thái ức chế tâm dễ đưa tới trạng thái điên đảo, đưa cái thể vật lý về cái trạng thái phát cuồng phát điên, không tốt. Nó nói kệ nó, ta khởi tâm từ, nếu mà nó nói nhiều nó mở cửa địa ngục đi xuống thì tội nghiệp thôi, ta khởi tâm từ ta thương, thì người như thế mới là người tu. “*Há khẩu thần khí tán, động lưỡi thị phi*

sanh”, con người ta nói nhiều thì chiêu cảm mở địa ngục, tới lúc nào thân trung âm rớt xuống một cái là đi thẳng vào địa ngục, tại ta dọn sẵn chỗ rồi, chính ta xây chứ đâu có ai xây đâu. Đâu phải có cái ông Thượng để xây cái địa ngục để ta đi vô đó đâu, tự ta làm. Cho nên Đức Thế Tôn dạy là do cái sự chiêu cảm ấy mà mỗi người đều có cái biệt nghiệp riêng, mỗi cái biệt nghiệp ấy nó mới tạo ra cái địa ngục riêng không có cái chỗ nào giống chỗ nào. Nhưng cái thực tánh của các địa ngục đều giống nhau vì do vọng tưởng sinh ra thôi. Vọng tưởng điên đảo thì là như thế.

Những người nào mà phá hủy luật nghi, tức là đi tới chùa thì phá chùa, gặp mấy người tu thì phá mấy người tu thì những người ấy tạo nghiệp, giống như là Đề Bà Đạt Đa, đi phá phách Đức Phật, rốt cuộc nhất xiển đề rớt xuống địa ngục Vô Gián nằm ở đó chờ hoài, chừng nào trả hết cái nghiệp đó đi rồi mới tu hành được. Thế thì nhất xiển đề có mất Phật tánh không? Vì mất Phật tánh thì làm sao thành Phật được, sao Đề Bà Đạt Đa thành Phật được. Phật tánh là nó nằm ngay đó, y như thế, chơn tâm thường trụ là không bao giờ mất, nếu không mất, là bình đẳng là giống nhau thế tại sao Phật là Phật mà chúng sanh là chúng sanh? Tại vì nghiệp thức che mờ, ham nói, ham ngủ, ham ăn, ham danh, đủ các thứ. Thì những cái đó che mờ đi, giống như con chó của ngài

Triệu Châu vậy đó. Ngài Triệu Châu nói: “*Con chó nó có Phật tánh, nhưng vì nghiệp thức che mờ cho nên không thấy Phật tánh*”, nếu có Phật tánh mà không thấy thì cũng như không.

Cho nên những người con Phật chúng ta nói chúng ta cố tu, mà chúng ta không tu được cái miệng thì cũng như không thôi. Mở miệng ra nói lời đâm thọc người này, soi mói người kia thì đâu phải Phật tử. Phật đâu có dạy ai là các con đi đâm chọc người này, soi mói người kia, có bao giờ Kinh Phật dạy như thế đâu. Kinh nào cũng nói từ bi, hỷ xả, buông đừng có chấp, thế mà rồi đều chấp cứng ngắc hết, kẹt cứng ở chỗ này. Nhiều lúc chúng tôi thấy bạn nói năng này kia chúng tôi cũng thấy tội nghiệp nên chúng tôi chấp nhận gánh bớt cái nghiệp của bạn, chúng tôi phải chỉ trích bạn để bạn bớt ái ngã, bớt cái văn tự đi. Khi chúng tôi làm thế chúng tôi cũng biết chúng tôi thọ nhận quả báo là chúng tôi gánh bớt cái nghiệp của bạn đấy. Nên bạn có thương tình chúng tôi thì bạn làm ơn bịt cái miệng lại luôn, dán băng keo luôn đừng nói, nói ra rồi chúng tôi phải sửa bạn chúng tôi mang cái nghiệp của bạn, chúng tôi xuống dưới địa ngục để rồi bạn xuống dưới ấy gặp chúng tôi.

Đức Thế Tôn nói các loài nghiệp quý hay quý quái đều do sự chiêu cảm thí dụ mị quỷ theo xúc khi xúc chết báo hết thì sanh nơi thế gian phần nhiều là chồn, cỏ quý

theo sâu khi suy sâu diệt hết thì sanh nơi thế gian phần nhiều làm loài độc hại, cứ như thế luân chuyển mãi. Rồi Đức Phật lại dạy: “*A Nan, loại này đều bị nghiệp lửa đốt đều do vọng nghiệp chiêu cảm nếu ngộ tánh Bồ-đề thì các vọng duyên này vốn chẳng có cả*”.

Vì không biết cho nên mới bị nghiệp nó tiêu diệt nó đốt, vọng nghiệp nó chiêu cảm cho nên cứ lăn trôi hoài, thấy có cha có mẹ, thấy có vợ có chồng, thấy có người nói này nói kia, thấy có Phật có chúng sanh. Bởi vậy cho nên mới có sự chiêu cảm. Nhưng nếu khi nào ngộ được tánh Bồ-đề, tức là liễu tri được thực tướng của các pháp đều là như thế không còn vướng mắc nữa thì căn, trần, thức đều thanh tịnh. Biết được thực tướng của các pháp đều như thế thì căn, trần, thức đều thanh tịnh. Mà nếu căn, trần, thức đều thanh tịnh, chẳng còn cái gì khởi lên nữa thì chẳng có gì vướng mắc, mà nếu không còn gì vướng mắc nữa thì chẳng còn gì chiêu cảm thì địa ngục ở đâu mà có.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc thực sự ra là địa ngục, mà cũng là Niết-bàn. Là địa ngục là sao? Là khi chúng ta chấp cứng ngắc vào sắc thanh hương mà trong bài tâm kinh chúng ta đều biết “*sắc tức thị không không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệt cũng như thị*”, thọ tướng hành thức đều như thế nhưng tại sao chúng ta khởi tâm phân biệt, cái tướng cái tình, tình tướng phân biệt nên

mới có sắc. Sắc không phải là sắc mà sắc lại là sắc là do cái phân biệt mà ra, mà nếu không đúng theo ý thì khởi tâm phiền não và chính vì cái đấy mà chiêu cảm địa ngục mở ra và chui vào đấy. Người ta nói cái gì không vừa ý là buồn phiền thì đấy là mở cửa địa ngục ra và chính ta chui vào chứ người nói họ vô tư, họ chẳng quan tâm, nói xong rồi như dòng nước chảy, như con chim bay trong chân không, nó bay rồi thì nó mất, chân không nó đâu có giữ lại hình bóng của con chim đâu. Cũng như thế những người giết hại sinh mạng thì phải quay trở lại cho người ta giết, giết một trăm con thì quay trở lại một trăm kiếp rồi mỗi con nó giết một kiếp, công bằng thôi chứ làm sao mà chạy đâu cho khỏi nhân quả.

Nếu mà là con Phật tin vào đạo Phật, tin vào lý nhân quả thì nó rõ ràng như thế, còn không tin thì sao bạn? Có khi nào người ta nói *“thôi con không phải đạo Phật con sợ nên con không tin vào nhân quả”*. Luật nhân quả là luật của vũ trụ, dù bạn tin hay không tin thì nó vẫn áp dụng đối với bạn, chẳng có chừa ai hết. Có người đạo Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, đạo Phật hay đạo Hindu, không tin nhân quả nhưng nhân quả vẫn ứng trên con người ấy. Hễ có nhân thì có quả, không chạy đi đâu được hết, đừng có nói tôi là Thiên Chúa giáo tôi không tin đạo Phật tôi không tin nhân quả. Hễ gieo hạt sầu riêng thì ra cây sầu riêng, chẳng bao giờ ra cây chanh cả. Nó có nhân

có quả là như thế. Giết người thì người giết thôi chẳng có cái gì hết.

“Cho tới khi nào thấy được thực tướng của các pháp nó như thế” thì chỉ có cách lấy ân báo oán thì oán mới tiêu tan, ở trong kinh Pháp Cú, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ: “Lấy ân báo oán thì oán tiêu tan, lấy oán báo oán thì oán chập chùng”, cứ thế mà có mãi, tại sao lại lấy oán báo oán thì oán chập chùng, không phải nơi cái oán cái ân mà nó quan trọng, mà ở nơi cái ngã. Tại vì khi thấy có oán có ân tức là có ái ngã, chấp có ngã và ái ngã. Cứ như thế đâm ra phiền não và sanh tử luân hồi. Nếu không ái ngã thì người ta giết ta ta đâu có buồn phiền, không buồn phiền thì đâu có cái gì đâu mà phải quay lại để mà đòi nợ.

Đức Thế Tôn lại dạy: “A Nan, ở trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa, tu theo vọng niệm, giữ tâm cũng cố hình hài ẩn trong rừng núi tu chỗ vắng người thành mười loại tiên”, tức là những người chỉ tu ở trong rừng cố làm sao để cho được định thì coi như cũng là một loại điên đảo, tại vì định đâu có phải ngồi một chỗ mà gọi là định, đó chỉ là định tướng thôi. Còn định như Đức Phật dạy là đi, đứng, nằm, ngồi đều định chứ không phải đợi ngồi thiền mới định. Nếu ngồi thiền mới định thì đây là định tướng. Tại vì có nhập có xuất, vậy thì nếu xuất thì sao? Xuất thì điên đảo à? Như

vậy thì cái định ấy có giới hạn. Định mà có thiền thì có nhập có xuất. Còn nếu khi đã hiểu được thực tướng của các pháp rồi, căn không chạy theo trần thì ấy là định tuệ, dùng cái tuệ để mà định thì đã thấy rõ, bằng cái tuệ quán chiếu tất cả các pháp đều như thực. Thì có cái gì đâu mà chạy theo, mà không chạy theo thì đương nhiên là định tâm. Ngay cái chỗ ấy là tuệ định chứ không phải thiền định nữa. Đi, đứng, nằm, ngồi đều định hết, như Đức Thế Tôn, thở cũng định, đi cũng định, ăn cũng định, tắm cũng định, đi toa lét cũng định nữa. Bây giờ bạn nhớ, bốn mươi lăm năm Đức Thế Tôn đi hoằng pháp, Đức Thế Tôn có ăn không? Có chứ, có thọ trai. Có đi toilet(nhà vệ sinh) không? Có chứ. Rồi cái lúc mà ngài tắm, có phải Phật không? Rồi ngài ngồi toilet ngài có phải Phật không? Phật chứ sao không Phật. Tại vì bây giờ hoàn toàn rỗng rang, hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn là định. Không khởi một niệm thì làm sao không phải là Phật, hoàn toàn giác chứ.

Còn chúng ta, ngay cả lúc ngồi ở trong chánh điện lễ Phật chưa chắc đã định nữa. Mới chữ Nam mô, tới chữ A cái là “không biết cửa nhà có đóng chưa” tới chữ Di “không biết con ta uống sữa chưa” Đà “ngày mai không biết còn đủ tiền trả mấy cái bill không”. Tất cả những cái ấy là điên đảo vọng tưởng chứ có phải là định đâu. Ngồi trong chánh điện mà không định. Còn như Đức

Thế Tôn khi đi, đứng, nằm, ngồi, thở thong dong tự tại đều là định tại vì là tuệ tâm, ngài đã vượt qua các chương ngại, thấy thực tướng của các pháp nó là như thế, vạn pháp do duyên sanh, nó là huyễn, nó là không thực, nhìn thấy rõ thực tướng, cho nên ngài không vướng mắc. Còn chúng ta thì nói là hình tướng là như vậy, vào trong chùa, ngay cả cầm chuông gõ cũng vẫn không định. Có nhiều vị tu sĩ chúng tôi đi vào trong chùa thấy có hai Sư cô đang ngồi tụng kinh, cầm chuông thấy có cái điện thoại cầm tay để dưới đất, tui hỏi làm chi vậy? “*Bạch thầy, con để lỡ có ai gọi thì nghe*”. Tụng kinh mà còn để điện thoại cầm tay lỡ có ai gọi thì nghe thì thôi tụng làm gì? Cái tâm để nơi cái điện thoại cầm tay mất rồi, cứ mong chờ có ai gọi ta nghe, làm sao định. Ta phải vứt luôn cái điện thoại đi, cái lúc tụng kinh là vứt điện thoại, tắt hết, rồi cứ thế mà tập trung vào cái bài kinh ấy, tập trung vào cái chuông ấy, như vậy mới nói là tụng kinh, như vậy mới là Niết-bàn. Còn không thì tạo ra cái địa ngục. Bây giờ thí dụ như đang tụng kinh, có người nó gọi điện thoại lại đòi nợ, lúc bấy giờ làm sao? Không lẽ chửi người ta, nói “tao đang tụng kinh mà mày đòi nợ”, như vậy đâu có được phải không nào? Phải biết cách tạo duyên, cho nên bài hôm trước chúng ta có nói, cái duyên là chúng ta phải biết.

Thế thì trong ba cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới

đều do cái tâm mà sinh ra. Tâm tham thì ở trong Dục Giới, tâm sân thì ở trong sắc giới mà tâm si thì ở trong Vô Sắc Giới. Đức Thế Tôn dạy: “*A Nan, những người thế gian chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng mà phát sinh ra sáng suốt, sau khi chết thì ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương*”. Đức Thế Tôn nói những người mà chưa rời bỏ gia đình được, những người vẫn còn trong gia đình cho nên vẫn còn hành dâm, và vì như thế cho nên tâm không có buông lung, nó vẫn còn vướng mắc nhưng không có đi ngoại tình, không có lãng nhãng, thì ít nhất nó cũng đứng lặng được một chút xíu, thì loại người ấy sau này khi chết thì thành Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương Thiên. Còn đôi với vợ ta mà ân ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư chưa hoàn toàn trong sạch thì sau khi chết, vượt ánh sáng nhật nguyệt, ở trên đánh cỡi người, loại này gọi là Đạo Lợi Thiên, đại khái có nhiều đẳng cấp. Nếu mà ta lìa được cái tính dâm, tức là ta hiểu, ta không còn ái nhiễm nữa thì nó thăng hoa thôi. Tất cả những cái năng lượng của con người nó thăng hoa thôi. Ở trên vũ trụ này ở trong trái đất này chỉ có 118 cái nguyên tử mà thôi, chứ có cái gì khác đâu. Thấy nhà cửa xe cộ, con người, đủ các thứ, nhưng mà thực sự nó chỉ có 118 cái nguyên tử thôi. Mà 118 cái nguyên tử ấy cũng chỉ gói gọn lại là electron, proton và neutron, tức là năng lượng (Ion + và

Ion -) và trong đó có khoảng không. Mà năng lượng thì giống nhau. Điện mà, điện âm, điện dương giống nhau. Bởi vậy cho nên Đức Thế Tôn mới dạy là thực tánh của các pháp đều là bình đẳng. Nó chỉ là năng lượng thôi. Thế thì cái dạng biến của năng lượng, từ hình tướng này sang hình tướng kia nhưng thực chất cũng chỉ là năng lượng. Không có cái gì phải khác nhau hết. Đối với địa ngục cũng thế, sự chiêu cảm mới tạo nên sự khác nhau của địa ngục chứ thực tướng của địa ngục là như thế chứ có gì khác đâu.



Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Ngày hôm nay chúng ta học về đề tài địa ngục để nói sơ sơ cho bạn biết, địa ngục thực tướng nó là cái gì, nó như thế nào, nó do đâu mà ra? Các hôm trước, chúng tôi dùng kinh khác để nói cái sự chiêu cảm của từng người tạo ra cái địa ngục, riêng ngày hôm nay chúng tôi nói kinh Thủ Lăng

Nghiêm, giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm, nên chúng tôi đưa cái đề tài địa ngục là gì, biến tướng của địa ngục ra sao, và nó chiêu cảm như thế nào để gợi ý cho bạn. Chúng tôi cũng đã nói rồi, địa ngục cũng ở nơi cái miệng, mà Niết-bàn cũng ở nơi cái miệng, nói ra một lời từ ái, nói ra một lời yêu thương thì ấy là Niết-bàn. Nói ra một lời châm chọc, nói ra một lời ganh ghét, lời ganh tị thì ấy là địa ngục. Cho nên nếu thấy mà ta không có khả năng thức tỉnh trong các ngôn từ của ta, thì tốt nhất là lấy băng keo dán cái miệng lại, giống như chúng tôi. Ngoài cái giờ mà tu hành là lấy băng keo dán lại cho nó nhớ. Như vậy cho nó thù thắng. Khi nào mà ai nói gì mà ta dán băng keo ngay cái miệng người ta thấy rồi thôi người ta cũng không nói nữa. Thì cái đó cũng là một pháp tu. Lúc chúng tôi đi trong phòng ra ngoài chánh điện, chúng tôi dán băng keo vào cái miệng, các thầy khác dòm cái tự nhiên các thầy khác thôi không dám nói nữa mà phật tử cũng im lặng luôn. Tự nhiên cái tâm người ta thanh tịnh, người ta nói cái ông sư này bây giờ dán băng keo vào miệng rồi thì các vị đó cũng làm thinh luôn. Thành thử nó có được lợi lạc vô cùng, cái pháp đó thù thắng vô cùng, không nói pháp mà là nói pháp. Pháp rất là thù thắng. Mà hễ các lục căn đều được thông thoáng rồi thì nhất tiêu lục mở, mà trong sáu căn thì cái khẩu vẫn là khó tu nhất. Mở miệng ra là nói lăng nhăng, nói đủ thứ, mà nhiều khi là lúc làm phiền não người này,

phiền não người kia, phiền não bản thân ta.

Tất cả mọi việc chúng ta làm đều tạo nên nghiệp, cho nên cái miệng mà nói nhiều cũng tạo nên nghiệp. Mà cái địa ngục bạn biết rồi đó, nói nhiều thì địa ngục lửa nó thiêu đốt. Sau này mà nó thiêu đốt thì đừng có trách. Đóng cái miệng lại không nói, không nói những điều vô ích, không nói điều phỉ báng người này người kia, không nói những cái điều châm chích. Cái nào mà không biết, thì ta lấy cái trực tâm ra hỏi, giống như Đức Phật nói ngài A Nan: “*Ông muốn tu tu thực sự, thì ông hãy lấy cái trực tâm mà trả lời cho ta*”. Trực tâm là cái lòng thành thực ở trong cái tâm của ta, không có phân biệt, không có môi mép văn hoa, mà dùng cái trực tâm là nghĩ sao nói vậy, như vậy nó lại là thù thắng.

Đức Thế Tôn, sau bốn mươi lăm năm hoằng Pháp, ngài nói rằng “*Ta không nói gì cả*”. Pháp của Đức Thế Tôn là ngón tay và bè. Ngón tay để chỉ cho thấy mặt trăng, và bè để giúp cho người hành giả sang sông. Ngón tay để chỉ cho thấy cái chân lý, mà nếu bạn chấp cứng ngắc vào đấy, thì không phải lỗi của người nói. Là người tu thì chúng ta phải biết sử dụng trong trường hợp nào, để có lợi lạc cho người cho ta, đó mới là điều chính. Chư Tổ hồi xưa cũng thế, có những vị rất thiện xảo, tùy căn cơ chúng sanh mà nói, tổ thứ ba, sau Tổ Đạt Ma thì đi tới đâu người ta cũng hỏi ngài xin ngài dạy cho cái pháp

tu giải thoát. Người nào cũng đến bạch Tổ, xin Tổ dạy cho con một pháp tu để giải thoát. Câu nào cũng giống nhau, nhưng khi trả lời thì ngài tùy theo căn cơ chúng sanh mà ngài nói, có người thì ngài nói pháp thế này, có người thì ngài nói pháp thế kia, không có cái giải đáp nào giống cái giải đáp nào hết. Câu hỏi thì chỉ có một “bạch tổ xin tổ dạy cho con cái pháp tu giải thoát”, nhưng câu trả lời thì muôn hình vạn trạng, đếm không hết. Thế rồi, ông thị giả đi theo, sau này là Tứ tổ. Khi đi theo, thị giả ngạc nhiên hỏi: “*Bạch tổ, tại sao người ta hỏi tổ chỉ một câu “xin tổ dạy cho con pháp tu giải thoát” mà thầy lại dạy không biết bao nhiêu cái pháp, thế thì pháp nào cũng là pháp giải thoát sao? Thị giả cũng hỏi: “Xin Tổ dạy cho con phép tu để con giải thoát”. Tổ mới quay lại, và nói “ai trói người mà người đòi giải thoát”. Khi nghe được câu ấy, hoắt nhiên vị thị giả ngộ thành Tứ Tổ.*

Có nghĩa là tùy theo căn cơ chúng sanh, ở trong phẩm Phổ Môn nói rõ, tùy theo căn cơ chúng sanh mà ngài Quán Thế Âm thị hiện. Trong đạo tràng này cũng vậy, bạn cũng biết là có nhiều vị, chúng tôi nói khác, nhiều vị chúng tôi nói thế này thế kia không có vị nào giống vị nào, cho nên bạn đừng có chấp, chấp lời. Có những vị đã nhấn tin riêng hỏi chúng tôi là căn cơ nào chúng tôi nói căn cơ ấy thôi. Mục đích làm sao là cho bạn được

lợi lạc. Nếu không lợi lạc thì cái pháp tinh vi mấy cũng vút đi. Cái thuốc có hay cách mấy mà bạn không uống cũng vút đi. Thí dụ như Đức Thế Tôn dạy cái pháp bố thí để đối trị với tham, mà nếu bạn có tiền bạc mà không bố thí thì rõ ràng là tham. Mà bây giờ bảo bố thí không chịu bố thí thì làm sao. Cũng phải có cách thôi, phải có phương tiện chứ bây giờ nói “Con đi làm mồ hôi nước mắt, thầy bảo con đem đi cho, con không cho đâu” thì thôi, như là không tu luôn. Thì cũng phải tìm ra cái cách khác. Cho nên, tùy bệnh để mà cho thuốc. Cái phương tiện, miễn làm sao đem hết cái tâm ra cho người uống thuốc được hết bệnh, người bị bệnh muốn hết bệnh thì phải chịu uống thuốc.

Bài này dễ, địa ngục ở trong tâm chúng ta chiêu cảm ra, nó như thế.

Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: “Hôm nay bài học về địa ngục thì con không có câu hỏi gì. Về cái vấn đề luận bàn của thầy về nghiệp, khi có một Phật tử có lòng bất kính, phỉ báng Tăng sư, hoặc các vị cao Tăng, thì thường là mang nghiệp rất nặng. Nhưng con hỏi trường hợp khác, cũng là các vị Phật tử vì quá yêu mến quý sư quý thầy, giảng sư mà thường có lời ca tụng hoặc có những câu nói mà khiến cho cái bản ngã của các thầy, nhất là các sư thầy trẻ. Lúc

đầu lên giảng pháp rất tốt, rất là có sự tôn kính. Nhưng càng ngày cái năng lượng, có một số người nói là quý thầy sau một thời gian sinh ra cái bản ngã. Thì những Phật tử chỉ do lòng thành tâm của ta cũng có sự ưu ái các quý thầy quá khiến cho các quý thầy như thế. Không biết là các vị Phật tử này có mang cái nghiệp gì không thừa thầy? Cái này trái lại với việc phỉ báng không tôn kính, cái này là quá nuông chiều. Đây là thắc mắc của con, con mong thầy chia sẻ.

Trả lời: Khen hay là chê cũng là âm thanh. Thực tướng của âm thanh là thanh tịnh. Không có thương có ghét ở trong cái âm thanh. Nhưng con người ta khởi tâm lên ưa thích hay là không ưa thích cái âm thanh là do chính người nghe. Trong kinh Pháp Cú, Đức Thế Tôn dạy cho ông Bahiya nói rất là vắn tắt: *“Trong cái nghe chỉ có cái nghe, trong cái thấy chỉ có cái thấy, trong cái hiểu biết chỉ có cái hiểu biết”*. Có nghĩa là nó chỉ có cái đối tượng mà thôi, còn bản chất của nó là thanh tịnh. Ta khởi tâm căn trần thức giao thoa, mà vì như vậy cho nên tạo ra cái sự điên đảo. Khi có vọng tưởng điên đảo thì lập tức chiêu cảm mở địa ngục ra chui vào. Cho nên nói khen cũng không được, mà chê cũng không được. Tại sao? Tại nơi ấy có cái trực tâm hay không. Nếu nói bằng cái trực tâm, thì khen chê có sá gì đâu. Tại vì trực tâm tức đạo tràng, trực tâm nó là thanh tịnh. Như là gương, nó chỉ phản

chiếu như vậy thôi. Cái mặt nhà sư méo, thì nó chiếu vào gương nó méo. Bởi thế cho nên, khi Đức Thế Tôn nói ngài A Nan, nếu ông muốn tu ông phải dùng cái trực tâm mà trả lời cho ta. Rồi Đức Thế Tôn cũng có một bài pháp nói là “Kẻ phàm phu tán thán Như Lai”, tức là tất cả những người phật tử tán thán Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đi đứng thông dong, nói pháp vi diệu. Đức Thế Tôn nói những kẻ ấy là phàm phu tán thán Như Lai. Nó có khen cách mấy đi nữa thì cũng chỉ là phàm phu tán thán Như Lai mà thôi. Thế thì Đức Thế Tôn nói như thế nào là tán thán Như Lai đúng pháp? Tán thán Như Lai đúng pháp là hành trì những lời nói của Đức Thế Tôn một cách tinh tấn thì đây mới là kẻ tán thán Như Lai. Người nào tán thán Như Lai thì đem những lời Phật dạy ra để mà hành trì, luôn tinh tấn hành trì thì người ấy mới thật sự là tán thán Như Lai. Còn tất cả những người nói, Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bỏ vợ đẹp con khôn đi tu, vân vân, thì những kẻ ấy là Kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Bởi vậy khen chê không quan trọng. Chuyện quan trọng là chúng ta hành trì như thế nào thôi. Nhiều khi chê thì dễ nhận diện, khen thì khó nhận diện, nhất là khen một cách vi tế rất là khó để nhận diện. Mà khen hay chê thì cả hai người đó đều vướng mắc, người khen cũng vướng vì ta nói không thật lòng, không theo trực tâm. Người nhận cũng vướng mắc mà nhiều khi người nhận vướng mắc

nhiều hơn người khen. Cho nên người tu Phật, nói làm chi những cái chuyện ấy, chúng ta vút qua một bên.

Cho nên điều quan trọng là hãy lấy cái trực tâm ra nói, các nhà sư thì gọi là sư, mà nếu muốn cho nó đơn giản khi không biết gọi ông đó là thầy hay sư thì cứ gọi là sư cũng không sao hết. Trọc đầu, giữ giới, đi tu, ở trong chùa, không tài sản, không gia đình, không thủ đắc cái gì thì đó là ông sư, đúng nghĩa thì cứ gọi là sư. Rồi đối sư, gọi lại các Phật tử là hiền giả, hành giả, bạn đồng tu, hay là Phật tử thì danh từ nào cũng được, miễn là ta lấy cái tâm ra, Phật pháp là chính, chứ cái danh từ đâu quan trọng đâu. Dĩ nhiên là ta không tạo ra những cái gọi là quá cố chấp để rồi ta đâm ra vướng, vướng vào trong ngôn từ. Nhiều lúc khiêm tốn quá thành ra cái ngã mạn. cũng không tốt.

Nhiều khi một Phật tử họ lại họ khen, nhưng cái dụng đích của họ là thử xem cái ông thầy này có vướng mắc vào chỗ đó không. Cho nên cái chuyện họ có khen thì không có tội, còn người nghe tự nhiên thích thú vướng mắc cảm thọ thì ráng chịu. Cho nên người tu hành biết điều đó cố né tránh.

Đức Thế Tôn lại dạy: *“Do vọng thì có sanh, do sanh cho nên có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy tức là vô thượng Bồ-đề và đại Niết-bàn, cũng là hai*

hiệu chuyển y của Như Lai, tức là chuyển vọng thành Bồ-đề, chuyển sanh diệt thành Niết-bàn cho nên gọi là hai hiệu chuyển y". Đức Thế Tôn phương tiện mượn ngôn ngữ để giải thích cho ngài A Nan và đại chúng trong thời đó hiểu rõ các pháp là như thế nào, cho nên mới nói tới cái danh tự nhưng thực sự ra là các ngài ấy thị hiện ra nói như thế để lại cái tài sản này cho chúng ta ngày hôm nay, tức là các Ngài đã đóng một cái tấn tuồng, và để lại sản phẩm trí tuệ này để chúng ta tu học, chúng ta có thể hiểu được.

Vọng là gì? Nếu nói rằng do vọng có sanh, rồi do sanh có diệt, đó là nói theo thế gian pháp, trong kinh Kim Cang thì có nói: "*Pháp thế gian thường trụ*". Pháp thế gian thường trụ mà người ta không biết nó thường trụ; người ta chấp rằng pháp thế gian là vô thường, mà pháp thế gian thường trụ thì không thể nào mà rời cái thế gian pháp mà hiểu được Phật Pháp. Người nào rời thế gian pháp đi tìm Phật Pháp thì kẻ ấy giống như đi tìm lông rùa và sừng thỏ, chuyện ấy không bao giờ có được. Phật Pháp bất ly thế gian pháp, mà pháp thế gian thì lại thường trụ có nghĩa là Phật pháp cũng thường trụ, không có thay đổi, không có biến dịch. Thế tại sao chúng ta vẫn thường thường nói các pháp đều biến đổi? Các pháp đều biến đổi vì do duyên sanh cho nên do duyên diệt, cái ấy là phương tiện để nói thôi, chứ còn sự biến đổi ấy là do

tâm tánh của chúng ta, khi chúng ta vui thì chúng ta thấy các cảnh nó đều vui, mà khi chúng ta buồn thì chúng ta thấy các cảnh nó đều buồn. Có câu ca dao nói: “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”? Cảnh nó đâu có biết buồn biết vui, nhưng tại sao chúng ta lại thấy cái cảnh khi vui khi buồn là tại vì cái tâm chúng ta nó buồn nó vui cho nên nó phản duyên theo cảnh. Tổng biệt hành cũng có một câu: “*Đưa người ta không đưa sang sông, mà sao có sóng ở trong lòng*”? Sóng nào ở trong lòng? Sóng ấy là do tâm tưởng tượng của chúng ta. Và vì thế cho nên nói rằng do vọng có sanh, tức là khởi lên có vọng niệm thì có sanh, thì ngay chính cái vọng ấy chính là sanh rồi, cái niệm vọng ấy đã sanh rồi, và vì sanh cho nên có diệt, hễ có sanh thì có diệt đó là các pháp của thế gian, thế gian thì đều thấy có sanh có diệt, đủ duyên thì hiện ra và hết duyên thì mất đi, nó biến mất đi cho nên mới đặt tên là sanh và diệt, chứ thực sự ra vạn pháp là do duyên, mà hễ duyên đến thì hiện ra mà hễ hết duyên thì biến mất chứ có diệt đâu, các cái gì của nó trả lại y như cũ.

Thí dụ như cái thân của chúng ta. Thân của chúng ta thì gồm có tứ đại, ngũ uẩn. Tứ đại là đất, nước, gió, lửa thì khi chết đất, nước, gió, lửa trả về cho đất, nước, gió, lửa, cái luật bảo toàn năng lượng cũng nói rất rõ là không có cái gì mất đi và cũng không có cái gì tạo ra, chỉ có sự

biến dịch của các dạng năng lượng mà thôi, nó đều được bảo toàn thì cái luật ấy là luật bảo toàn năng lượng.

Vì vọng cho nên có sanh, và vì sanh cho nên có diệt, mà sanh diệt thì vì ngôn ngữ cho nên gọi nó là vọng, muốn tìm được cái chơn thì phải bỏ cái vọng. Nhưng cái vọng ấy là dạng năng lượng, và năng lượng là chính ta, làm sao ta bỏ được cái vọng ấy, tại vì nếu bỏ cái vọng ấy đi, thì chính chúng ta đã bỏ chúng ta và nếu đã bỏ chúng ta đi rồi thì lấy cái gì tu, thân của chúng ta nó phải có, tâm nó gá vào thân, cái thân đau thì tâm cũng bị xốn xang.

Ngài Huệ Khả quỳ ba ngày ở dưới sân xin Tổ Đạt Ma nhận cho làm đệ tử, khi Tổ nhận thì ngài mới nói là: *“Bạch Tổ, tại sao tâm con không an? Con xin Tổ dạy pháp an tâm”*. Tổ mới hỏi: *“Vậy thì ông hãy lấy cái tâm của ông ra đây ta an tâm cho”*. Thì cái lúc chặt tay để cúng dường ấy, Khi mà quỳ ba ngày Tổ quay lại bảo chư Tổ ngày xưa xả thân cầu pháp mới tìm được pháp, ông mới quỳ có ba ngày thôi mà ăn thua gì đâu mà ông lòi thôi. Thế thì Tổ lại nói khi nào tuyệt mà đổi màu đỏ ta sẽ chỉ đạo cho ông.

Lúc bấy giờ là ngài Thần Quang tánh còn nóng mới xách cái đao ra chặt cánh tay lên cúng dường, chặt cánh tay lên đưa cho Tổ nói: *“Tổ nói xả thân bây giờ con chặt cánh tay cúng dường cho Tổ”*. Và vì khi chặt cánh tay

lúc đó còn nóng, cái tánh nóng như hỏa diệm sơn cho nên không thấy đau. Muốn chứng tỏ với Tổ rằng con dám xả thân, con dám chặt tay để cúng dường tức là xả thân cầu pháp khi chặt tay rồi thì máu rót ra, rót xuống tuyết cho nên tuyết đổi màu đỏ. Cho nên ngài Thần Quang mới dùng cánh tay bốc tuyết đưa lên dâng Tổ, nói: Bạch Tổ bây giờ tuyết đã đổi màu đỏ, hồi nãy Tổ bảo rằng khi nào tuyết đổi màu đỏ ta giảng đạo cho người thì bây giờ tuyết đổi màu đỏ rồi cho nên Tổ mắc kẹt. Tổ mới nói: *“Người cần cái gì người nói đi”*? Thế thì hồi nãy chặt tay thì vì nóng tánh cho nên không thấy đau, bây giờ cái tâm nó định lại rồi, thấy nó đau. Tức là cái tâm nó xôn xang, có nghĩa là cái tâm nó gá theo thân, thân bị đau thì tâm xôn xang.

Thế thì khi ngài Thần Quang dâng cánh tay lên rồi bốc nắm tuyết đổi màu đỏ lên thì Tổ mới nói người cần gì người nói đi, ngài Huệ Khả nói rằng: Bạch Tổ, bây giờ con thấy tâm con không an, xin Tổ dạy cho con phép an tâm. Tổ mới bảo, người lấy cái tâm của người ra đây ta an cho. Thế thì ngay lúc ấy ngài Huệ Khả đi kiếm hết không thấy cái tâm ở đâu, khi chưa kiếm nó thì thấy nó xôn xang mà khi đi tìm nó, cố gắng tìm nó thì nó biến mất, tại vì ngay cái chỗ sanh sanh diệt diệt ấy mà biến mất, thì ngay lập tức mới trình với Tổ, nói rằng: *“Bạch Tổ, con tìm mãi không thấy cái tâm của con ở đâu”*. Thì

Tổ Đạt Ma mới nói: “*Đấy, ta đã an tâm cho ngươi rồi*”.

Tại vì tâm gá nơi thân, gá nơi cảnh mới phát sinh cho nên là tự nó thì không có. Nếu nói rằng có ba cái để con người ta tu học cũng như Đức Phật đã nói rằng là Đức Phật tu ba a tăng kỳ kiếp, a tăng kỳ là tiếng rợ hồ có nghĩa là vô lượng, đếm không được. Thế tại sao Đức Phật lại nói chỉ có tu ba a tăng kỳ mà không nói bốn, không nói hai? Con số ba đó tượng trưng cho tham sân si, sanh sanh diệt diệt thì gọi là kiếp, hễ có sanh diệt thì gọi là kiếp, thế thì tham, sân, si đó là gì?

Tham sân si tự nhiên không khởi ra được, tâm tham không bao giờ tự nhiên nó có tâm tham. Bạn nói bây giờ người tu học không có tham nhưng đi ở trong đường vắng có thấy một túi có mười kg vàng thì lúc bấy giờ mới biết tâm tham có hay không? Lúc bấy giờ có khởi lên cái ưa thích, rồi có muốn lấy hay không thì mới biết cái tâm tham chứ bình thường như thế này làm sao biết có tâm tham hay không? Rồi tâm tham cùng tùy theo giá, tùy theo người, có những người không tham mười kg nhưng một trăm kg vàng thì chắc cũng hơi xao xuyến, tâm đều theo cái thân, theo cái cảnh nó gá ra, tự nó vốn là thanh tịnh cho nên không có.

Cho nên Đức Thế Tôn mới dạy do vọng có sanh là mượn cái ngôn ngữ phương tiện để mà nói, chứ vọng là đối đãi

với chơn, chơn là thanh tịnh, là yên lặng, trong cái thể yên lặng mà vọng tức là thể động chứ còn vọng hay là chơn cũng đều là năng lượng. Trong trái đất này tất cả bàn ghế nhà cửa đất đai con người chúng ta thấy lung tung đủ các hình dáng nhưng chỉ có 118 nguyên tử mà thôi, trong 118 nguyên tử ấy thì chia chẻ nó cũng chỉ có là năng lượng tức là electron, proton và notron, tức là đi tới cái tận cùng của nó chỉ là năng lượng và năng lượng thì đương nhiên là bình đẳng, tất cả chỉ là năng lượng thì không có năng lượng buồn, năng lượng vui hay năng lượng ghét hay năng lượng thương ở trong ấy, cái tánh của nó rất là thanh tịnh, cho nên Đức Thế Tôn nói: “Ở nơi cái diệu tánh sáng tỏ lìa các nhân tướng vốn chẳng có thể giới chúng sanh”. Có nghĩa là thể giới chúng sanh bên ngoài đều do vọng tưởng điên đảo khởi sinh ra mà thôi, diệt vọng thì gọi là chơn, là mượn phương tiện để mà nói như thế thôi chứ còn tất cả cái gì cũng đều là Như Lai chúng ta đã học rồi, kể cả căn trần cấu tịnh này kia đều là Như Lai Tạng.

Đức Thế Tôn lại dạy tiếp: “*A Nan nay người muốn tu chơn Tam ma địa thẳng đến đại Niết-bàn trước hết phải biết hai nhân điên đảo của thế giới và chúng sanh. Hai nhân điên đảo này một cái là của thế giới và một cái là của chúng sanh, nếu điên đảo chẳng sanh gọi là chơn tam ma địa của Như Lai, còn nếu có cái điên đảo thì cái*

đáy của thế giới chúng sanh”

A Nan, sao gọi là chúng sanh điên đảo? Do tánh sáng tỏ nơi tâm, vì chấp tánh sáng tỏ nên từ sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh. Tánh vọng thì kiến chấp sanh khởi từ bản lai vô thành cứu cánh hữu, cái năng hữu sở này chẳng có tướng năng nhân, sở nhân năng trụ sở trụ trọn chẳng nguồn gốc từ chỗ vô trụ này kiến lập thế giới và chúng sanh.



Kính thưa chư vị, chúng ta đang nói cái gì đây? Cái tánh sáng tỏ nơi tâm rất rõ ràng, lúc nào cái tâm ta cũng sáng tỏ nếu ta thanh tịnh không vướng mắc, nó giống như tấm gương, khi vật gì đi ngang nó đều nhận diện, giống như mặt sông khi con chim bay ngang là ghi nhận hình bóng của con chim nhưng nó không lưu trữ, không phát ra cái tánh phân biệt ở trong ấy, nhưng tại sao ta chấp cái tánh sáng tỏ? Vì nó sáng tỏ mà lại chấp cái tánh sáng tỏ cho nên cái tánh chấp, chấp tánh gọi là kiến chấp, chấp pháp,

chấp ngã và kiến chấp ba thứ ấy, cho nên từ cái sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh, ngay khi ta chấp là lập tức phát ra vọng tánh, và vì có vọng tánh thì là kiến chấp sanh khởi, và vì kiến chấp sanh khởi thì từ bản lai vô thành ra có.

Ngài Huệ Năng có nói: *Bổn lai vô nhất vật hà xứ nhạ trần ai*, từ xưa nay không có một vật, từ xưa nay không có một vật chẳng qua tá danh do vọng tưởng điên đảo mà khởi lên thôi thì lấy cái gì để mà nói rằng bụi trần nó nhuốm vào vật ấy mà cần phải lau chùi? Cái bản tâm của ta nó vốn là thanh tịnh, bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai. Từ xưa tới nay không hề có một vật, ta thấy có nhà có cửa có... tại vì cái tâm vọng tưởng điên đảo chứ thực chất của nó là không có hà cứ gì phải lau chùi. Ở trong kinh Kim Cang cũng nói ưng vô sở trụ tức là thực tướng của các pháp nó đều là hư vọng, nhưng vì ta chấp vào cái hư vọng ấy cho nên ngay cả như cái gọi là diệu tánh sáng tỏ mà ta chấp vào đấy là lập tức tánh sáng ấy nó phát sinh ra vọng, khi chấp vào là có tác động, tác động là lập tức phát ra vọng tánh và từ vọng tánh ấy đâm ra kiến chấp và cứ như thế mà từ không mà thành ra có, rồi từ cái có thành ra cái của ta, ngã sở, năng sở năng trụ và cứ như thế là phát sinh ra kiến lập thế giới và chúng sanh. Và vì mê cái bản tâm sáng tỏ nên sân đâm ra hư vọng, mà tánh vọng thì tự nhiên không có tự thể, tự nó không có tự thể, nó không có chỗ nương tựa mà vì không

có tự thể, nó không có chỗ nương tựa cho nên tự nhiên nó muốn trở về cái chơn của nó; cũng giống như là sóng, tự nhiên nó muốn quay trở lại cái thể tĩnh của nước, chỉ vì gió cho nên có sóng.

Nhưng lại kẹt như thế này, khi khởi lên muốn quay trở về cái chơn, tức là cái thanh tịnh ấy thì cái chỗ muốn ấy đã là dục rồi, cái chỗ muốn ấy đã là điên đảo, cái chỗ muốn ấy đã là vọng tưởng, và cái chỗ muốn ấy là cái chỗ không phải là cái chơn tánh của chơn như. Chẳng chơn mà cầu trở về chơn thì rõ ràng là phi tướng, mà phi tướng thì tức là phi sanh phi trụ phi tâm phi pháp, cứ xoay vần phát sanh như thế mãi mãi không thôi tạo nên huân tập thành ra nghiệp và đồng nghiệp thì chiêu cảm với nhau cho nên là có tương diệt tương sanh, chúng sanh điên đảo ở cái chỗ này đây. Tức là nó cứ xoay vần, nó chiêu cảm với nhau, cộng nghiệp đồng nghiệp với nhau cho nên có những người, người ta nói là biệt nghiệp đồng nghiệp, cái nghiệp riêng của ta ráng chiếu, chết một chỗ, có nhiều người nhiều khi chết cả hàng trăm ngàn người một chỗ là tại vì đồng nghiệp chiêu cảm với nhau.

Đức Phật lại dạy: “*A Nan, sao gọi là thế giới điên đảo? là vì do năng hữu sở hữu phân đoạn, vọng sanh, khởi lên cái vọng sanh ra từ đó an lập ra giới tức là cái không gian, giới là không gian, thế giới là không gian, từ chỗ chấp năng nhân sở nhân, năng trụ sở trụ dôi đổi chẳng*

ngừng nên vọng lập ra thế tức là thời gian, tam thế tứ phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa ra thành mười hai loại, vì giác tri của chúng sanh nên trong thế giới do động thì có thanh, do thanh thì có sắc, do sắc thì có hương, do hương thì có xúc, do xúc thì có vị, do vị thì biết pháp, sáu thứ vọng tưởng nhiễu loạn thành ra nghiệp tánh nương theo tánh điên đảo này mà có mười hai loài; noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc hữu sắc phi vô sắc hoặc phi hữu tướng phi vô tướng lưu chuyển chẳng ngừng”. Có những loại sanh đẻ bằng trứng, có những loại sanh đẻ bằng thấp khí, có những loại sanh đẻ thành con, chẳng hạn như con người sanh đẻ ra là con, là cái thân thể nhưng gà thì nó là sanh đẻ ra là trứng, tức là hình tướng nó khác nhau là ở nơi cái chiêu cảm này mà có. Đức Thế Tôn lại dạy: “Bởi thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thặng trầm cho nên các loài noãn sanh lưu chuyển nơi quốc độ như loài cá chim rùa rắn đủ tám vạn bốn ngàn ngàn tràn đầy thế giới”. Đây là nói ví dụ thôi, bạn nên thận trọng.

Có hai loại chúng sanh, chúng sanh ở bên ngoài và chúng sanh bên trong. Chúng sanh bên ngoài là những cái bạn thấy như là gà vịt tôm cá,.. các loài nó luân chuyển như thế, là noãn sanh rồi là thai sanh rồi thấp

sanh rồi hóa sanh,...vv nhưng mà ở ngay trong cái tâm chúng ta cũng có những loại ấy gọi là thấp sanh hóa sanh chứ không phải là chỉ có ở bên ngoài cái hình tướng như thế đâu. Tùy theo cái tâm thức của ta mà chiêu cảm rồi sẽ phát sanh ra như thế. Tất cả đều do cái vọng tưởng điên đảo cho nên huân tập lâu ngày rồi bị tạp nhiễm, vì thế giới có chấp trước luân hồi hướng về điên đảo hợp về thai noãn vọng tưởng lăng xăng cho nên có loài thấp sanh lưu chuyển nơi quốc độ như côn trùng, sâu bọ.

Thực sự ra những loài này cũng có ở trong tâm thức con người, chứ không phải là bên ngoài, vì cái lăng xăng cho nên mới có, cho nên nhiều lúc bạn thấy có những lúc ta trở thành con người rất bần tiện, có những lúc ta trở thành ra con người rất thanh cao, có những lúc ta là Bồ Tát, rồi có những lúc ta là những tên ăn cướp, cũng có những lúc ta là những tên ma, tên quỷ.

Tại vì cái sự giao thoa giữa căn trần và cái thức nhận mười tám thẳng giấc này làm con, cách tu hành là chỉ cần tu cái sáu căn thôi, khi sáu căn nó đã được thông thoáng không còn vướng mắc nữa thì cái tâm tự nhiên tiêu diệt, cái tâm cũng trống vắng, lặng lẽ và bao trùm hết tất cả, nhất ấy là nhất tâm mà lục ấy là lục căn, sáu cái: mắt tai mũi .. khi nó đã thanh tịnh rồi thì nhìn không khởi tâm phân biệt. Thấy một người đàn bà ở truồng như là Thiền sư Ikoto, ngài nhìn thấy ngài đỡ nón chào, các

Phật tử hỏi tại sao ông Thiên sư ông dám nhìn người phụ nữ ở trường xuống dưới dòng suối tắm, thế tại sao ngài Thiên sư lại kính cẩn ngả nón chào nhìn chăm chăm như thế? Tâm có động không? Thiên sư trả lời: *“Này ta nói cho các người nghe, chư Phật ba đời kể cả Đức Phật Thích Ca cũng từ chỗ ấy mà sanh ra”*, từ chỗ ấy là gì?

Nhiều khi bạn nghe không rõ thì bạn lại hiểu lầm khởi lên vọng tưởng điên đảo, từ chỗ ấy là từ chỗ cơ thể người phụ nữ, chỉ vì người đàn bà mới có thể mang bầu được, người phụ nữ mới có thể sanh con được, điều ấy là điều sai. Ngài Thiên sư Ikoto không nói điều ấy đâu. Nói từ chỗ ấy mà sanh ra có nghĩa là từ chỗ ấy là chỗ nào? Từ chỗ là nhận chân ra thực tướng của các pháp, biết rõ ràng nó là như thế mà không vướng mắc cho nên mới là thành Phật, cho nên ẩn dụ của các tổ nói rất là vi diệu. Tổ Ikoto nói chư Phật ba đời, kể cả Đức Phật Thích Ca cũng từ chỗ ấy mà sanh ra, người ta nếu không tu học người ta sẽ hiểu lầm nói, ông mới thấy người phụ nữ ở trường thì ông nói là từ cái bụng người phụ nữ hay là từ cái bào thai người phụ nữ sanh ra con người đó là cái lẽ tự nhiên. Không phải thế đâu, ngài không hề nói chuyện tầm thường như thế, chuyện đó là đương nhiên là như thế rồi cần gì phải nói, ý ngài nói là khi mà đã nhận chân ra thực tướng của các pháp là như thế và thấy rất rõ và không vướng mắc thì ấy là thành Phật.

Đức Thế Tôn lại dạy: “A Nan, bởi do thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thăng trầm vì thế cho nên có loài noãn sanh lưu chuyển nơi quốc độ như loài cá chim rùa rắn đủ tám vạn bốn ngàn tràn đầy thế giới”.

Thế thì tất cả những cái vật chất ấy nó từ đâu mà ra? Do vọng tưởng điên đảo cho nên thăng trầm luân hồi. Con người ta sau khi chết cái thân trung ấm khao khát đi tìm một cái nhà là cái thân khác để gá vào, tại vì trong suốt cuộc sống bị huân tập nơi thân khẩu ý, ý thì nghĩ sai, nghĩ bậy rồi miệng nói bậy, rồi cái thân làm bậy, cho nên huân tập nhiễm vào đây, khi chết cứ theo cái đà ấy đi và luân chuyển mãi.

Ngài A Nan đã có một lần hỏi Đức Thế Tôn như thế này: “Bạch Đức Thế Tôn, người chết đi về đâu”? Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan: “Ông ra ngoài, ông dòm thấy cái cây ở bìa rừng, cái cây nó đang nghiêng hướng nào”? Ngài A Nan nói: “Bạch Đức Thế Tôn cái cây nó đang nghiêng hướng đông, tại vì nó theo quang năng động, tức là nó phải theo ánh sáng mặt trời nghiêng về hướng đông”. Đức Thế Tôn nói: “Thế thì khi chết nó đổ theo hướng nào”? Ngài A Nan nói: “Bạch Đức Thế Tôn, khi sống nó nghiêng về hướng đông thì dĩ nhiên khi chết nó phải đổ về hướng đông”. Đức Phật nói: “Cũng như thế cũng như thế, người sống khi hành xử như thế nào, cái

thân, khẩu, ý nó tiêm nhiễm như thế nào thì khi chết nó đi về hướng đó thôi, chẳng cần phải lo lắng, có muốn kéo nó lại cũng không được, nó nghiêng về hướng đấy thì nó đổ về hướng đấy, người chết cũng thế thôi”.

Cho nên tất cả những gì chúng ta trong đời sống chúng ta huân tập thân, khẩu, ý. Thân làm bậy, ý nghĩ bậy, rồi lời nói bậy thì huân tập đương nhiên khi chết chúng ta biết chúng ta sẽ đi đâu thôi. Và cái địa ngục tự ta mở ra, tự ta chiêu cảm. Mỗi người đều có địa ngục riêng, gọi biệt nghiệp và cộng nghiệp, địa ngục cũng thế, do tâm thức chiêu cảm và sẽ tự mở địa ngục ấy và tự chui vào. Thế giới cũng thế, biến dịch luân hồi điên đảo về giả, hòa hợp thành xúc vọng tưởng thành mới cũ cho nên có loài hóa sanh lưu chuyển nơi quốc độ đủ tám vạn bốn ngàn tràn đầy thế giới, và bởi thế giới có ngu độn luân hồi điên đảo về si hòa hợp thành ngu vọng tưởng khô khan cho nên có loài vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, tinh thần hóa ra đất gỗ kim thạch đủ tám vạn bốn ngàn tràn đầy thế giới, và bởi thế giới có dẫn dụ luân hồi điên đảo về tánh, hòa hợp thành chú vọng tưởng kêu gọi vì thế nên các loài phi vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ như loài chú nguyên rửa yêu mị đủ tám vạn bốn ngàn tràn đầy thế giới, và bởi vì thế giới có hòa hợp luân hồi điên đảo về mừng tượng hòa hợp thành dị vọng tưởng xoay vòng, vì thế nên có loài phi hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ

như loài tò vò hay bắt con vật khác làm con mình đủ tám vạn bốn ngàn tràn đầy thế giới, và bởi thế giới có oán hận, luân hồi điên đảo về sát hại. Bạn thấy con này giết con kia rồi nó oán hận, rồi cứ thế cứ luân chuyển hoài, hợp thành ra quái vọng tưởng thành ra ăn thịt cha mẹ vì thế cho nên có loài phi vô tưởng luân chuyển nơi quốc độ như các loài như con thỏ cư, chim phá kính, ôm cây trái độc làm con, khi con lớn lên thì ăn luôn cả cha mẹ đủ tám vạn bốn ngàn tràn đầy thế giới, ấy gọi là mười hai loại chúng sanh.

Mười hai loại chúng sanh đều do cái vọng tưởng điên đảo mà ra, thai sanh, hóa sanh, noãn sanh, tất cả cũng đều do vọng tưởng điên đảo mà ra, tại vì khi vọng tưởng điên đảo là ý, ý nó làm cho thân hành, rồi cái khẩu nói, cho nên thân khẩu ý là ba cái điều quan trọng. Là một người hành giả đã tu đều biết thân khẩu ý là quan trọng. Nếu chúng ta tu được thân khẩu ý là chúng ta đi trọn được con đường tu học. Trong kinh Pháp Cú, phẩm song yếu nói rõ, ý dẫn đầu các pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “*Tâm tạo tác, tâm làm chủ các pháp, tâm dẫn đầu*”. Trong kinh Kim Cang thì nói rằng ưng vô sở trụ, tức là các pháp nếu không có vướng mắc thì cái tâm nhi sanh kỳ tâm, tức là cái tâm chân chánh sẽ hiển lộ.

Các kinh điển cũng nói cái tâm gọi là chân tâm rất là quan trọng, nhưng lại không bao giờ nói cái hình tướng

của chân tâm như thế nào, không bao giờ nói hình tướng của chân tâm là tròn méo nhỏ lớn xanh đỏ, mà chỉ nói một cách mơ hồ, lớn nhất cũng nó, nhỏ nhất cũng nó, lớn cả vũ trụ cũng nó. Bạn bước ra ngoài sân nhìn lên bầu trời từ đông sang tây cái tánh biết của con mắt lập tức thấy cả vũ trụ, bạn bước vào phòng lấy cái kim bạn nhìn qua lỗ kim cầm sợi chỉ xỏ ngang cái lỗ kim, bạn cũng thấy được cái tánh biết của con mắt thấy được cái lỗ kim nhỏ xíu, thế thì không lẽ rằng cái tánh biết ấy nó từ cái lớn bao la rồi có thể thu kéo nhỏ lại được hay sao? Đã nói rằng tánh biết của con mắt là cái tánh thấy thường trụ, cái tánh ấy là không có thay đổi, cái tánh ấy là bất sanh bất diệt, thế thì tại sao khi bước ra ngoài nhìn thấy cái không gian là biết hết, bước vào trong phòng thì biết trong phòng, không lẽ cái tánh thấy từ ngoài không gian bị thu nhỏ lại ở trong phòng rồi không lẽ khi nhìn cái lỗ kim thì cái tánh biết của con mắt nó lại thu nhỏ lại vào trong cái lỗ kim hay sao? Cho nên trong các kinh điển nói thì nói thế mà chúng ta không thể, không có tìm ra được một giải đáp nào hết, nói lớn nhất cũng nó, nhỏ nhất cũng nó, và người nào hiểu được thì chỉ có thầm thâm khế ngộ mà thôi, không thể nói ra bằng lời, không thể diễn tả hình dáng của nó được.

Cho nên trong kinh nói người nào uống nước thì mới biết nước nóng nước lạnh, người nào chứng đắc có nói

cho người khác nghe người khác cũng không có hiểu được. Câu chuyện con rùa và con cá, con rùa bò lên trên bờ, đi chơi một vòng, thấy đất cứng, thấy không gian, mặt trời, mặt trăng, cây, con vật, con người, thấy đủ thứ, về trở lại bơi xuống dưới nước gặp con cá, nó nói cho con cá nghe những chuyện thấy, nó nói trên đất cứng có cây cỏ có không gian vui lắm, con cá hỏi trên ấy có nước lỏng lỏng như thế này không? Con rùa nói không, con cá nói mày nói láo, không có nước lỏng lỏng như thế này làm sao sống? con cá lại hỏi thế nó có ướt như thế này không? Con rùa nói không, trên đó khô khan, thế thì con cá nói mày nói xạo, mày đi rồi về nói chuyện hoang đường điên, làm gì ở trên đất có cái thứ không ướt như thế này, không lỏng như thế này mà sống được. Cũng như thế, những người nào đã chứng đắc, những người nào đã hiểu đạo, họ có nói chẳng nữa, các vị Tổ họ có nói chẳng nữa thì người theo sau cũng không biết được, cho nên người ta chỉ dùng phương tiện, có đôi khi ở trong thiền gọi là công án, hoặc là trong các pháp môn tu học về Tịnh Độ thì dùng các phương tiện để chỉ thôi.

Đức Từ phụ bốn mươi lăm năm hoàng Pháp Ngài cũng chỉ nói là nói ra phương tiện, Ngài ví dụ thôi, các lời nói của Ngài chỉ là ngón tay và cái bè; ngón tay là chỉ cho thấy mặt trăng, mặt trăng mới là chân lý, ngón tay không phải là chân lý; bè để giúp người hành giả đi sang sông

mê nhưng bề không phải là chân lý, nương vào ấy để chúng ta tìm thấy chân lý, chứ không phải đây là chân lý. Cho nên những điều Đức Thế Tôn dạy chúng ta phải gọi là văn, tư, tu, nghe lấy cái tâm suy tư để coi cái đây nó có ích lợi gì cho ta. Tám vạn bốn ngàn pháp môn Đức Thế Tôn dạy giống như là bạn đi nhà hàng, bạn bước vào trong nhà hàng thì ở trong nhà hàng có thực đơn, và trong thực đơn có 100 món ăn nhưng không bao giờ bạn vào trong nhà hàng ăn hết một trăm món, bạn chỉ gọi món ăn nào ưa thích, ăn ngon và ăn được, có những món ăn bạn không ăn được bạn đâu có gọi, và bạn cũng chỉ ăn có một, hai món thôi. Tu hành cũng thế, nhiều lúc bạn chỉ cần một pháp tu thôi mà bạn hành trì tới nơi tới chốn thì bạn cũng sẽ được lợi lạc. Trong hai mươi lăm người đại đệ tử của Đức Thế Tôn, mỗi một ngài đều chứng đắc A La Hán, đều bước vào con đường A La Hán bằng một cái ngã khác nhau, hai mươi lăm người là hai mươi lăm cái khác nhau, hai mươi lăm cái đó là gì? Là lục căn lục trần lục thức và thất đại, ba*sáu=mười tám+bảy=hai mươi lăm. Tức là đều khác nhau nhưng lối nào cũng vào đạo, tức là hai mươi lăm cái: lục căn lục trần lục thức và thất đại, bạn đi cái ngã nào cũng vào đạo hết, chọn một cái thôi, thí dụ bạn chọn con mắt thì tu con mắt, con mắt nhìn không khởi lên niệm phân biệt, con mắt nhìn không khởi lên niệm buồn vui, con mắt nhìn không khởi lên niệm bỉ thử ngã sở là tu con mắt, con mắt không bị dao

động; tu cái lỗ tai là không khởi lên cái niệm hờn giận buồn phiền, bạn đừng nói là tôi tu nhãn, cho nên người ta chửi tôi nhãn tôi không chửi lại, nhưng như vậy là đang cưỡng chế tâm mà nếu cưỡng chế tâm thì đó là trạng thái bệnh hoạn, sẽ không bao giờ được thông dong tự tại, không bao giờ được giải thoát, nếu biết rằng âm thanh sắc tướng là do duyên, và âm thanh sắc tướng đều là huyễn, và lỗ tai ta nghe cũng là huyễn, cái thức nghe tức là nhĩ thức cũng là huyễn, thì hà cớ gì lại khởi lên buồn phiền những cái thứ huyễn, đấy.

Khi hiểu được thực tướng các pháp như thế thì đương nhiên thông dong, nghe như không nghe, người ta chửi mà nghe như người ta đang hát, người ta hát cũng như người ta chửi cũng như là âm thanh thôi. *Đưa người ta không đưa sang sông mà sao có sóng ở trong lòng.* Sóng ở ngoài biển thì để sóng ở ngoài biển hà cớ gì mà đem sóng vào trong lòng? Người ta chửi cũng như người ta hát, có khác gì đâu, cũng là véo von, bổng trầm cao thấp, chửi thì cũng thế thôi mà hát cũng thế thôi, mà tại sao ta lại khởi lên phiền não, đem cái phiền não từ ngoài vào bên trong. Tại vì cái lỗ tai ta khởi lên cái tâm phân biệt, khởi lên cái vọng tình điên đảo, theo âm thanh cho nên khi đã quán chiếu được rồi thì thông dong tự tại, không ức chế, còn nếu bạn nói rằng tôi tu nhãn, nhãn thì tốt, không sao đâu, nhưng là một trạng thái ức chế tâm và

như vậy sẽ không đạt đến cái chỗ thông dong tự tại và giải thoát.

Cái thế giới điên đảo để cho bạn thấy đều do cái tâm khởi lên vọng tưởng điên đảo, cái gọi là chơn tâm thì không thấy đâu, giới lấm thì bạn thấy được cái diệu tâm tức là biến tướng của cái chơn tâm, tức là bạn thấy được cái sóng mà không thấy được nước nhưng thà là thấy được sóng để rồi nương theo đó thấy được nước, thấy được cái bóng trăng ở dưới sông để nương theo cái bóng trăng ấy mà có thể nhìn lên trời để biết rằng ở trên trời đang có một cái mặt trăng, mặt trăng ở trên trời và cái mặt trăng ở dưới nước là mặt trăng thứ nhì tức là cái bóng của mặt trăng, nương theo ấy để tìm ra chân lý, nương theo kinh điển của Đức Từ Phụ để tìm ra chân lý, đây là cái chính.

Thế thì vọng tưởng điên đảo mới sanh ra thế giới và cái tâm chúng ta thấy được là cái biến tướng của chơn tâm chứ còn cái chơn tâm rất khó mà thấy, nếu bạn thấy được chơn tâm thì bạn đã chứng đắc A La Hán rồi. Cái niệm thứ nhất tức là khi thấy cái vật vừa mới sanh ra, vừa mới hiện ra trước mắt là lập tức chúng ta thấy và ngưng ở nơi ấy thì cái ấy là niệm của chơn tâm, nhưng chúng ta không ngừng, chúng ta lại tiếp tục nói rằng cái đó đẹp cái đó xấu, cái này ưa cái này ghét và như thế là chúng ta đã rớt vào cái tâm phân biệt, ngay chỗ cái tâm phân

biệt chúng ta lại tiếp tục chạy theo cái ưa thích rồi cho đau khổ bản thân ta và đau khổ trong cuộc đời, không những đau khổ cho ta mà còn đau khổ cho cả những người sống chung với ta. Cũng một tiếng nói nhiều khi ở trong môi trường khác ại suy nghĩ khác, tâm buồn thì cảnh buồn thôi, bởi vậy cho nên nếu quán chiếu thường xuyên thì giống như ở trong bài kinh Không Có Một Pháp Nào, Đức Thế Tôn nói: *“Người hành giả luôn luôn quán chiếu trong tâm một niệm sanh biết nó sanh, một niệm diệt đều biết nó diệt, nếu niệm hỷ vừa sanh thì biết niệm hỷ cũng vừa sanh, nếu niệm hỷ vừa diệt thì biết niệm hỷ cũng vừa diệt, như vậy rất là thù thắng”*.

Tất cả các pháp như Đức Thế Tôn dạy: bố thí, trì giới nhân nhục, tinh tấn, thiền định, tất cả chỉ là phương tiện để trợ duyên cho người hành giả nhưng vẫn không thù thắng bằng một pháp, thế thì pháp ấy là pháp gì? Cái pháp ấy là pháp quán chiếu cái tâm, sanh sanh diệt diệt đều biết, và như thế rất là thù thắng. Văn, tư, tu nghe cho nhiều là tham cũng là khởi tâm tham nhưng nếu không hành trì thì thân khẩu ý không bao giờ được thanh tịnh, mà nếu thân khẩu ý không bao giờ được thanh tịnh thì tham sân si lúc nào cũng còn đầy đầy.

Thế giới điên đảo tạo ra cũng nhiều do nơi cái vọng tưởng điên đảo mà ra, tới đây chúng tôi thiết nghĩ là cũng vừa tạm đủ bài học ngày hôm nay.

Phật Pháp Vấn Đáp

Đức Thế Tôn dạy: “*Đạo Phật không thể độ người vô duyên*”. Khi ngài A Nan thỉnh Đức Thế Tôn ra chợ để độ cho một bà già giữa chợ, Đức Thế Tôn quán chiếu biết rằng giữa Đức Thế Tôn và bà già ấy không có duyên cho nên không thể độ được nhưng ngài A Nan lại không chấp nhận, ngài A Nan nói rằng Đức Thế Tôn là Phật là có thể độ được tất cả nhưng Đức Thế Tôn nói đạo Phật chỉ có thể độ được người có duyên và Đức Thế Tôn đã chứng minh cho thấy là đứng trước mặt thì bà già quay trái, đứng quay trái thì bà già quay phải và thị hiện phải thì bà già cúi xuống đất và nếu thị hiện dưới địa ngục cho thấy thì bà già ngẩng lên trời, thị hiện trên trời cho thấy đang đi giữa cung thiên thì bà già nhắm mắt lại không thềm nhìn luôn.

Đức Phật mới nói với ngài A Nan đây, ta đã bảo với nhà ngươi trước, đạo Phật không thể độ được người vô duyên, nên bạn cũng đừng có mong mỏi là khởi lên niệm mong cầu là khi pháp ta nói ra hay là hành xử của ta người khác có thể thông cảm được, phải có duyên thì mới có thể độ được người và nếu thấy rằng có người mà đang độ và có người đang được độ thì coi như là cũng rớt luôn tại vì nhân ngã đều không có chẳng qua do duyên sanh mà thôi, nên là phải có duyên với nhau thì

mới độ được, điều đó thì nó là bình thường thôi, đó là cái thứ nhất.

Cái thứ nhì là Đức Thế Tôn cũng chứng minh cho thấy là Đạo Phật không chấp người cao, người thấp, hay người có trí tuệ, người nào cũng được Đức Phật độ hết nếu có duyên. Người thông tuệ như ngài Xá Lợi Phất cũng được độ mà cho tới người không thể niệm Phật được mà cũng chỉ cầm cái chổi quét thôi mà cũng chứng đắc. Nên là phải có hành trì, khi Đức Thế Tôn giao cây chổi cho ông Tỳ-kheo thì ông Tỳ-kheo chỉ chăm chú quét chổi và cuối cùng cũng chứng đắc và cho nên phải có hành trì thôi bạn mới hiểu được điều Đức Phật nói gì.

Đức Phật nói tu cái tham, sân, si, tu cái thân khẩu ý thì bạn cứ tu tham, sân, si tu thân khẩu ý cho trọn một. Ở trong lục mở nhất tiêu, Đức Thế Tôn cũng dạy trong sáu căn của ta: mắt tai mũi... nếu không tu được sáu cái thì tu một cái thôi giống như người bắt rắn, đóng năm cửa lại còn có một cửa thì đương nhiên con rắn nó phải đi ra lối ấy, cho nên hun khói thì con rắn nó đi ra một lỗ và cứ thế mà bắt. Cũng như thế, nếu chúng ta tu năm căn, sáu căn ấy đã thông thoáng rồi thì tâm điên đảo tự nhiên mất, rỗng rang và khi đã rỗng rang thì ở vào cái chỗ ấy gọi là chơn tâm. Nói không được tại vì nếu mà nói ra được thì chur tổ đã không bận lòng nói tới nói lui, và bạn cũng thấy ở trong các câu chuyện về thiền học hoặc là ở trong

kinh điển thì cũng có một việc mà không phải là nói cho ai cũng giống nhau.

Đạo Phật giống như là thuốc để trị bệnh, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Đức Thế Tôn khi gặp năm anh em Kiều Trần Như nói Tứ Diệu Đế thì nói có khổ tập diệt đạo, nói cho năm anh em đó nghe từng chi tiết nhưng sau đó cũng là một cô bé 8 tuổi hỏi Ngài thì Ngài lại không nói tới bốn mà Ngài chỉ nói có hai thôi là có cái khổ và có cái diệt khổ. Nên là tùy theo căn cơ chúng sanh, nếu người ấy không có duyên hoặc là người ấy tâm không mở ra để nghe pháp giống như bà già giữa chợ thì có nói cũng vô ích nên tốt hơn là không nói.

Kính thưa chư vị, bởi cái vọng tưởng điên đảo nên mới có biến tướng của diệu tâm và thế giới mới phát sinh đủ các loài côn trùng, đủ các loài thai noãn này kia như hồi nãy chúng ta đã học và bây giờ chúng tôi không biết là bạn có câu hỏi nào không.

Câu hỏi: Trong từng giai đoạn tu thiền đến lúc gặp ma ba tuần thì vẫn quán chiếu?

Trả lời: Thực sự ra tất cả những cái quán chiếu ấy cũng chỉ là phương tiện tại vì quán chiếu để loại trừ vọng tưởng thôi, vấn đề quan trọng vẫn là nhìn thấy rất rõ thực tướng của cái sóng và nước. Sóng là gì và nước là gì, nhiều lần chúng tôi đã trình bày với bạn, cái thể thì giống

nhau nhưng mà cái tướng thì khác nhau, nước có ba dạng căn bản: thứ nhất là nước lỏng, thứ nhì là nước đóng băng và thứ ba là nước bốc hơi. Nước đóng băng là H₂O mà nước bốc hơi cũng là H₂O cho đến cái chuyện mà hiểu được cái thể của nó thì các biến tướng sanh ra từ nơi tâm chúng tôi đã giảng rất nhiều về cảnh giới địa ngục, biệt cảnh cũng như là cộng cảnh, địa ngục nói là chung hay riêng là tùy theo sự chiêu cảm của tâm thức, và tâm ấy được huân tập trong lúc sống: thân khẩu ý hành trì như thế nào thôi.

Cho nên quán chiếu thì tùy phương tiện, quán chiếu hơi thở hay là quán chiếu tâm sanh diệt chẳng qua chỉ là mượn phương tiện để loại trừ các vọng, khi hết vọng rồi thì thấy cái chơn lớn nhất nhỏ nhất thì cũng không nói được vì nói chỉ là ngôn ngữ của thế gian, qui ước của thế gian thôi.

Câu hỏi: Thấy được cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ là cảnh giới gì? Có thật hay không?

Trả lời: Cảnh giới địa ngục là cảnh giới thật chứ sao lại nói là không thật, kinh sách nói ngài Mục Kiền Liên đi xuống chín tầng địa ngục thấy bà Thanh Đề ở dưới tại sao lại nói là không thật, kinh sách nói là có thật, chư Phật ba đời chưa hề hư dối, trong kinh sách cũng giải thích rất rõ, mỗi một địa ngục ấy không phải như thế

gian người ta suy diễn mà do chiêu cảm nơi tâm thức của con người. Tâm bất thiện, tâm không thanh tịnh thì địa ngục thấy ngay, ở ngay trong cuộc sống đã thấy địa ngục rồi, khi mà tâm ý ta không vừa lòng thí dụ như sống trong gia đình nếu lúc nào cũng bất hòa với chồng, lúc nào cũng bất hòa với con luôn luôn thấy khổ sở thì ngay ấy đã là địa ngục rồi cần gì phải đợi tới chết mới có địa ngục. Có những người rất là giàu nhưng mà lúc nào cũng khổ thì cái giàu và cái khổ ấy nó từ chỗ nào?

Địa ngục ấy do từ đâu? Nói thế là bạn hiểu rồi đâu phải lúc nào cũng có địa ngục lúc nào cũng có Niết-bàn đâu, thấy được nó, chơn tướng của các pháp như thế thì thông dong tự tại, Niết-bàn cũng mặc kệ mà địa ngục cũng mặc kệ, không quan tâm. Ưng vô sở trụ là cái chỗ ấy. Còn có nhiều gia đình rất là giàu có nhưng con thì xì ke, vợ thì đánh casino, chồng thì mè mỡ lãng nhãng, thế thì cái gia đình mà có vài ba chục triệu đô chẳng nữa mà có tình trạng như vậy thì là địa ngục. Đó là địa ngục rõ ràng chứ đâu có cần phải đợi tới chết mới có địa ngục đâu, mà đâu có phải hễ có vật chất là xây dựng được Niết-bàn đâu. Khổng Tử cũng có nói là những người có nhiều tiền của thì nhiều lúc lại đâm ra hư chứ không phải là tốt lành gì đâu. Càng có nhiều của cải, nhất là ở Việt Nam hiện tại những người giàu có lại đâm ra đâm dật nhiều, vợ này vợ kia rồi hoang đàng cờ bạc, đủ mọi thứ cho nên có tiền

nhiều đâu phải là xây dựng được Niết-bàn, nếu không có đạo lý, nếu không có tâm lành.

Đức Thế Tôn dạy: *“Luôn làm các điều thiện, luôn tránh các điều ác, luôn giữ tâm thanh tịnh, đó là lời chư Phật dạy”*. Mở đầu là luôn làm các điều thiện, rồi luôn tránh các điều ác đó là bước thứ nhì, luôn giữ tâm thanh tịnh đó là bước thứ ba. Sau khi nắm được cái thiện ác biết rất rõ, hành trì mới biết còn nói miệng không biết đâu, bạn cứ nói bố thí, nói bố thí miệng chừng nào lấy tiền của ta làm bằng mồ hôi nước mắt đi bố thí bạn mới cảm nhận được cái hạnh phúc của người nhận nó truyền sang ta và bạn cũng cảm nhận được hạnh phúc là ta đã làm được việc ấy. Một cách thực tế làm mãi huân tập, cũng như mở miệng ra nói lời từ ái thì trong kinh Pháp Hoa có nói: *“Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang”*. Tại sao nói trên lưỡi sen hồng phóng hào quang trong kinh Pháp Hoa? Cái lưỡi là lời nói, sen hồng là thơm tho, hào quang là trí tuệ, tức là nơi miệng nói của ta lúc nào cũng một lời nói đều là từ bi, lời nói tha thứ lời nói yêu thương lời nói đùm bọc lời nói không phân biệt lời nói không chống chế nhau lời nói là xây dựng thì cái ấy mới gọi là trên lưỡi sen hồng phóng hào quang là như thế.

Câu hỏi: Phá ngũ uẩn?

Trả lời: Sẽ có một bài pháp khác vì phải có tuần tự, thực

sự ra ngũ uẩn đều là không thực thì cần gì phải phá, nếu đã hiểu được thực tướng của nó rồi thì cần gì phải phá, nhưng mà muốn phá thì cũng có công thức thôi, trong kinh sách có nói đàng hoàng nhưng mà phải có thời gian, một buổi khác chúng tôi sẽ nói cho thôi, cũng như lục căn, thực sự ra lục căn đâu có thực đâu, nói là con mắt có thực à? Bạn học rồi bạn biết chúng tôi đã trình bày với bạn rồi, cái nhãn căn, cái biết của con mắt không nằm ở nơi con mắt, người chết thì con mắt còn đó tại sao không thấy? Rồi người mù không có con mắt tại sao người mù vẫn thấy? Ta đã học rồi, cho nên nói phá thì phá ở chỗ nào?

Trước hết phải biết nó là cái gì, nó có hay không, hình tướng ra sao rồi mới nói tới quá trình để mà phá ngũ uẩn tại vì nếu chưa hiểu thì làm sao phá? Biết nó là cái gì, hình tướng ra sao, hoạt động như thế nào, phải hiểu thể, rồi phải hiểu tướng tánh rồi lục rồi dụng của nó nhưng mà cái đó cũng chỉ là phương tiện thôi, khi nhận chân ra nó đều là huyễn, ngũ uẩn đều không có thật thì lấy cái gì. Trong Tâm kinh có nói sắc tức thị không không tức thị sắc, thọ tướng hành thức đều giống như thế thì nó đã là như thế rồi có gì đâu mà phải phá nó, chỉ cần nhận chân ra là được thôi, bởi vậy trong bài pháp: chỉ có một pháp ở trong kinh Kalama Đức Thế Tôn đã dạy, chỉ cần người hành giả quán chiếu trong từng sát na biết cái tâm

sanh sanh diệt diệt nó như thế nào thôi, thì sẽ liễu tri được hết còn nếu không có thì dùng ngôn từ của thế gian cũng vô ích không đi đến đâu.

Câu hỏi: Người đã thấy tánh rồi thì có còn bị mê không? Có còn bị vọng tưởng không?

Trả lời: Lành thay, lành thay, câu này mới là câu cốt lõi của kinh Thủ Lăng Nghiêm. Kính thưa bạn, người đã thấy tánh rồi giống như chư vị đã bước ra khỏi thế giới mê rồi, bây giờ bảo bạn quay lại bạn có quay lại không? Đôi khi cũng có quay lại đấy chứ, thí dụ như những người đã đi ra khỏi Việt Nam đi tới Mỹ sống một cuộc sống đầy phượng tiện văn minh có đầy đủ các thứ mà đôi khi hỏi có muốn về quê nhà ở Pleiku, Kontum .. gì đó ở trên núi không? Thì đôi khi cũng còn nhớ cũng còn muốn quay lại, cho nên đôi khi cũng mua vé về Việt Nam đi lên núi về quê nhà xem nhưng ở không? Không, giỏi lắm là về ở có chút xíu rồi chạy mất tiêu? Tại vì không có sung sướng như cảnh thực của ta đang sống ở bên Mỹ.

Bởi thế người đã thấy tánh rồi nếu không huân tập tiếp tục thì cũng còn có mập mênh, quay trở lại cái cũ của nó, nên ngài Huệ Năng đã thấy tánh khi Ngũ Tổ giảng cho kinh Kim Cang thấy được cái tánh thì phải ở trong cái đạo tặc mười lăm năm để huân tập, để điều tâm, cho

tới khi đã điều được tâm rồi thì mới đi ra giảng pháp. Bạn tu thấy được tánh chỉ là bước đầu thôi tại vì Đức Thế Tôn trong kinh Thủ Lăng Nghiêm ngài dạy rất rõ, Thế Tôn nói người tu hành nếu không thấy tánh thì giống như lấy sỏi cát mong nấu thành cơm cho nên nếu bạn không thấy được tánh thì việc tu hành của bạn chỉ được một chút phước hữu lậu bố thí, trì giới hay là in kinh xây chùa cúng dường được một chút phước kiếp sau bạn sẽ sanh lại thế giới này, bạn sẽ làm người giàu có hơn sung sướng hơn nhưng để thoát ra khỏi sinh tử luân hồi thì cái chuyện đó không có đâu, tại vì chưa thấy được tánh, mà thấy được tánh cũng chỉ là bước đầu, rồi còn phải huân tập nữa để cho khi nào liễu tri thấy được thực tướng của các pháp đều là như thế, không dơ không sạch, không tăng không giảm như trong bài kinh Bát Nhã thì mới rỗng rang, lúc bấy giờ thể nhập được nhất chân pháp giới.

Con người ta có bốn tánh lúc nào cũng nằm trong con người. Thứ nhất là thú tánh, thứ nhì là nhân tánh thứ ba là Bồ Tát tánh và thứ tư là Phật tánh, chúng tôi mượn thí dụ ngôn ngữ để nói thế thôi. Thú tánh là gì? Thú tánh là tánh ăn tánh ngủ tánh tham lam, ngồi xuống là tự nhiên muốn ăn, muốn ăn ngon, muốn ở ngon, muốn có tiền nhiều, muốn chèn ép người này người kia, đại khái như thế gọi là thú tánh. Cái bản tánh của con thú đều như thế,

và nhơn tánh là sao? Tức là có cộng đồng, biết trên biết dưới biết kính biết nhường biết bạn bè, ăn cũng phải nhường bạn, ăn nhường bố nhường mẹ, nhường anh chị em, đó là nhơn tánh. Bồ Tát tánh là gì, là những người sống cho người khác, chẳng hạn như những người đi làm việc trong các nhà thương cùi, chấp nhận bị bệnh cùi nhưng vì thương yêu những người cùi nên cũng vào đó sống với người ta để phục vụ người ta gọi là Bồ Tát tánh. Tức là chỉ biết phục vụ cho người khác không sợ nguy hiểm cho bản thân. Phật tánh là sao? Phật tánh là nhìn thấy rõ thực tướng của các pháp đều là như thế cho nên làm không vướng mắc, từ bi, thị hiện xuống cõi trần gian chỉ dạy cho ở trong cõi Ta Bà để chúng sanh thấy nhưng không vì thế vướng mắc, vẫn thị hiện là cái thân cư sĩ như là ngài Duy Ma Cật, có vợ có con nhưng phạm hạnh vẫn giữ, đây là điều bí mật của quý ngài. Hiện giờ chúng ta đang ở trong hai giai đoạn thấp cuối cùng tức là thú tánh và nhơn tánh. Chúng ta lúc nào cũng có đầy thú tánh nhưng lúc nào cũng cố gắng tu để bước lên nhơn tánh sống trong sự tôn trọng xã hội, tôn trọng trật tự nhưng hề bò lên được chút xíu nó lại rớt xuống tại vì thú tánh lúc nào cũng có và thú tánh lúc nào nó cũng thắng nhơn tánh. Cho nên người tu hành cố gắng làm sao chuyển cái thú tánh thành nhơn tánh mà thôi, rồi khi nó đã lên rồi thì lên được Bồ Tát tánh cũng khó mà rớt xuống, cũng giống như khi đã thấy được tánh rồi mà nói bỏ thì cũng

khó, bạn đang ở Mỹ mà kêu về ở Việt Nam luôn đi thì không, về chơi một vài ngày thôi thì cũng đi Mỹ nữa, cũng ở Mỹ nữa, có nghĩa là đã thấy tánh rồi thì ở cái chỗ ấy không có đời đâu nhưng nếu không huân tập thì đôi khi nó rút trở lại.

Câu hỏi: Con mới bước vào tu tại gia, hiện tại con đang ở nhà được hướng dẫn tụng kinh Lăng Nghiêm buổi sáng. Con chưa biết cách tụng như thế nào, trì chú như thế nào để lợi lạc nhất, xin Thầy từ bi hoan hỷ bố thí hướng dẫn cho con để con biết cách tu tập để được lợi lạc nhất. Câu thứ hai là: nhiều khi con ngồi nghe trực tiếp Thầy giảng, con mệt quá con có ngả lưng nằm nghe thì như thế có phạm vào giới gì không, xin Thầy hoan hỷ chỉ dẫn cho con ạ? Con xin thành kính tri ân Thầy.

Trả lời: Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Lành thay, lành thay, xin tán thán câu hỏi của Hoàng Tùng. Vấn đề trì chú Lăng Nghiêm chúng tôi chưa giảng, trong vài buổi nữa chúng tôi sẽ giảng ý nghĩa của kinh Lăng Nghiêm trước, chú đó trước sau đó chúng ta sẽ trì nhưng đã có sẵn chắc chắn nhiều vị cũng có quyển kinh Thủ Lăng Nghiêm trong đó có bài chú, các chùa thường thường sáng ra đều tụng chú Lăng Nghiêm và chúng tôi cũng sách tấn bạn nên tụng chú Lăng Nghiêm. Chú Lăng Nghiêm thù thắng lắm tại vì trong khi tụng chú Lăng Nghiêm thì chư thiên và các chư Bồ Tát đã phát nguyện

với Đức Thế Tôn là khi nào có người trì chú Lăng Nghiêm thì các vị chư Thiên cũng như các vị Bồ Tát sẽ đến hộ trì để cho thông tuệ và ma quỷ không bị cảm dỗ, cho nên khi trì chú thì chúng ta rất được có lợi lạc, bạn cứ trì chú không có sao, cứ lấy quyển kinh ra rồi cứ thế mà tụng theo thôi. Quyển kinh dạy có chữ nghĩa cứ thế tụng để cho tâm được an tịnh quen, mượn theo tiếng kinh kệ theo câu chú Lăng Nghiêm để thuần thục, trong vài bữa nữa chúng tôi sẽ hướng dẫn tuần tự, chú Lăng Nghiêm thì ở trong trang daophatvaodoi.com Diệu Mỹ đã đưa lên trên đó rồi, bạn cứ vào đó tụng, tán thán công đức của Diệu Mỹ đã rất là siêng năng hộ trì Tam Bảo, đưa bài chú đó, bạn cứ lên đó tụng theo. Chúng tôi sẽ hướng dẫn cho bạn từng chữ, từng ý nghĩa của câu ấy có ý nghĩa gì để bạn tụng bạn biết chính xác rất lợi lạc cho bạn. Đó là phần chú thì cứ tụng, chư Phật ba đời chưa hề hư dối, các Ngài đã phát nguyện khi nào có một người nào tụng chú Lăng Nghiêm thì chư Thiên cũng như chư Bồ Tát đều đến xoa đầu và hộ trì cho được tinh tấn chúng ta phải có cái tin thôi chúng ta mới có thể tu được, cứ thế hành trì.

Cái điều thứ nhì là Hoàng Tùng có hỏi là trong lúc nghe pháp ngồi ngả lưng hay cái gì đấy thì ở trong kinh có câu chuyện như thế này: Trong kinh thường thường nói là khi nghe tiếng chuông mà còn tiếp tục nằm ngủ hay

là tiếp tục nằm chơi này kia thì có thể sau này bị làm con rấn, kiếp sau làm con rấn. Có nghĩa là sao? Có nghĩa là không phải là trang nghiêm hay không trang nghiêm mà nói cái tính giải đãi, khi nghe chuông mà nằm mà không có chịu tinh tấn ngồi lên để nghe cho nghiêm túc thì cái ấy là cái tánh giải đãi mà từ cái giải đãi ấy làm cho hôn trầm và làm cho người tu hành bị trở ngại, gọi là huân tập những tánh xấu, đó là điều quan trọng. Còn kinh nói nếu nghe chuông không ngồi dậy thì bị đọa làm con rấn thì chẳng qua cũng là kinh nói thôi, tôi không dám nói là kinh nói sai hay kinh nói đúng nhưng quan điểm của chúng tôi thì cái điều ấy không cần thiết, hình tướng không cần thiết, bạn có thể ngồi nghe kinh cũng được, bạn có thể nằm nghe kinh cũng được. Có nhiều vị chẳng ngồi chẳng nằm, mới nghe kinh bị người ta đá cho một cái tự nhiên ngộ ra thì cái đó cũng được thôi không có sao đâu, điều quan trọng là bạn có ngộ ra được cái gì tức là bạn có lợi lạc được cái gì mà thôi. Nằm cũng được, thí dụ như bây giờ đây, không phải là bạn mà là một người bị cái bệnh gì đấy mà người ta không ngồi được thì sao? Đâu có phải nghe kinh không ngồi mà có lỗi đâu,? Thí dụ người bị bệnh tê liệt người ta không thể nào ngồi dậy được mà người ta rất là chăm chú nghe kinh thì người ta nằm người ta vẫn thù thắng như thường, không có cái gì hết, miễn là cái tâm của ta mở ra, nghe với tâm lòng thành, rồi văn, tư, tu nghe rồi lấy cái tâm suy nghĩ

nói, ở cái kinh đó nói như thế là nghĩa làm sao? Tại sao Đức Thế Tôn nói là tu sáu căn? Thế thì sáu căn ấy rồi rút cuộc lại nói là tu một căn thôi thì sáu cái lục mở nhưng mở ngay trọng điểm, thế thì cái trọng điểm là cái gì ta cứ phải vấn, tư, tu, sau khi nghe xong phải lấy cái tâm suy nghĩ, cái tâm suy nghĩ xong rồi phải hành trì, đó là tu. Thì mới có thể sửa đổi lại cách hành trì của ta thôi còn nếu không có thì cũng giống như là con kiến ở vườn Tịnh Xá của ngài Cấp Cô Độc, ngài Xá Lợi Phất đến thì thấy con kiến, ngài rút nước mắt, ngài nói trong tám mươi ngàn kiếp cứ chỗ nào có Phật nó đều đến để nghe pháp nhưng có điều nó không chịu suy nghĩ, không chịu tu, nó chỉ có đến nghe thôi cho nên cứ làm con kiến hoài và vì vậy không có lợi lạc gì hết và Ngài thấy vậy tâm từ của ngài khởi lên ngài rút nước mắt. Điều ấy nói cho chúng ta biết cái gì? Tức là nếu chúng ta không có hành trì thì tất cả những điều ấy chỉ là suông, giống như muông mọt canh nó mọt hết tô canh này đến tô canh kia nhưng mà nó chẳng có dính cái gì hết, bạn le cái lưỡi ra bạn ném mới biết canh nó mặn nhạt đắng như thế nào, phải hành trì thôi, không thì không được lợi lạc gì. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Tướng ngồi hay là tướng đứng tướng đi không thành vấn đề, nó không quan tâm đâu, không có lỗi gì đâu.

BÀI 24: CỠ SẮC GIỚI

Kính thưa chư vị, ngày hôm trước chúng ta đã học cội đục giới, ngày hôm nay chúng ta sẽ học cội sắc giới. Chúng ta đã biết là ba cội, thường thường chúng ta nghe nói con người trôi lăn trong ba cội sáu đường. Ba cội ấy là cội Đục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Cội Đục Giới là do sắc thịnh hương vị xúc mà cái quan trọng nhất là do cái dâm, cái dâm do căn và trần giao thoa đưa ra cái thức, thế thì cái dâm ấy thực tánh của nó như thế nào?

Cội Đục Giới được cấu tạo bởi cái tham, cái tham là khởi đầu cho nên là cội đục giới xuất hiện. Khi tâm tham mà phát khởi thì cội đục giới biến tướng và cứ như thế luân chuyển mãi không ngừng nghỉ. Trong cái tham nó có nhiều thứ nhưng chúng ta lấy một cái thí dụ để căn cứ vào đấy tìm ra phương pháp suy nghĩ và một cái cách nhìn về vấn đề. Một cái dễ hiểu nhất làm cho mọi người suy nghĩ nhiều đó là cái tánh dâm. Thế thì cái dâm ở đâu mà ra?

Nếu chúng ta để ý chúng ta sẽ thấy là để những em bé mà hai ba tuổi bất kể nó màu da gì, giới tính gì, khi để chúng vào chơi chung với nhau các em nó đều rất là thông cảm, nhiều khi nó không nói chuyện được tại vì

khác ngôn ngữ và nó không hiểu về màu da, nhưng chẳng biết nói cái gì chúng nó rất là hoà thuận, có cái kẹo thì nó chia, có đồ chơi thì nó chia rồi nó đùa giỡn với nhau rất là thông dong tự tại rất là vui vẻ. Thế thì chúng nó nói với nhau bằng ngôn ngữ gì, chúng nó chia sẻ với nhau bằng gì, suy tư ra làm sao, nó có cần tới ngôn ngữ của thế gian hay không? Nhìn vào chúng ta sẽ hiểu nó có phải vô tư không?

Kính thưa chư vị không, trong chúng nó một cái tánh dâm. Đức Thế Tôn đã nói rất rõ: *“Chúng nó là sản phẩm sinh ra bởi sự dâm dục của cha mẹ, đã là sản phẩm của sự dâm dục cho nên nó phải mang cái tánh dâm dục ấy ở trong người không có thể nào khác hơn được”*.

Nhưng tại sao cái đứa bé ba tuổi nó ở trường, ôm nhau thì nó không khởi lên một niệm; mà con trai, con gái mười bảy mười tám hễ chạm tay nhau thì như điện giật? Rồi tại sao các ông các bà khi gặp nhau là khởi lên cái niệm muốn cái này muốn cái kia, thế không lẽ là cái tánh dâm ấy từ ở ngoài đưa vào? Nếu nói rằng những đứa bé hai ba tuổi nó không có tánh dâm, thế thì cái dâm ấy từ đâu?

Người tu hành thì phải biết nó gốc rễ ra sao, mặt mũi như thế nào, cách hoạt động của nó như thế nào thì mới có thể nói là tu cái đây hay là diệt trừ nó, chuyển hoá nó

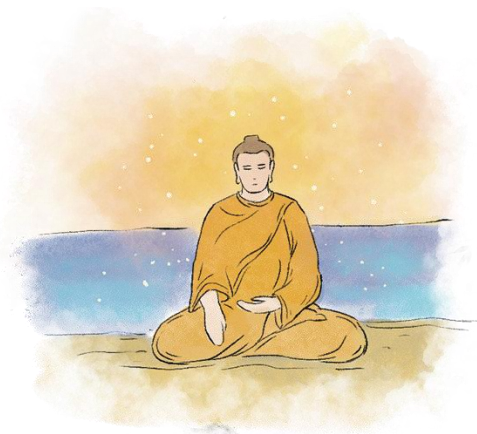
được. Nếu không biết thể tính tánh dụng, lực như thế nào thì làm sao chuyên hoá nó và biết nó trốn ở chỗ nào? Giống như là người tướng cướp khi đi đánh giặc phải biết là quân địch nó núp ẩn ở chỗ nào rồi mới lên kế hoạch, rồi mới đưa quân vào đánh mới chiếm được thành của người ta.

Cũng như thế, người tu thì dâm là quan trọng nhất, tại vì nó biểu hiện cho sự chuyên hoá năng lượng một cách rất là tài tình. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ khi nam nữ cọ xát thì nó phát sinh ra năng lượng và trong sự cọ xát ấy có sự chảy nước. Có nghĩa là tất cả đều do những cái dâm và rồi nó giống như cái trứng và con gà, có hành thì lại tiếp tục nảy sinh ra ý và ý tiếp tục làm cho hành tăng trưởng và cứ như thế sinh và không thể nào giải quyết gọi là liễu đoạn, chặt bỏ cái dâm.

Cách đây khoảng chừng hai tháng chúng ta đã học bài đoạn dâm, đoạn âm, đoạn tâm. Ở trong kinh Nikaya chúng ta đã học và đã biết là đoạn dâm không thể bằng cách đoạn âm. Âm đây tức là cơ quan sinh dụng của nam hay nữ. Đoạn dâm không thể nào chặt bỏ nó đi mà hết dâm được, tại vì cái dâm ấy ở chỗ nào? Có nhiều người nói cái dâm ở trong đầu, có nhiều người nói ở trong tim, có nhiều người nói nó ở trong cốt tuỷ. Mà nếu nó ở trong cái của ta thì làm sao ta thấy nó ở đâu mà tu đây?

Tu là chuyển hoá, thế thì phải biết nó nằm ở chỗ nào rồi mới lôi nó ra để chuyển hoá. Nếu từ nhỏ sanh ra không có cái tánh dâm rồi lớn lên lại có cái tánh dâm thì phải chằng cái ấy từ ngoài đưa vào? Nếu nó từ ngoài đưa vào thì nó đưa qua chỗ nào? Đưa qua sáu căn thì nếu sáu căn nó đã được an, tức là thông thoáng không đóng bít lại, có muốn đóng cũng không đóng được, tại vì con mắt có nhắm nhưng mà cái tướng của con mắt vẫn hoạt động cho nên không đóng được cho tới khi nào thông thoáng thì tự nhiên là lục mở nhất tiêu.

Chúng ta đã học về cái rắc rối của Dục Giới từ nơi cái tâm tham mà ra. Khi bạn tu được sáu căn thì nó được an lạc, thông thoáng thì sáu trần không làm nao loạn được sáu căn, sáu thức không sanh thì đương nhiên cái tâm tham ấy được chuyển hoá. Cõi Dục Giới biến thành trí tuệ tức là cõi Cực Lạc.



Ở trong trái đất này, nhà cửa đất đai rừng núi nhưng tất cả chỉ có 118 nguyên tử mà thôi và trong 118 nguyên tử ấy khoa học chứng minh rõ ràng nó chỉ có electron, nơ tron và proton. Có nghĩa nó chỉ là năng lượng và nó không có là cái gì hết, bởi thế cho nên Đức Thế Tôn mới nói các pháp ở trên thế gian đều là bình đẳng và tự nó vốn là thanh tịnh, nó không có ô nhiễm. Thế thì ai làm cho nó ô nhiễm đây mà tạo ra cõi dục giới?

Ngày hôm nay chúng ta sẽ đi tới một cõi khác đó là cõi Sắc Giới. Cõi Sắc Giới ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm có nói rất rõ là từ sơ thiên cho tới Tứ Thiên đều ở trong cõi Sắc Giới.

Ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới nó đều tương ưng do sự chiêu cảm của cái tâm mà phát sinh. Cõi Dục Giới là do cái tâm tham, cõi sắc giới thì do cái tâm sân. Khi sân lên, trong tục ngữ Việt Nam có một câu quá giằn thì mất khôn, cho nên những người sân lên thì gây tai hại cho ta và cho người xung quanh.

Đức Thế Tôn nói có bốn điều nhỏ không nên coi thường, con rắn nhỏ, tu sĩ trẻ, hoàng tử trẻ và một đóm lửa nhỏ. Đóm lửa nhỏ đó nhiều lúc chỉ là một đóm lửa rất nhỏ nhưng nó có thể đốt cả cái rừng. Nói theo huyền nghĩa là một đóm lửa sân đốt cả rừng công đức. Tu bốn mươi, sáu mươi năm hay tu cả cuộc đời, nhỏ hai tuổi mò

côi bỏ vào trong chùa cho tới lúc tám mươi tuổi mà nếu bạn chỉ khởi lên một niệm sân thôi thì tất cả tám mươi năm công đức ấy vứt đi, tại vì một đốm lửa sân đốt cả rừng công đức. Đốm lửa sân là cốt lõi của cỗi sắc giới. Đốm lửa sân ấy là gì? Chưa biết nó là gì nhưng nói tới hậu quả của nó thì rất kinh khủng.

Đối với thế giới thì nước này đem quân đi đánh nước kia một phần cũng vì sân, những vị lãnh tụ nhiều lúc tức nhau. Thì cái hiện tượng từ nước này sang nước kia, cá nhân này sang cá nhân kia bạn dòm đã biết rồi, chúng tôi miễn bàn chuyện thế sự, thế sự phù du, bàn mãi không bao giờ hết và nó trở thành ra vô duyên tại vì người tu Phật đã biết vạn pháp đều như huyễn, bàn chi mấy cái chuyện huyễn.

Ở trong y khoa người ta đã chứng minh là mỗi người ở trong một sát na nổi lên sân hận thì giết đi cả hàng triệu tế bào não. Cơ thể con người chúng ta có được cái đi đứng nằm ngồi cho đứng đắn tức là nó điều chỉnh được điều tiết được đều phải nhờ cái bộ não, ăn uống ngủ nghỉ cũng đều phải nhờ cái bộ não, suy nghĩ cũng nhờ cái bộ não, nói năng cũng nhờ bộ não. Bộ não lành mạnh, bộ não tốt thì nói những điều tốt, bộ não nhiễm ô thì nói ra những điều nhiễm ô. Nhưng mỗi lần chúng ta nổi cơn sân thì lập tức chúng ta đã tiêu diệt cả hàng triệu tế bào não.

Y khoa đã chứng minh tế bào não chỉ có chết đi chứ nó không có sanh ra hay tái tạo. Có nghĩa là tế bào não chỉ có chết đi chứ không có sanh ra. Thế mà con người nổi sân thì mỗi một niệm sân giết cả hàng triệu tế bào. Càng sân bao nhiêu thì tế bào não càng chết đi bấy nhiêu và con người càng trở nên ngu bấy nhiêu.

Một trong những cái để giết tế bào não là sân, cái thứ nhì là rượu, rượu là một thứ giết chết tế bào não, cho nên những người thường uống rượu sinh ra con ngu đần. Những người uống rượu lại ưa hành hạ vợ trong cơn say, ưa hành dâm trong những cơn say thì làm cho những đứa con càng ngu si hơn nữa, đó là hậu quả của cha mẹ không biết tiết chế.

Cái sân giết hại tế bào não, làm cho cơ thể ta không được sinh hoạt bình thường. Mỗi lần bạn nổi sân thì ở trên cái tuyến thượng thận sẽ tiết ra một loại tiết tố gọi là adrenaline, đi vào máu và đi tới các tế bào làm cho các tế bào co giật lại và run lên và đưa lên não và làm cho người đó không kiểm chế được. Adrenaline là một loại kích thích tố, nó cái động lực rất là kích thích và nếu nó đưa vào tim nó làm cho tim bóp nhanh, đập nhanh. Những người nổi sân tay chân co quắp lên, dữ lên, mặt đỏ lên rồi nói năng mạnh bạo lên, rồi tim đập mạnh hơn đó là những triệu chứng biểu hiện hậu quả của sự tác động của adrenaline từ nơi tuyến thượng thận.

Cái loại nguy hiểm độc tố này khi nó tiết ra, không đi ra mà nó lại nằm ẩn nấp ở trong các tế bào của con người, bởi thế nó tiêu diệt những tế bào và lâu dần con người mất khả năng điều khiển những tế bào của ta vì cái chất adrenaline này nằm ở các tế bào và nhất là tế bào tim.

Cái sân nó rất là tai hại. Thế nhưng ở trong cuộc đời này, ngay cả những tu sĩ có vị nào không sân không? Hay là có vị nào nói rằng tôi đã tu rồi tôi không bao giờ sân. Đối với các Phật tử điều ấy là lẽ thường, hàng ngày các vị đều phải đối diện với gia đình rồi hàng xóm chợ búa thì cái sân nó nổi lên là bình thường. Có khi nó là thô, có khi là vi tế, thô thì bạn nhận diện được liền và may mắn là bạn nhận diện được mà thường thì cũng chưa chắc nhận diện được, còn nếu nó vi tế thì lại càng không nhận diện được.

Thế thì đối với tu sĩ thì sao? Nếu mà cưỡng chế ép nó xuống giống như lấy đá đè cỏ thì cỏ cũng mọc. Cho nên cái sân nó không phải là dễ dàng để nhận diện ra nó. Nếu không nhận diện biết được nó, hình tướng nó như thế nào, thì làm sao biết nó hoạt động như thế nào? Mà nếu không biết nó hình tướng ra sao hoạt động như thế nào thì làm sao có thể chuyển hoá cái sân hận ấy thành ra những sản phẩm có lợi lạc cho bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội.

Nếu không biết mặt mũi nó, thể tánh tướng dụng lực thì làm sao mà tu. Nói tu cái thân mà nếu không biết nó là cái gì thì giống như là đi vào rừng đi tìm một đoá hoa mà tối đen hết không biết nó nằm ở chỗ nào. Hễ có tâm thân là lập tức có cõi Sắc Giới, nó tương ứng và nó chiêu cảm cho nên xuất hiện ra cõi Sắc Giới.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn đã dạy rõ là từ sơ thiên cho tới tứ thiên cõi sắc giới xuất hiện như thế nào? *“A Nan tất cả người tu tâm trong thế gian chẳng nhờ thiên na thì chẳng có trí tuệ, nếu giữ được thân chẳng dâm dục, khi đi ngòai niệm tướng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến dục giới làm bạn với Phạm Thiên, hạng này gọi là Phạm Chúng Thiên”*.

Tại sao Đức Thế Tôn lại nói người tu tâm trong thế gian phải nhờ tới thiên na mới có trí huệ? Tại sao chỉ có thiên na mới đưa tới trí huệ mà lại không nói những thứ khác? Có tám vạn bốn ngàn phiền não cho nên Đức Thế Tôn chế ra tám vạn bốn ngàn pháp môn để tu, hễ có tám vạn bốn ngàn pháp môn thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn tu để tương ứng để mà đối trị lại.

Tại sao Đức Thế Tôn lại nói là thiên Na mới đưa tới trí huệ rồi những thứ khác không đưa tới trí huệ hay sao? Tại vì nếu được giữ cái thân chẳng dâm dục, khi đi khi ngòai niệm tướng đều không. Tức là chỉ cái thân không

dâm dục, ở đây không phải chỉ nói dâm dục thuần túy mà thực sự ra nói tới cái chuyện căn và trần giao thoa chiêu cảm để cho cái thức nó phát sinh. Cho nên nói rằng thân chẳng dâm dục thì khi đi khi ngồi niệm tưởng đều không.

Đức Thế Tôn nói nếu được giữ thân chẳng dâm dục khi, đi khi ngồi niệm tưởng đều không, tức là không một cái niệm phan duyên, không một cái niệm về cái dâm, ái nhiễm chẳng sanh, đây mới là cái chìa khoá, niệm đã không niệm mà ái nhiễm đã không sanh nữa thì dâm mặc kệ dâm.

Ở trong Đại Trí Độ Luận ngài pháp sư Hỷ Căn và ngài pháp sư Ý Căn bất đồng quan điểm về cái dâm, nộ, si. Ngài pháp sư Ý Căn dạy các đệ tử nên tránh xa dâm, nộ, si tại vì cái đó làm nhiễu loạn người tu và không thể nào tu được.

Trong khi đó ngài pháp sư Hỷ Căn thì lại dạy cho các đệ tử biết rằng thực tướng của các pháp đều là như huyễn. Dâm, nộ, si là duyên sanh mà nếu cái gì là duyên sanh tức là như huyễn, không thực, hễ có duyên thì sanh, hết duyên thì rã, trở về với cái bản thể thanh tịnh của nó, cho nên thực tướng của dâm nộ si vẫn là thanh tịnh, không có cái gì ô nhiễm. Thế thì ai làm cho ô nhiễm đây để mà có cái cõi Sắc Giới?

Cho nên Đức Thế Tôn mới dạy là khi đi, khi ngồi, niệm tưởng đều không, ái nhiễm không sanh chẳng lưu luyến dục giới, dục giới ở đây tượng trưng cho mực, làm bạn với Phạm Thiên tượng trưng cho đèn. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Người tu học được kết bạn với thiện tri thức thì rất là thù thắng, còn những người tu học ở gần nơi chôn hoặc làm bạn với những người không có tu học đàng hoàng đứng đắn, trước sau gì không ít thì nhiều cũng bị ô nhiễm.

Đức Thế Tôn lại dạy tiếp: *“Dục lậu đã trừ tâm lìa dục hiện ra hành theo các luật nghi đức hạnh trong sạch hạng này gọi là Phạm Phụ Thiên; thân tâm diêu viên oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch lại có sự toả ngộ được thống lãnh phạm chúng được làm Đại Phạm Vương hạng này gọi là Đại Phạm Thiên, A Nan ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn tạm ma địa nhưng nơi tâm trong sạch dục lậu chẳng thể lay động ấy gọi là Sơ thiên”*.

Sơ thiên là gì? Sơ thiên là ở trong trạng thái ly dục ly ác pháp. Ly dục tức là những cái ham muốn đều ngưng bật, các niệm tưởng đều không, ái nhiễm cũng không, tại vì thấy rất rõ nó không có thực tánh. Rồi ở gần người thanh tịnh tu học mà xa lìa những kẻ ác, cho nên nói ly dục ly ác pháp là như thế.

Nhị thiên là sao? Nhị thiên ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan như sau: “*A Nan hàng Phạm Thiên thống lãnh phạm chúng đầy đủ phạm hạnh lắng tâm chẳng động do tịch hạnh sinh ra ánh sáng hạng này gọi là thiên Quan Thiên, ánh sáng chói lợi chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly hạng này gọi là Vô Lượng Quang Thiên, hào quang đồng như âm thanh thành tựu giáo thể phát ra sự giáo hoá trong sạch ứng dụng vô cùng hạng này gọi là Quang Âm Thiên. A Nan ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách dù chẳng phải chánh tu chơn tam ma địa nhưng nơi tâm trong sạch những phiền não thô động đã uốn dẹp gọi là Nhị thiên*”.

Nhị thiên đây là sao? Có nghĩa tâm đã lắng động, do tịch lặng sanh ra ánh sáng mà ánh sáng này thật sự ra nói là ẩn dụ thôi, ánh sáng là trí tuệ. Từ nơi cái định, do lắng tâm không động sinh ra trí tuệ, do tịch lặng sanh ra ánh sáng cho nên mới gọi là do định sanh ra trí tuệ.

Tam thiên, Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan về tam thiên như sau: “*A Nan hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý thành hạnh tinh tấn, tâm với sự vui tịch diệt hạng này gọi là thiên Tịnh Thiên*”.

Hào quang tượng trưng cho trí tuệ mà thành âm tức là nó chuyển thành ra pháp. Cho nên những cái trí tuệ mà

pháp ra âm thanh thì trí tuệ ấy mang theo cái diệu lý và nó thông vui với cái sự tịch diệt. Tại vì lúc nào cũng là vắng lặng từ nơi sơ thiên cho tới nhị thiên. Ở nơi nhị thiên thì nó đã là bất động rồi, tại vì do tịch lặng mới sanh ra ánh sáng có nghĩa là do nơi định mới sanh ra trí tuệ. Ở vào Tam thiên thì nó cao hơn nữa, đưa tới cái sự luôn luôn là tịch diệt và vì tịch diệt ánh sáng chính là trí tuệ, trí tuệ chuyển hoá ra âm thanh mới phát huy ra diệu lý cho nên lúc nào cũng tinh tấn.

Cảnh tịnh không hiện tiền chẳng có bờ bến, thanh tâm nhẹ nhàng thành sự vui tịch diệt hạng này gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên, từ nơi cái chỗ tịnh không thấy ngay hiện tiền đã thông rồi tại vì các pháp vốn là tịnh chứ không có động, chẳng qua tâm động cho nên mới thấy cái pháp động mà thôi.

Thế giới và thân tâm tất cả đều trong sạch thành tựu, đức tánh trong sạch thắng cảnh hiện tiền quy về cái vui tịch diệt gọi là Biến Tịnh Thiên tức là do cái thanh tịnh mà biến dạng ra như thế thôi. Thế giới và thân tâm là nói về cái bên ngoài và cái bên trong, thực thể đều cùng là một, không có sự sai biệt.

Chúng ta đã học về cái thân và cái tâm kỳ trước chúng ta đã thấy là cái tánh thấy của con mắt, thí dụ là cái biết đầy có từ cái lớn thu nhỏ lại hay cái nhỏ mà ra cái lớn

được hay không, nếu nói rằng nó thu từ cái lớn ra cái nhỏ thì cái ấy nó không thường hằng hay sao?

Bước ra ngoài trời, bước ra ngoài không gian chúng ta nhìn thấy cả một bầu trời từ nam sang bắc, con mắt cái tánh biết của chúng ta nó theo cả một bầu trời to lớn như thế, đều biết hết, thế thì khi bước vào nhà cái nhà với một không gian ngăn lại bằng bốn bức tường không lẽ cái tánh thấy được thu nhỏ lại trong phạm vi của cái nhà hay sao? Rồi nếu lấy cái kim để xỏ chỉ chúng ta biết rất rõ sợi chỉ nó đi qua cái lỗ kim, như vậy không lẽ cái tánh biết từ không gian bao la rộng lớn, từ nam bắc trên trời rồi vào trong nhà biến dạng nhỏ đi rồi vào cái lỗ kim cũng nhỏ xíu như vậy hay sao? Mà nếu có sự biến dạng thì cái pháp ấy gọi là vô thường, như vậy cái tánh thấy không thường hằng hay sao?

Thế thì trong Tam thiên đều có trí tuệ biến thành ra âm thanh, là diễn bày, mượn phương tiện để chuyển hoá pháp, mượn phương tiện để chuyển hoá tâm. Bởi vậy Đức Thế Tôn mới dạy A Nan ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, tùy theo căn cơ chúng sanh mà thuận, chúng sanh nói sao đều là thuận hết, ở nơi ấy thì cái tâm của ta lúc nào cũng được thanh tịnh, lúc nào cũng được nhu nhuyễn. Vợ nói một đằng, bố nói một đằng, ông nói một đằng, rồi ông hàng xóm nói một đằng mà ta nghe đều thấy nó thuận hết; là tùy thuận nhu

nhuyễn, là cái tuyệt vời của Tam thiên. Tức là thân tâm lúc nào cũng được an lạc mặc dù chưa đắc được cái tam ba địa nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ cho nên Đức Thế Tôn gọi nơi ấy là Tam thiên.

Nó đã chuyển hoá từ trí tuệ tức hào quang thành âm tức là âm thanh. Tổ bày diệu lí, phơi bày ra diệu lí. Cái tịch không ấy nó không có hiện tiền nhưng mà nó vẫn có hiện tiền, nó không có thường trụ nhưng mà nó vẫn ở đây, nó không có bờ bên, nó không có ngăn ngại cho nên tạo ra cái thân rất là nhẹ nhàng bởi vì nó đưa tới sự tịch diệt. Nó thông vui với sự tịch diệt vì cái sự tinh tấn gọi là tam thiên.

Rồi tới tứ thiên tức là cao hơn thì Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Lại nữa A Nan, cõi trời này thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết, biết sự vui chẳng thường trụ”*.

Biết sự vui chẳng thường trụ, cái này rất quan trọng. Lâu ắt biến hoại, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả. Hễ có vui thì có khổ, mà hễ chấp vui thì đương nhiên cũng sẽ vướng khổ. Cho nên cái vui cái khổ chỉ là nhất thời mà thật sự ra trong khổ có vui, trong vui có khổ chứ không phải trong vui mà không có khổ đau. Nếu quán chiếu được rõ ràng thì thấy rất rõ khổ cũng là vui mà vui cũng là khổ. Phiền não tức là Bồ-đề cũng ở cái chỗ này

đây.

Ở trong kinh Duy Ma Cát, ngài Duy Ma Cát đã nói với ngài Xá Lợi Phất: “*Không rời phiền não mà vào Niết-bàn*” là ở chỗ này. Cho nên tướng khổ, tướng vui là cái tướng bề ngoài còn cái tánh vốn là thanh tịnh, không ảnh hưởng.

“Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch được sự tùy thuận nhiệm màu cùng tốt vị lai, tánh phước chẳng ngăn ngại này gọi là Phước Ai Thiên”.

Tâm xả lúc nào cũng viên dung, mọi việc đều xả hết không chấp và đều tùy thuận cho nên đưa đến sự nhiệm màu và vì có tùy thuận và đã xả nữa cho nên không có ngăn ngại.

*“A Nan, từ cõi trời này tẽ ra hai đường **nếu dùng cái tâm sáng tỏ đầy đủ phúc đức trước kia để tu chứng an trụ hạng này gọi là Quảng Quả Thiên**. Nếu nơi tâm trước kia, nhằm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lẳng tâm bất tướng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, hạng này gọi là Vô Tướng Thiên”.*

Nếu cái tâm nhằm chán cả khổ, vui rồi lại theo cái tâm

xả luôn luôn tinh tấn không ngừng nghỉ. Nhưng nếu đã lấy cái tâm sanh diệt làm nhân thì không thể phát minh ra cái tánh chẳng sanh diệt. Cái tánh nó không sanh, không diệt cho nên gọi là tánh vô sanh pháp nhẫn. Nó không sanh không diệt nhưng mà tại vì chấp vào sanh diệt cho nên nói có sanh thì có diệt. Lấy cái đấy làm nhân thì đương nhiên phải có quả thôi cho nên mới gọi là Vô Tướng Thiên.

Đức Thế Tôn kết luận: *“A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chôn cất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thực, gọi là Tứ Thiên”*.

Thế thì cái khổ nhất của Tứ Thiên là gì đây? Tứ thiên không có sung sướng. Cũng như người nấu bếp, người ta nấu đồ ăn rất ngon nhưng hỏi người đầu bếp có ăn không? có muốn ăn không? Thì người đầu bếp sẽ nói thôi tôi chán lắm, tôi không ăn đâu? Tại sao thế? Nấu ngon như thế mà không chịu ăn. Tại vì đã thấy rồi, đã nấu rồi, làm được rồi thì ngán lắm không ăn.

Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan bốn bậc này, tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động. Tại vì biết rõ thực tướng của các pháp ở trên thế gian đều là huyễn. Khổ vui chỉ là tạm bợ, trong khổ đã có vui và trong vui đã có khổ.

Nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thực cho nên gọi là Tứ thiên. Biết ta đã chứng được Tứ thiên cho nên chỉ có giới hạn tới cái chỗ đó thôi. Tức là cái chỗ mà gọi là có sở đắc, công dụng thuần thực. Hễ cái gì có trú trước ở ngay nơi ấy là vướng mắc.

Ở trong kinh Phạm Võng khi sáu mươi hai vị biện luận đại tài của Bà La Môn đưa ra sáu mươi hai cái luận thuyết về vũ trụ về sanh tử, về luân hồi đủ các thứ. Nghe thì rất tuyệt vời nhưng các vị ấy khi hỏi Đức Thế Tôn thì ngài từ bi khai mở. Ngài nói sáu mươi hai cái luận thuyết ấy đâu có giải thích được hết tất cả sự kiện diễn tiến ở trong vũ trụ cũng như diễn tiến của tâm cũng như sự chuyển hoá của năng lượng cũng không vượt ra khỏi cái lưới Phạm Võng. Mặc dù cái lưới Phạm Võng có mắc lưới rất lớn, cái thứ gì cũng chui ra lọt nhưng riêng sáu mươi hai luận thuyết tuyệt vời về vũ trụ, con người, nhân sinh quan đủ các thứ, những cái thứ ấy không lọt ra khỏi lưới Phạm Võng. Tại vì cảm thọ, sáu mươi hai vị ấy đều có cái cảm thọ và vì cảm thọ cho nên vướng mắc và vì có cảm thọ cho nên có cái ngã phát sinh. Mà hễ có ngã phát sinh là có ái ngã và cứ như thế sanh tử luân hồi trong cái Thập Nhị Nhân Duyên.

Hễ có cảm thọ là có dính mắc, mà hễ có dính mắc thì kẹt. Trong kinh Kim Cang nói Ứng Vô Sở Trụ. Mà hễ có dính mắc là vì có hình tướng tức là pháp hữu vi do

duyên sanh.

Cũng trong kinh Kim Cang có nói rất rõ: “*Phàm sở hữu tướng thì giai thị hư vọng*”. Những cái gì có hình tướng đều là giả dối. Hình tướng đây không phải nói về sắc đâu mà kể về danh luôn tức là âm thanh, sắc tướng kể cả tư tướng nữa cũng là một dạng của các pháp. Đó là sự chuyển hoá năng lượng.

Thế thì trong cái cõi Sắc Giới này theo như kinh Thủ Lăng Nghiêm: Sơ thiên là chú trọng ở cái thiên na, để dùng cái trí tuệ phát sinh ra cho nên đục lậu không lay động được.

Ở trong Nhị thiên thì tất cả lo buồn không thể phiền não vị hành giả. Các phiền não đó không làm bức bách được người hành giả nhưng người hành giả không thể liễu tri được cái thực tướng của phiền não cho nên vẫn tìm cái phương tiện để dẹp nó đi. Mà hễ dẹp nó đi tức là chấp nó có hình tướng, chấp là nó rằng cái pháp mà ta cũng có cái pháp để dẹp nó và tất cả như vậy đều mắc kẹt.

Ở trong Tam thiên thì sự chuyển hoá diệu dụng của trí tuệ thành ra tỏ bày diệu lí. Có nghĩa là hào quang đã biến thành âm. Mặc dù thân tâm đều được an lạc, tùy thuận nhưng nơi tâm yên ổn cũng chưa hoàn toàn đủ sự hoan hỷ.

Và ở trong Tứ thiên thì Đức Thế Tôn nói rõ là tất cả các cảnh khổ vui của thế gian không có làm cho lay động nữa nhưng lại có một cái vướng mắc là nơi tâm chấp có sở đắc và có cái công dụng. Thứ nhất là có sở đắc là quả vị chứng đắc. Mà hề có quả vị chứng đắc tức là có hữu vi, tức là có tướng. Mà hề cái nào có tướng thì hư vọng. Ở trong kinh Kim Cang nói rất rõ như thế. Và chỉ chấp rằng có cái gọi là sở đắc và có cái phương tiện để mà tu tức là có công dụng thuần thực, là có phương pháp tu ấy gọi là Tứ thiên.

Tất cả những cái này trói buộc con người vào Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên; trói buộc con người vào cái phương tiện. Mà thực sự ra cái tánh của ta vốn là bất sanh bất diệt và nó thường trụ nhưng nếu có chấp diệt hay không diệt, thanh tịnh hay là vô vi, hữu vi tất cả đều là chấp kể cả chấp là vô vi cũng là hữu vi.

Tại vì tên nó là vô vi nhưng thể là hữu vi, đặt tên là vô vi nhưng mà thực sự ra nếu có cái gọi là pháp thì cái ấy là duyên sanh, có điều kiện mới tạo ra các pháp. Đức Thế Tôn đã dạy vạn pháp do duyên sanh vạn pháp do duyên diệt, trong kinh Pháp Cú cũng nói như thế và khi ngài Xá Lợi Phất đi gặp ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh chỉ nghe có mấy câu đó thôi mà bước vào dòng Thánh. Ngài Tỳ-kheo Mã Tịnh nói: “Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt, Đức Bổn sư của tôi vẫn thường dạy như

thế”. Nghe như thế thì lập tức ngài Xá Lợi Phất chứng quả Tư Đà Hoàn.

Các pháp đều do duyên sanh cho nên không chấp trước, đó mới là điều quan trọng, còn cái chuyện các pháp có duyên hay không thì mặc kệ nó, không dính mắc gì tới chuyện tu hành của chúng ta. Nếu chúng ta chấp trú vào đây thì là chúng ta chấp trước mà nếu chúng ta không thấy rõ thực tướng của các pháp, buông xả được không chấp trước vào đây thì ưng vô sở trụ, mà ưng vô sở trụ thì cái tâm Phật sẽ hiển lộ thôi. Trong tâm đã có Phật, nhưng nói như thế không có nghĩa là bạn từ chối không có cái ông Phật, thật sự ra chư Phật mười phương ba đời đều có hiện diện. Trong kinh Pháp Hoa cũng nói là chư Phật thường trụ không có mất đi đâu.

Có ông trưởng giả ông đi xa, thấy con cái không chịu tu thì ông mới kêu người nhà về nhắn lại nói bố chết rồi, nghe nói bố chết rồi thì các con mới đem thuốc đi uống và hết bệnh. Cũng như thế nếu Đức Thế Tôn thường trụ ở trong cõi thế gian này thì hiện ra cho mọi người thấy hoài và không chết thì chúng sanh nói thôi cần gì tu có Đức Thế Tôn rồi Đức Thế Tôn sẽ độ cho ta. Giống như ngài A Nan vừa là thị giả, vừa là đa văn, vừa là em Phật nhưng không chịu tu, tới chừng bị nạn Ma Đăng Già rồi về khóc lóc với Phật sám hối. Con ỷ là em Phật, ỷ là đa văn, là thị giả của Phật cho nên không tu mà cứ nghĩ

rằng Đức Phật sẽ ban cho thế nào Đức Phật cũng ban cho cái trí tuệ của Phật.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rất rõ từ sơ thiên cho tới Tứ thiên cái bí quyết của nó là sân, khởi lên một niệm sân tức là mất đi trí tuệ, mất đi trí tuệ thì chơn pháp xa lìa, chơn pháp xa lìa thì chơn tâm mất luôn.

Cho nên sân quan trọng, hễ có sân khởi lên là có cõi sắc giới. Cho nên Đức Thế Tôn dạy bốn bước tu từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, để chi? Để cho thấy rõ thực tướng của sắc giới. Không phải tu tới Tứ thiên rồi bỏ sắc giới chạy ra khỏi được đâu, tại vì sắc giới chính là ta, ta là sắc giới. Hễ khởi niệm sân lên thì là có cõi sắc giới ngay, hai bên chiêu cảm, tương ưng và hỗ trợ nhau cho nên nó tác, hễ có tác ý thì khởi niệm sân lập tức sắc giới được kết tụ và sắc giới được sinh ra, chiêu cảm nên tâm.

Cho nên người tu thì không thể nào dẹp cái sân được. Nói bạn nói tu ngon lành chứ có người nào chọc cái là nổi giận liền chứ làm sao không giận.

Thế thì cái bí quyết là gì? Đức Thế Tôn đã dạy, tức là hào quang biến thành âm có nghĩa là hào quang biến thành âm tỏ bày diệu lý. Khi trí tuệ đã kết tụ, thăng hoa và biến thành diệu lý thì đương nhiên sáng rõ ra, rõ ràng không có mờ mịt. Vẫn lấy trí tuệ làm đầu, trong tất cả

mọi chỗ, chùa nào cũng vậy đều có cái câu “Duy tuệ thị nghiệp” tức là tất cả người con Phật đều lấy cái trí tuệ làm sự nghiệp. Có trí tuệ mới có thể thăng hoa, mới có thể tiếp tục tinh tấn, mới có thể đem từ kiếp này sang kiếp khác.

Ở trong tiền kiếp Đức Thế Tôn cũng có nhiều lần đầu thai được tái sinh làm “súc sanh”, chẳng hạn như con khỉ, nhưng vì có trí tuệ cho nên con khỉ ấy là con khỉ chúa. Thường thường đàn khỉ ưa xuống suối đó tắm, nhảy xuống tảng đá rồi mới nhảy xuống suối tắm. Thế thì một bữa nọ, trước khi nhảy xuống con khỉ chúa đột nhiên thấy tảng đá này lạ quá, nó sờ xù không giống như tảng đá bình thường, nó có trí tuệ, nó la lên: “*Này anh đá ơi*”. Nó thử vì có trí tuệ, khi mà con cá sấu đang nằm ở trên tảng đá chờ đám khỉ này nhảy xuống để xoi, thì lập tức con cá sấu này bị mắc lừa, nó nghĩ rằng nếu như nó không lập tức trả lời thì con khỉ sẽ không xuống và như vậy sẽ không ăn thịt được đám khỉ. Cho nên ứng khẩu liền, nó nói: “*Ơi*”. Con khỉ bên trên thì kêu anh đá ơi, con cá sấu bên dưới ơi, thế là con khỉ biết rồi, từ xưa đến giờ cục đá này đâu có bao giờ nói đâu mà tự nhiên ngày hôm nay cục đá này nói tức là con cá sấu. Thế là nó kêu đám khỉ kia đi, không có nhảy xuống.

Điều đó nói lên ở trong bất cứ hình dạng nào, ở trong tướng trạng nào, nếu có trí tuệ thì cũng khác, trí tuệ ấy

đi theo, không mất. Có những người sẽ nói rằng là con người sanh ra trong kiếp này tại sao kiếp sau không có trí tuệ? Tại vì không có tu tập, không có huân tập. Cho nên những cái gì ta đã thu nhận được, ghi nhận được bằng cái kiến thức, bằng cái trí tuệ của ta, không mang theo. Tham, sân, si không tu thì lúc đi đâu mang theo cái nghiệp của tham sân si, mà không mang theo cái trí tuệ. Đáng lẽ trí tuệ mang theo thì không mang theo mà lại mang tham sân si.



Ngày hôm nay chúng ta chỉ học đề tài là cõi sắc giới. Nguồn cội của cõi sắc giới đó là sân, muốn diệt trừ cái sân thì không thể nào dẹp được, không thể nào lấy đá đè cỏ mà phải chuyển hóa. Tức là lấy trí tuệ, hào quang là trí tuệ, khi có trí tuệ thì nhận rõ được chân tướng của các pháp như thế, thì đâu có gì đâu mà sân.

Thí dụ như vợ ta có mắng chửi thì nên nhớ rằng lúc chưa cưới cũng mắng ta mà ta thương hết sức, lúc lấy về vợ cũng mắng, ta mừng lắm, vợ nói “*Sao anh cù lần quá, sao anh hẹn với em mà anh đến trễ thế*” Thì ta lại hỷ hả ta rất là sung sướng được vợ mắng, lúc chưa cưới nghe mắng sao nghe ngọt ngào thế, rồi cái lúc mà mới cưới nhau được một vài năm vợ cũng mắng như thế thì ta lại rất là vui vẻ, nhiều lúc sẵn sàng xuống nấu cơm nấu chè cho em ăn rồi vỗ về này kia. Nhưng mà cưới nhau, ở với nhau năm sáu đứa con, hai mươi năm rồi mà nghe vợ nói câu đấy thì muốn lấy cái cây quánh cho một đòn. Tại sao lại vậy? Vợ cũng nói như vậy, có nói khác đâu, lúc chưa cưới nó cũng nói như thế, mới cưới nhau cũng nói thế, rồi hai mươi năm sau cũng nói thế. Nhưng tại sao cái nhận thức của ta về câu nói ấy thay đổi.

Thế thì muốn cho nó không thay đổi đó là trí tuệ, trí tuệ thăng hoa qua những kinh nghiệm đau khổ của trần gian. Muốn có trí tuệ thì phải chấp nhận khổ đau, phiền não tức Bồ-đề, khi càng đau khổ, càng thất bại thì trí tuệ

càng phát triển với điều kiện là người ấy chịu mở tâm ra học. Có những con người bị đau khổ cả đời nhưng không bao giờ học, thành thử ra cứ đau khổ hoài, cứ dốt hoài mà Đức Thế Tôn có danh từ là “*những kẻ ngu si*” là nói với những người chẳng biết cái ý của Đức Thế Tôn nói cái gì?

Đức Thế Tôn nói là Tỳ-kheo không được leo cây, tại vì người ta báo cáo là mấy ông sư ưa leo cây. Đâu phải là mấy ông sư leo lên hái trái cây đâu, mấy ông sư leo lên đấy ngủ thôi, thấy gió mát leo lên đó ngủ. Cho nên Đức Thế Tôn chế ra giới luật là các Tỳ-kheo không được leo cây. Thế rồi có một ông sư ông thấy con cọp rượt mà ông nhớ tới lời Đức Thế Tôn dặn là các Tỳ-kheo không được leo cây là ông cứ nói Tỳ-kheo không được leo cây thế là con cọp nó hại ông. Thế thì Đức Thế Tôn nói tại sao có những kẻ ngu si như thế.

Cho nên thưa với bạn, Đạo Phật là đạo dành cho người có trí tuệ, không phải đạo dành cho người ngu si đâu.

Trong cõi Sắc Giới này gốc lỗi là trí tuệ. Dùng cái trí tuệ để mà diệt cái sân chớ không thể nào dùng cái nào khác đâu. Thiên định cũng không diệt được cái sân, Tứ thiên cũng không diệt được cái sân mà chỉ có trí tuệ mới diệt được cái sân, mà ngay cả như thiên định cũng vậy,

nếu thiên định có nhập có xuất thì ấy cũng là duyên sanh, là tạm thôi. Ly dục ly ác pháp mới sanh hỷ, thì cái hỷ lạc cũng do ly dục ly ác pháp, có nghĩa là do duyên sanh, mà cái hỷ lạc ấy do duyên sanh thì hỷ lạc ấy cũng như huyễn, không có thực. Tất cả các pháp do duyên sanh thì đều là huyễn. Nếu bạn nhận rõ chân tướng của các pháp như thế thì bạn sẽ rất là an lạc trong cuộc sống, trong cách hành xử của ta.

Phật Pháp Vấn Đáp

Câu hỏi: Kính thưa thầy khi mà chúng ta cũng đã thấy rõ những cái pháp là huyễn nhưng như vậy khi nhìn ở trong tâm ta thì có nổi lên những cái pháp tham, sân, si. Tức là những cái pháp tham, sân, si, mạn nghi, ác, kiến khi mà ta gặp những cái hoàn cảnh bên ngoài như quyền lực, tiền bạc và thấy người ta xâm phạm ta. Biết như vậy nhưng mà tâm ta vẫn nổi lên. Đôi khi ta không chiến thắng nổi sự ham muốn, thèm muốn sân si của ta. Kính thưa thầy, làm thế nào huân tập cái chúng sanh của ta, làm thế nào để khi mà trong tâm ta nhận thấy những cái tình cảm của tham, sân, si, mạn, nghi, ác, kiến trong tâm của ta thì ta giáo hoá chúng sanh của chính ta một cách hiệu quả để được trở về như tịch tịnh. Con kính xin thầy đã giảng dạy cho chúng con. Xin cảm ơn Thầy.

Trả lời: Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Lành thay, lành thay.

Pháp hành rất là quan trọng. Những điều mà chúng ta học ở trong kinh điển nó chỉ là ngón tay. Đức Từ Phụ đã nói tất cả những điều Ngài hướng dẫn chỉ là ngón tay mà thôi. Ngón tay và cái bè. Ngón tay để chỉ cho thấy mặt trăng tức là chân lí và cái bè để giúp cho người hành giả đi sang sông mê. Ngón tay không phải là chân lí cho nên nếu nói cho thấy do cái sân để có cái tham, sân, si là ba cái chính nhưng cái tham thì chiêu cảm và tương ứng với cái cõi Dục Giới. Cái sân thì tạo ra cõi Sắc Giới.

Mặc dù chúng ta tu học thì chúng ta cũng đều biết là vạn pháp đều duyên sanh mà duyên sanh thì như huyễn nhưng mà khi đặng việc tới thì vẫn nổi sân, tại sao thế?

Ở trong Thập Nhị Nhân Duyên, cái sanh tử luân hồi là do ngã. Khi thấy ra có ngã thì lập tức ái ngã, tham ái và cứ như thế phát sinh ra hành thức các thứ rồi sanh tử luân hồi.

Thế thì do đâu mà có ái ngã, có ngã thì do cái vô minh. Trong Đại Trí Độ Luận, Đức Thế Tôn đã giải thích cho Đức Nữ trong một cuộc vấn đáp rất là hay. Đức Nữ hỏi Đức Thế Tôn là: *“Vô minh ấy từ trong ra ngoài hay là từ trên trời rớt xuống hay là từ ở ngoài vào trong, từ quá khứ đưa tới hiện tại hay tương lai? Nó từ chỗ nào mà nó*

phát sinh ra cái vô minh ấy?”

Đức Thế Tôn đã hỏi Đức Nữ và đã đưa cho Đức Nữ thấy rõ: *“Vô minh không từ ở dưới đất chui lên, không từ trên trời rớt xuống, không từ bên ngoài vào trong, không từ ở trong tâm đưa ra ngoài, cũng không từ quá khứ đưa tới hiện tại và vị lai. Thế thì cái vô minh từ đâu?”*

Đức Thế Tôn nói: *“Vô minh không từ những nơi ấy mà ra những chỗ nào có vô minh thì có ái, có ngã và có ái ngã và tham ái và có sanh tử luân hồi. Chỗ nào có phát khởi vô minh thì chỗ ấy có ngã, ái ngã và sanh tử luân hồi sẽ xuất hiện”*

Đức Nữ mới hỏi: *“Vậy chứ hình tướng của nó như vậy thì nguyên do nó ở đâu, xin Đức Từ Phụ từ bi hoan hỷ chỉ dạy cho chúng con để chúng con tu học”*

Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Giống như người huyền sư và huyền sư. Huyền sư bày ra các trò chơi rồi chơi với chúng thì giống như là người huyền sư và huyền sư”*.

Theo thế gian thì nói là ảo thuật gia, người ảo thuật gia thì lấy cái tay thò vào trong cái nón lấy ra con thỏ, con chim, hỏi rằng bạn có thấy con chim đó không thì dĩ nhiên thấy, thấy con chim nó ca nó hát không? Thấy nó bay không? Thấy nhưng hỏi nó có thật không? Không.

Nói nó không là sai mà nói là thật cũng là sai luôn tại vì

thấy nó hát, nó ca, sao nói nó không thật?. Con mắt ta thấy nhưng nếu nói rằng nó có thật thì không lẽ thì từ trong cái nón không có gì hết mà lại lấy ra được cái vật mà có hình tướng như thế.

Cho nên cái lí thuyết của nhà Phật “Chơn không diệu hữu” là rất nhiệm màu không dễ dàng giải thích được đâu. Nhưng ở chỗ nào đó có vô minh thì chỗ ấy đều có sanh tử luân hồi vì nó ái ngã và tham ái cứ như thế nó tương ưng với nhau tạo ra.

Địa ngục hiện tướng và địa ngục biến tướng ở trong kinh Thủ Lăng Nghiêm. Chiêu cảm từ nơi tâm mà mỗi chúng sanh đều có một cái địa ngục khác nhau không có địa ngục nào giống địa ngục nào hết.

Nếu mà hiểu rõ được thì sẽ thông dong tự tại biết được thực tướng của nó là như thế. Thế, tướng, tánh, dụng, lực y như thế, không có sai chạy chút nào hết. Tức là các pháp đều thanh tịnh, các pháp đều như thế. Chẳng qua cái tâm ô nhiễm của ta mà làm cho các pháp chạy theo thôi.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ, bạn có nghe câu đó không? Rồi bạn có nghe bài Tống Biệt Hành

*“Đưa người ta không đưa sang sông
Mà sao có tiếng sóng ở trong lòng”*

Sóng biển thì ngoài sóng biển chứ mắc mớ gì mà lại ở trong lòng có sóng. Điều ấy nói lên điều gì. Điều ấy nói lên là chúng sanh có hai loại: Một loại chúng sanh bên ngoài do tạp chủng duyên sanh nó hoà hợp lại thành ra chúng sanh đủ các loài côn trùng, rắn mối... đủ các thứ. Thế thì chúng sanh ở bên trong là gì? Chúng sanh bên trong cũng do cái tham, sân, si, tưởng tượng nhiều thành thử ra gọi là tưởng tri mà cái chúng sanh ấy do tạp chủng duyên sanh, do các cái ấy nó hoà hợp lại cho nên sanh ra.

Chúng sanh bên ngoài và bên trong khi đã tương ưng với nhau, chiêu cảm với nhau thì có một thứ chúng sanh gọi là chúng sanh thứ thiệt. Chúng sanh thứ thiệt này mới là chúng sanh quý nhiều chúng ta.

Thế thì tu mà muốn đoạn trừ tham, sân, si. Đoạn trừ dâm, nộ, si thì e rằng không đoạn trừ được tại vì chúng ta là nó mà nó là chúng ta. Thế thì làm sao để tu đây nếu chúng ta nhận biết được các pháp vốn là như huyễn. Bạn nên nhớ cái chữ “như” quan trọng lắm. Nó như huyễn chứ không phải là huyễn đâu tức là giống như ảo thuật gia vậy đó. Từ trong chơn không ra diệu hữu cho nên khi hiểu được nó như vậy rồi thì cứ thông dong tự tại. Nếu mà một niệm khởi lên thì quán chiếu liền ngay lập tức thì lâu ngày rồi huân tập, thuần thực.

Ở trong kinh Nikaya có một bài pháp đó là bài Không Có Pháp Môn Nào. Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Không có pháp nào kể cả cái pháp mà bố thí, trì giới, rồi ăn chay, cúng dường rồi xây chùa đều là pháp hữu vi mà hề là pháp hữu vi đều là phước hữu vi”*. Mà hề có phước hữu vi thì đều là có trí tuệ, giàu có rồi kiếp sau đó là khá hơn, kiếp sau xinh đẹp hơn, rồi nhà giàu sung sướng hơn....

Nhưng muốn liễu đoạn sanh tử ra khỏi cái sanh tử luân hồi này thì điều ấy không thể được. Tại sao thế? Tại sao mà lại làm các cái bố thí, in kinh mà không thể được? Tại vì đây là pháp hữu vi mà Đức Thế Tôn dạy trong bài Pháp Không Có Pháp Nào Đức Thế Tôn dạy như thế này: *“Không có pháp nào thù thắng cho bằng một pháp đi, đứng, nằm, ngồi trong từng sát na đều quán chiếu cái tâm của ta. Nếu một niệm sanh biết nó sanh mà nếu một niệm diệt biết nó diệt. Nếu một niệm hỷ sanh ra ngay lập tức biết nó vừa mới có một niệm hỷ sanh ra và khi nào niệm hỷ ấy diệt cũng biết lập tức cái niệm hỷ ấy vừa mới diệt”*.

Đức Thế Tôn dạy ngài A Nan trong cái dịp mà ngài A Nan hỏi Đức Thế Tôn là người chết đi về đâu? Đức Thế Tôn dạy cho pháp ấy: *“Nếu người hành giả luôn luôn quán chiếu cái tâm của ta bằng cái pháp ấy thì Đức Thế Tôn nói trước khi chết đã biết ta chết lúc nào và có thể*

chọn cho ta lúc chết và có thể biết trước là ta sẽ đi về đâu. Dứt khoát”.

Người hành giả nếu trong từng sát na luôn luôn quán chiếu cái tâm của ta khi một niệm sanh biết nó sanh, một niệm sân lên vừa mới biết nó sân, một niệm hỷ sanh ra thì mới biết niệm hỷ vừa mới sanh. Khi nó diệt cũng biết nó vừa diệt, luôn luôn quán chiếu như vậy.

Giống như người tử tù mà bung chén dầu, sợ rớt một giọt thì rụng đầu cho nên lúc nào cũng chăm chú nhìn vào cái chén dầu không dám lơ đãng. Người hành giả tu Phật cũng thế, luôn luôn quán chiếu vào lẽ sanh tử trong từng nơi sát na đều quán chiếu cái tâm vì nếu biết rằng chỉ cần sơ hở, lơ đãng một chút là rớt vào trong cái địa ngục trầm luân cho nên là cứ luôn luôn bám chấp cái đó thì coi như là tất cả những cái khác sẽ phai mờ thôi, không có ảnh hưởng gì. Lâu ngày buông luôn cả cái pháp ấy tất cả đều rỗng rang thì lúc bấy giờ mới đạt được chỗ thù thắng.

Khi thấy các Pháp đều như thế mà không vướng mắc tức là không có tướng thì Ứng Vô Sở Trụ Nhi Sanh Kì Tâm. Tâm Phật sẽ hiển lộ thôi. Khi không vướng mắc vào pháp nào vẫn hành các pháp, đầy đủ các pháp vẫn hành hết nhưng không trú vào đấy, không có vướng mắc vào đấy thì lúc bấy giờ tâm Phật sẽ hiển lộ. Ứng Vô Sở

Trụ Nhi Sanh Kỳ Tâm.

Cho nên cứ hành trì bằng cách quán chiếu cái tâm của ta. Khi một niệm sanh biết nó sanh. Khi một niệm diệt biết nó diệt thì tới một lúc nào đó tự nhiên tạo được cái sự thanh tịnh vắng lặng tự nhiên ở trong cái tâm và ngay cả như cái quán chiếu ấy cũng buông luôn thì tự nhiên rỗng rang.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tất cả những điều Đức Thế Tôn dạy trong kinh Phạm Võng sáu mươi hai cái luận thuyết của Bà La Môn về vũ trụ, về con người, về nhân sinh, cơ cấu tổ chức của xã hội. Đủ các thứ, cái gì cũng là tuyệt vời nhưng cũng không lọt ra khỏi cái lưới Phạm Võng mà lưới Phạm Võng thì cái lỗ rất là lớn.

Các đệ tử của Đức Thế Tôn mới hỏi: “*Bạch Đức Thế Tôn tại sao lại như thế?*”

Đức Thế Tôn nói: “*Điều chính yếu không phải là nơi cái luận thuyết nó hay hay dở mà tại vì cái người chủ xướng ra các luận thuyết ấy đã cảm thọ*”. Cảm thọ vào cái luận thuyết ấy cho nên nó dính mắc vào trong cái chỗ cảm thọ ấy. Cũng như ngũ uẩn nó không làm tác hại gì cho chúng ta nhưng cảm thọ uẩn làm cho chúng ta đau khổ. Sanh tử là bình thường hà cứ gì mà phải buồn phiền khi có người chết, người sống.

Sanh tử là thường trụ, pháp thế gian thường như thế có khi nào nó thay đổi đâu mà tại sao khi có người thân chết là chúng ta khóc lóc buồn phiền? Thì cái ấy nó ở đâu? Phải chăng nó là vô minh hay phải chăng nó là cái tâm không được huân tập hay là những yếu tố nào? Hỏi là đã có câu trả lời rồi. Bởi vậy cho nên trong kinh Duy Ma Cật ngài Duy Ma Cật mới nói không rời phiền não mà vào Niết-bàn tại vì cái tướng của phiền não và Niết-bàn chẳng phải là hai. Đó là pháp Bất Nhị như sóng với nước.

Sóng cũng là H₂O và nước cũng là H₂O. Thế nước biến dạng từ nước thành nước đá và nước thể khí cũng là H₂O chứ không thể nào là cái nước bốc hơi lên khác hơn H₂O. Cho nên là nếu quán chiếu được như vậy sẽ thấy có sự chiếu cảm tương ứng giữa chúng sanh bên ngoài và chúng sanh bên trong. Chúng sanh bên ngoài lăng xăng nhưng chúng sanh bên trong nó cũng lăng xăng cho nên cái sự đau khổ mới từ nơi ấy mà ra. Do sự chấp trước

*Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Nắng chiếu không úa, không vàng vọt,
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?*

Có phải thế không thừa chư vị, cái chết vốn là bình thường nhưng tại sao khi có người thân chết thì chúng

ta lại đau sâu khổ mà có nhiều người đau, sâu khổ khôn nguôi. Nhiều năm rồi vẫn sâu khổ. Thế thì sao lạ vậy, rồi có được ích lợi gì không? Cũng không được ích lợi gì hết, chỉ tạo thêm những phiền não.

Câu hỏi: Nghe một câu kinh có người chứng Tư Đà Hoàn có người lại chứng A La Hán vậy cái đó là do căn cơ phước huệ hoặc do nguyên nhân nào nữa.

Trả lời: Ở trong kinh Nikaya có đoạn như thế này: Có một anh đến gặp Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn hỏi thế anh chuyên môn chăn ngựa thì ngựa của anh có mấy loại.

A Nài Ngựa nói: *“Bạch Đức Thế Tôn, ngựa của chúng con có bốn loại”*

Đức Thế Tôn: *“Loại gì?”*

“Loại thứ nhất là loại chiến mã tức là nó chỉ thấy cái bóng roi thôi là nó chạy đúng đường và chạy thật nhanh, đi đúng không sai.

Loại thứ nhì là loại phải huấn luyện nó, vỗ vào hông nó thì nó mới biết đường.

Loại thứ ba phải lấy cây gì nhọn nhọn chích vào mông nó thì nó đau nó mới chạy”.

Đức Thế Tôn hỏi: *“Còn loại thứ tư thì sao?”*

“Loại thứ tư chích nó cũng không được, dạy nó cũng

không được, không có cách nào làm được cho nó chạy hết, nó là cái loại ù lì”.

Đức Thế Tôn hỏi *“Vây đối xử với loại thứ 4 đó làm sao?”*

Ông nài ngựa nói: *“Đối xử với loại thứ 4 là giết bỏ. Tại vì nó không xài được thì giết bỏ”.*

Rồi ông nài ngựa lại hỏi *“vây chứ Bạch Đức Thế Tôn, Tăng đoàn của ngài có mấy loại?”*

Đức Thế Tôn nói: *“Cũng có bốn loại y như thế”.*

Một loại chỉ bằng cử chỉ hoặc là dấu hiệu của Đức Thế Tôn là người đó liễu ngộ. Tại vì căn cơ người đó tu tập từ vô lượng kiếp, chí thành nghe lời Đức Thế Tôn, đem những lời Đức Thế Tôn dạy ra để mà hành trì. Những loại ấy là ai? Chẳng hạn như ngài Ca Diếp. Thấy Đức Thế Tôn cầm bông sen lên thôi mà miệng mỉm cười, niêm hoa vi tiêu mà ngài được truyền là tổ thứ nhất. Tại vì trong vô lượng kiếp ngài đã tu và trong cái kiếp ngài được hầu cận Đức Thế Tôn ngài chí thành, chí tâm và quyết là đi theo hành trì cho nên tới một giai đoạn tự nhiên là thông tâm. Giống như con chiến mã thấy bóng roi vậy đó. Nó không cần nói gì hết, chỉ cần thấy bóng thôi là đi đúng đường rồi. Người tu cũng thế, người nào mà khi nghe một câu kinh tự nhiên đem cái câu đó ra hành trì. Vì liễu ngộ hiểu được cái đó, thấy nó rất quan

trọng trong vấn đề sanh tử luân hồi của ta đem ra hành trì thì thù thắng vô cùng.

Loại thứ nhì là phải có huấn luyện tức là phải nghe Pháp, đọc kinh, đi chùa, phải tụng kinh còn không có không biết đường đâu để làm.

Loại thứ ba là phải lấy giới luật ra răn đe, làm cái này đi xuống địa ngục, làm cái kia được lên Niết-bàn, làm cái này là sai. Nghe hết hồn mới ráng đi cho đúng đường. Tức là giống như con ngựa nói không nghe thì phải lấy cây nhọn chích vào một cái. Giới luật là đòn đánh, chích vào một cái nó mới chạy.

Còn loại thứ tư thì ông nài ngựa hỏi: “*Bạch Đức Thế Tôn, thế còn loại thứ tư thì sao?*”

Đức Thế Tôn nói: “*Còn loại thứ tư thì nói nó cũng không nghe, giảng nó cũng không nghe, giới luật nó cũng không nghe tức là nó ù lì*”. Thì ông nài ngựa mới hỏi:

“*Vậy chứ Bạch Đức Thế Tôn, loại thứ tư, Tỳ-kheo của ngài thì ngài làm sao?*”

Đức Thế Tôn nói: “*Giết bỏ*”. Nghe câu ấy lập tức ông nài ngựa giật mình nói ngài không sát sanh mà tại sao ngài lại nói giết bỏ làm chi? Đức Thế Tôn nói: “*Giết bỏ là thôi vứt nó đi, chẳng cần phải nói tới nó nữa, nói mất công, nói không được thì nói làm gì, phí thời giờ*”

Đức Thế Tôn ra ngoài chợ không thể cảm hoá được bà già giữa chợ. Không có duyên không độ được. Bà già nhắm mắt lại không thềm nhim luôn, Đức Thế Tôn làm kiểu gì bà cũng nhắm mắt lại. Đạo Phật không thể độ được người vô duyên. Nhất là đạo Phật là đạo có trí tuệ chứ không phải là mê tín thành thử ra càng không có nhân duyên, không có trí tuệ thì không thể nào độ được.

Cho nên những người tu học ngoài căn cơ còn có những cái tâm là cương quyết làm, hành trì đi tới nơi, tới chốn. Phải phát nguyện ra rồi thi hành. Còn tất cả những cái pháp khác chẳng hạn như bố thí, in kinh, cúng dường Tam Bảo chỉ là phương tiện để trợ duyên thôi chứ còn cái chính vẫn là cái tâm. Trong tâm đã có Phật. Nếu hiểu được như vậy thì tu rất dễ.

Nhất là người nào tu đạo Phật mà nói rằng không có tâm Phật thì không thể nào tu được. Tu Phật phải có tâm Phật. Mà tâm Phật là gì?

Là tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Hễ có tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả là bạn vượt qua bên kia sông rồi. Bạn thấy hết tất cả bằng bạc kinh điển của Đại Thừa, năm bộ kinh Nikaya của Nguyên Thủy. Góp lại cũng chỉ có bốn chữ: từ, bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm. Tất cả khai triển cái gì cũng tới tứ vô lượng tâm. Bát Chánh Đạo cũng quay về tứ vô lượng tâm. Cũng không có cái nào đi xa khỏi

tứ vô lượng tâm. Từ ấy khai triển ra mà thôi.

Cho nên khi tu tập thì cứ lấy tứ vô lượng tâm. Ai mắng chửi thì cứ coi như là thiện duyên cho ta. Tại vì nếu không có người mắng chửi thì đâu có biết tâm sân, tâm phiền não ra làm sao. Nghe nói lý thuyết thôi. Nhưng khi đụng chạm tới thực tế tức là lấy cảnh thì coi tâm có phan duyên không?.

Người khác mắng chửi nhiều lúc còn nhẫn nhịn nói thôi, tôi không quen không biết thì thôi, nói đẹp. Nhưng bà xã ở nhà hằng ngày là quen biết quá rồi, bà xã mắng chửi mà nghe như đang nghe nhạc hoà tấu thì cái lúc ấy mới là thanh thản. Còn nói bà mắng chửi tui không thềm nghe, tôi nhẫn. Nhẫn tức là lấy đá đè cỏ là cũng kẹt nữa, cũng là ức chế tâm. Mà ức chế tâm là đau khổ. Mà đau khổ không trước thì muộn thì cũng nảy sinh tới cái chỗ mất trí khôn tức là sân si. Tại vì giọt nước đổ lâu ngày thì nó sẽ tràn ly. Mà hễ tràn ly rồi thì đổt nhà, ly di, đánh vợ, đánh con là chuyện bình thường.

Câu hỏi: Con có thắc mắc về 4 phép trẻ nãi mà những người tu hành sau khi một thời gian sau khi mà tu hành Đức Phật đã dạy trong kinh mà con quên rồi. Đó là bốn phép trẻ nãi: Hạ hành, hạ trì, hạ bạn và hạ nguyện. Kính thưa thầy, nhân dịp này, đạo tràng đang thanh tịnh lắng nghe, con kính xin Thầy giảng giải lại ngữ nghĩa của 4

phép trẻ nãi để cho tất cả chúng con nương theo dòng Pháp này mà tinh tấn tu hành không trẻ nãi.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trả lời: Nói tới cái danh tự chắc chắn là trong đạo tràng bạn cũng có cái khái niệm giữa hạ với thượng. Hạ là thấp, thượng là cao. Nói theo văn tự của thế gian. Thế hạ là gì? Thấp là gì? Những cái gì mà người thế gian nói là thấp kém, hèn mọn, đại khái là như thế.

Ăn trộm, ăn cắp là thấp kém, còn bố thí là cao thượng. Nó đối đãi với nhau. Hạ là những cái gì thấp kém, ô nhiễm còn thượng có nghĩa là thanh cao, cao quý. Ví dụ như bố thí là thượng, làm phước giúp cho người này người kia đó là cao thượng, còn ăn cắp, ăn trộm của người ta thì đó là hạ.

Thì ngược lại như vậy, khi biết chữ hạ, chữ thượng nó phân tích ra như vậy rồi thì tất cả những cái kia nó cũng đi theo ý nghĩa của nó mà thôi. Thí dụ như là hành trì mà chúng ta hành chúng ta phát nguyện hạ tức là chúng ta nói thôi, bây giờ con chỉ ráng con tu, để cho con được có nhà cao, cửa rộng, con tu để đừng cho ai đụng chạm con thì cái ấy gọi là hạ nguyện.

Còn nếu chúng ta phát cái nguyện nói con tu để phụng sự chúng sanh, để xả thân này vì chúng sanh tức là nguyện vô thượng Bồ-đề. Tức nguyện ấy là sao? Sao

chúng tôi nói vô thượng Bồ-đề? Là tại vì khi biết thân là huyễn không thật thì có cái gì đâu không dám xả phải không thừa chur vị? Chết là một giấc ngủ, không có gì khác hết đó.

Một giấc ngủ dài, một giấc ngủ ngắn. Con người ta giấc ngủ ngắn là năm-6 tiếng đồng hồ rồi thức dậy. Còn giấc ngủ dài người ta gọi là giấc ngủ thiên thu. Cái nào cũng là giấc ngủ, không có gì lạ hết cho nên cái hạ mà nói tới hạ nguyện là như thế. Hạ nguyện là cái nguyện rất là kém. Chẳng hạn như nói bây giờ con khổ quá, con ráng con tu để cho kiếp sau con có sanh ra được sung sướng hơn thì gọi là hạ nguyện.

Còn người thượng nguyện tức là cái nguyện cao thượng thì người ta nói thôi con tu để liễu đoạn sanh tử. Còn những vị Bồ Tát thì phát nguyện giống như ngài Pháp Tạng “Nếu còn một chúng sanh nào còn địa ngục thì con không rời địa ngục” Đó là đại nguyện tức là thượng nguyện. Các cái kia nó cũng như thế thôi, không có cái gì khác.

Khi bạn hiểu được chữ hạ với chữ thượng thì trong cuộc sống hằng ngày thì nó áp dụng vào đấy.

Trong con người ta thật sự ra đều có 4 cái tánh:

1. Tánh thứ nhất là thú tánh
2. Tánh thứ nhì là nhơn tánh

3. Tánh thứ ba là Bồ Tát tánh

4. Và tánh thứ tư là Phật tánh.

Bốn cái đấy ở chung một chỗ gọi là phàm Thánh đồng cư ở trong con người chúng ta. Thế thì cái mà thú tánh là gì? Tức là ăn ngủ, ham muốn giành nhau thì con vật cũng thế. Nó cũng giành đồ ăn, giành nam nữ. Hai con mèo đực cũng giành một con mèo cái, con người ta cũng thế gọi là thú tánh.

Rồi Nhơn tánh là sao? Là con người khác cái loài vật ở cái chỗ có suy nghĩ, nó có cộng đồng cho nên nó biết trên biết dưới, biết thầy biết trò, biết cha biết mẹ, biết vợ biết chồng, biết anh biết em, lễ nghĩa, có phân chia thứ tự thì cái đó gọi là Nhơn tánh.

Tu từ thú tánh để lên Nhơn tánh thì rất là khó tại vì sơ sẩy một chút là từ Nhơn tánh rớt xuống thú tánh ngay. Vừa mới cố gắng để làm con người nhưng mà khi có ai mắng chửi là thú tánh xuất hiện liền. Cho nên tu từ thú tánh lên Nhơn tánh là cả một quá trình nhưng mà rớt từ Nhơn tánh xuống thú tánh thì một sát na. Rớt hoài rồi lại bò lên rồi rớt xuống.

Nhưng khi con người vượt qua chỗ Nhơn tánh để đi vào Bồ Tát tánh rồi thì rất lợi lạc và khó rớt trở lại lắm. Tại vì Bồ Tát tánh là sống cho người khác. Sống cho người khác tức là đã không thấy cái ngã, cái ngã nó đã biết là

huyền rồi cho nên mới sống cho người khác mà vì như vậy cho nên mới tinh tấn cứ như vậy nó đi lên chứ không rớt xuống.

Tới chỗ Phật tánh thì Phật chúng sanh thì vốn là bình đẳng, chúng sanh cũng là Phật, mà Phật cũng là chúng sanh cho nên có cái gì ngăn ngại đâu. Chính vì như vậy cho nên không có thối thất. Cái khó nhất là tu từ thú tánh mà lên tới nhơn tánh.

Câu hỏi: Thời của chúng ta thường nói nếu sinh vào làm người là một trong những việc rất là khó. Một trong cái bất nạn là sinh trước hoặc sinh sau thời của Đức Phật thì như con biết vào thời Đức Phật thì cũng có rất là nhiều các vị được sinh ra thời đấy được độ trong thời gian đó có sự giải thoát. Nhưng mà cũng có những người được sinh vào thời Đức Phật thì cái đấy người ta cũng có đầy đủ phước và huệ thể nhưng mà người ta lại không nghe về Phật hoặc làm những công việc ác. Cái này có trái ngược gì với cái câu nói là khi được sinh vào thời Đức Phật thì là một cái phước báu rất là lớn hoặc tu từ kiếp trước mới sinh vào thời Đức Phật thừa thầy. Tại vì cái thời đó con biết có những vị thực hành gọi là tà đạo cũng sinh vào thời của Đức Phật. Những người này có phải gọi là có phước không thừa thầy hoặc như trong thời Đức Phật có ngài Đề Bà Đạt Đa làm cho Đức Phật chảy máu, như vậy là có nguyên nhân hay như thế nào ạ?

Hoặc có bà cụ, Đức Phật độ nhưng mà không chịu nghe. Như vậy có trái ngược câu nói trên?

Trả Lời: Đức Thế Tôn cũng như trong kinh điển đều có dạy: *“Làm người đã rất là khó giống như con rùa mù mà năm trăm năm trôi đầu lên một lần tìm một cây giữa biển chui vào thì khó vô cùng. Nhưng nếu được nghe Chánh Pháp thì khó hơn nữa. Mà lại sanh ra vào thời Đức Phật thị hiện thì càng khó hơn nữa”*.

Ý là nói chuyện ấy nó rất là khó nhưng không phải ai sanh ra rồi cũng nghe chánh Pháp rồi cũng tu học đàng hoàng. Khuyến tất cả mọi người khi được nghe chánh Pháp thì hãy đem hết tâm thành mà thực hành.

Ở vào thời Đức Thế Tôn cũng có nhiều người đi theo những môn phái sai làm tổn hại bản thân và tổn hại người khác. Nhưng không phải là người nào Đức Thế Tôn cũng độ được. Bà già ở giữa chợ Đức Thế Tôn cũng không độ được.

Ở vào thời Đức Thế Tôn có một phái chuyên môn thờ thần lửa. Cả hàng ngàn đạo sĩ cố gắng thờ thần lửa tu tập lấy thần lửa làm cái đối tượng để mà tu niệm với hi vọng là giải thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Đức Thế Tôn khi gặp các vị đạo sĩ ấy, Đức Thế Tôn đã thuyết một cái bài chơn tướng của lửa tức là bài kinh Lửa Cháy, bài kinh thứ 3 sau bài kinh Tứ Diệu Đế và Vô Ngã Tướng. Đức

Thế Tôn mới thuyết bài kinh lửa cháy cho một ngàn vị đạo sĩ và các vị ấy đều bước vào dòng thánh khi nghe Đức Thế Tôn giảng bài này.

Đức Thế Tôn nói không có loại lửa nào mà đốt con người ta tàn nhẫn cho bằng lửa tham, lửa sân và lửa si. Và Đức Thế Tôn giảng cho biết lửa tham, lửa sân, lửa si từ đâu, hình tướng như thế nào và tác dụng như thế nào. Sau khi nghe được như thế các vị ấy đều từ bỏ đạo thờ thần lửa và bước vào Chánh Pháp. Trong thời Đức Thế Tôn cũng có những vị nghe những vị không nghe. Đạo Phật phải có duyên mới được.

Cũng như thế ở vào thời này cũng không có phải nói là chúng ta không sanh vào cái thời Đức Thế Tôn rồi chúng ta không tu được. Giáo lí của Đức Từ Phụ để lại thì cũng đầy ra đó. Kinh sách rồi biết bao nhiêu các vị chư Tăng Ni cũng đã cố gắng để hoằng truyền Chánh Pháp. Và cũng tùy nơi căn cơ chúng sanh mà các ngài nói một kiểu khác nhau. Tùy theo căn cơ để nói thật, nói giả, nói đúng, nói sai miễn là làm sao người nghe, người hành giả ấy quay trở về phản quan tự kỉ, quay trở về bản tâm thanh tịnh của mình mà thôi.

Cho nên có nhiều khi bạn hỏi chúng tôi là Phật đã nhập Niết-bàn hai ngàn năm trăm năm rồi thế thì ở đây có Phật đâu mà tu được, chúng ta bất hạnh. Đức Thế Tôn

nói trong kinh Pháp Hoa ông trưởng giả vờ đi xa rồi giả vờ chết. Ông cho người hàng xóm bảo mấy đứa con nói là “*Bố mày chết rồi*”. Mấy đứa con nghe như vậy nó buồn cho nên nó mới lấy thuốc ra nó uống mới hết bệnh.

Cũng như thế nếu Đức Thế Tôn luôn luôn có mặt trên cõi thế này thì chắc gì chúng ta ngày hôm nay chịu cố gắng tu học. Cho nên nếu nói rằng là Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn rồi thì cũng không đúng. Tại vì phương tiện Đức Thế Tôn nói thế thôi, trong kinh Pháp Hoa thì nói Đức Thế Tôn vẫn ở đây, ở khắp mọi nơi. Tại vì chúng ta ý lại, không tu cho nên nói thế để cho chúng ta quyết tâm tu.

Cái điều quan trọng không phải có Phật hay không. Cái điều quan trọng là nơi chúng ta có tu hay không. Ở vào thời Đức Thế Tôn có rất nhiều vị không chịu tu cho nên cũng chẳng được lợi lạc gì. Có Phật mà cũng như không.

Chẳng hạn như con kiến ở cánh cổng vườn Kỳ Viên đó. Ngài Xá Lợi Phất khóc vì con kiến tám mươi ngàn kiếp chỗ nào có Phật đều đến nhưng nó chỉ đến vì mê ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật chứ không chịu lo nghiên cứu Đức Phật nói gì tức là tư, cũng không chịu tu. Không có tư, không có tu thành thử ra nó chỉ là con kiến cho tới tám mươi ngàn kiếp. Cho nên vấn đề tu học thì ai tu nấy chứng, ai ăn nấy no.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng nói rất rõ hai mươi năm lồi vào đạo không lồi nào giống lồi nào nhưng lồi nào cũng chúng đấng A La Hán. Tuy nơi bạn, nếu bạn tu tập bạn sẽ được thôi. Bạn ăn sẽ no, không thể ăn giùm cho người khác và người khác không thể ăn giùm cho bạn được.

Câu hỏi: Thấy Pháp thì thấy Phật là sao?

Trả Lời: Thật sự ra trong kinh nói như thế này: “*Kẻ nào thấy được lí duyên sanh thì kẻ đó thấy được Pháp, kẻ nào thấy được Pháp thì kẻ ấy thấy được Phật*”. Phật dựa theo cái lí duyên sanh. Vạn Pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt. Cho nên kẻ nào thấy được lí duyên sanh thì kẻ đó thấy được Pháp. Kẻ nào thấy được Pháp kẻ ấy thấy được Phật.

Bạn muốn hiểu theo kiểu nào thì hiểu, nhưng Phật ở đây là tâm. Trong tâm đã có Phật cho nên mới nói là tu Phật tức tu tâm. Đi vào chùa lạy một bức tôn tượng của Đức Từ Phụ thì không phải mong cầu Đức Từ Phụ sẽ ban cho ta trí tuệ để cho ta thành Phật cũng không thể nào nói rằng cái ông tôn tượng bằng xi măng ấy có quyền năng ban cho chúng ta là hết khổ hay là giàu có.

Nếu chúng ta muốn có tiền thì chúng ta phải đi làm việc mới có tiền, muốn có củ khoai phải lấy cuốc lên cuốc xới nó mới có củ khoai. Vấn đề là như thế cho nên không

thể nào dựa dẫm, y lại vào trong những cái hiện tượng mà phải tự tu thôi. Trong tâm đã có Phật mà nhất là Phật tử thì phải có tâm Phật. Nếu bạn không có tâm Phật thì chuyện ấy phải là hình tướng thôi mà tâm Phật là từ bi hỷ xả. Phải có tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả.

Trong kinh Phạm Võng, Đức Thế Tôn đã dạy rất rõ về cái kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Kẻ phàm phu tán thán Như Lai thì thường nói Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp... nhưng kẻ chơn chánh tán thán Như Lai là người luôn luôn thực hành những điều Đức Thế Tôn đã dạy, luôn luôn suy nghĩ những điều Đức Thế Tôn dạy, luôn luôn hành trì những điều Đức Thế Tôn dạy thì kẻ ấy mới thực sự là kẻ tán thán Như Lai.

Còn nói Đức Thế Tôn tướng đẹp quá, bỏ vợ đẹp con khôn đi tu rồi Đức Thế Tôn là cứu độ chúng sanh thì Đức Thế Tôn nói những người mà nói như thế là những kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Không có lợi lạc gì hết. Những ai đem Pháp Đức Thế Tôn dạy đem ra hành trì thì Đức Thế Tôn nói những người ấy mới thật sự là những kẻ tán thán Như Lai.

Câu hỏi: Tu Thiền và Tịnh như thế nào cho đúng pháp đưa đến giải thoát?

Trả lời: Ở trong thiền thì là dẹp đi hết tất cả vọng tưởng điên đảo, trong tịnh độ cũng thế, nhất tâm bất loạn, nhĩn

đến một niệm mà nhất tâm bất loạn thì vọng tưởng điên đảo cũng dẹp hết và ở trong ấy nó được thanh tịnh.

Thế thì thiền hay tịnh đều khởi đầu bằng giới luật tức là phải giữ giới. Là người Phật tử bạn phải giữ tròn năm giới. Nếu bạn không giữ được năm giới, không tịnh được 3 nghiệp thân, khẩu, ý thì thiền cũng coi như là ma sự mà Tịnh Độ cũng là ma sự. Không có được lợi lạc gì hết. Vẽ râu, mặt nạ chơi vậy thôi chứ không có thực tế được cái gì.

Tại vì giới mới đưa tới sự thanh tịnh và từ thanh tịnh đó thì trong thiền mới đưa tới sự an lạc và niệm Phật cũng mới thù thắng. Nếu không có giới thì tất cả cũng chỉ là huyễn hoá không có đưa tới cái gì lợi lạc. Người Phật tử thì có năm giới. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni thì mấy trăm giới thì bạn chắc cũng không cần phải nghiên cứu. Chỉ cần biết năm giới của bạn thôi. Giới sát, giới dâm, giới trộm cắp, giới nói láo, giới rượu chè, ma túy.

Câu hỏi: Con chưa thực sự là người tu tập thật sự nhưng con nghe Thầy giảng con rất muốn nghe. Kính thưa thầy con có thể là Phật tử được không?

Trả lời: Chuyện này dễ quá mà, bây giờ muốn là Phật tử sẵn có chúng tôi, bữa nào chúng tôi tổ chức làm cái lễ thọ năm giới rồi quy y Tam Bảo là thành Phật Tử thôi.

Trong đạo tràng lúc nào cũng có đầy đủ Chư Tôn Đức,

có các sư cô, quý thầy lúc nào cũng đủ trên bốn vị hết. Nếu bạn có thắc mắc gì cứ hỏi, chúng tôi không có mặt thì cũng có những chư Tăng, chư Ni sẵn sàng giúp đỡ cho bạn. Những người tu học đều xả thân cho Chánh Pháp cho nên cũng không có nề hà chuyện gì đâu. Miễn là làm sao cho bạn được lợi lạc là tốt rồi. Còn bạn bây giờ muốn là Phật tử thì phải thọ Tam quy Ngũ giới.

Tam quy là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Còn Ngũ giới là năm giới cấm để cho người Phật tử được lợi lạc. Nếu bạn phát nguyện như vậy thì cứ báo chúng tôi, chúng tôi sẽ tổ chức một buổi nào đó để thọ Tam quy Ngũ giới để làm cái lễ cho bạn để bạn được tinh tấn. Khi bạn đã thọ tam quy ngũ giới thì kiếp này vì duyên sự gì đó mà chưa tu được tinh tấn thì kiếp sau cũng đã có nhân lành để có thể tu học tinh tấn và cái nhân ấy không bao giờ mất. Đức Thế Tôn đã dạy như thế.

Câu hỏi: Thấy các món chay làm giả các món mặn thí dụ như đùi gà chay. Vì sao?

Trả lời: Vì Phật tử thích ăn như thế thì các nhà buôn bán họ làm giả ra như thế. Tại vì các vị còn thích ăn tôm, ăn cá, ăn này kia thì họ mới lấy bột chế biến ra thành cái giống như vậy.

Địa ngục nó chiêu cảm nơi cái tâm. Cái tâm khai thì địa ngục khai, tâm mở địa ngục mở. Nếu bạn trú vào sắc,

thinh, hương, vị, xúc tức là trú vào những cái mùi vị, trú vào những cái hình tướng. Ví dụ nhìn thấy nó giống như đùi gà, cái mùi nó giống như đùi gà bỏ lên miệng nếm nó như đùi gà tức là bạn đã mở cái cánh cửa địa ngục của cái sắc, thanh, hương, vị, xúc và bạn chui vào đấy và bạn sẽ nằm ở trong đấy.

Cho nên thực sự ra ăn chay thì là làm cho đơn giản. Rau luộc chấm nước tương thì tốt rồi còn làm chi lấy bột nặn ra làm đùi gà, con này con kia làm cho cái tướng. Mà cái tướng tức là phạm rồi chứ không cần phải thật hay giả. Cái tướng đó là gà thì coi như chúng ta đang ăn mặn chứ có ăn chay đâu. Suy nghĩ ở trong đầu mới là quan trọng.

Tại vì ta cứ tưởng như thế thì không phải ăn chay. Ăn chay tức là để làm cho cái tâm ta được thanh tịnh, cái tâm ta không bị ô nhiễm bởi sắc, thanh, hương, vị xúc mà bây giờ ta lại làm cái thứ giả. Giả gà, giả vịt này kia thì thực sự ra ta đang ăn vịt, gà ở trong cái tư tưởng trong đầu ta rồi. Ngay lúc ấy ăn mặn rồi đâu còn ăn chay nữa.

Cho nên không thể nào bào chữa rằng là không phải là cá tôm. Cái tướng mới là quan trọng và cái đó cứ huân tập mãi ở trong đầu của ta. Cho nên khi chết sẽ dẫn ta đi. Ham ăn gà vịt, nai thì kiếp sau đầu thai thành gì không? Khi mà huân tập như vậy thành cái nghiệp thì lập tức thân trung ấm đi đầu thai thành con sư tử, cọp...

Từ trong nghiệp thức ta nó che mờ rồi nên lúc chết nó cứ lao đầu nó đi đâu thai trôi chạy đâu cho khỏi.

Bạn có nghe câu chuyện con chó của ngài Triệu Châu không? Nghiệp thức che mờ cho nên không thấy và vì không thấy cho nên có cũng như không. Cho nên bạn ai muốn ăn gà, vịt, nai này kia cẩn thận. Ham thích rồi kiếp sau làm con cọp, sư tử, ăn gà, vịt, nai.

Câu hỏi: Trong kinh Phạm Võng có nói rằng những vị đi giảng Pháp làm ma chay để lấy tiền thì cũng bị gọi là làm thân Phật chảy máu. Vậy là sao? Có bị xếp vào tội năm ngũ nghịch hay không? Và họ bị quả báo gì?

Trả lời: Đức Phật có bao giờ dạy là đi cúng tế ma chay để đi lấy tiền đâu mà khởi lên cái niệm đó đi làm cái nghề sinh sống hay là đi làm phong thủy coi hướng đất. Mấy cái thứ đó toàn sai với Chánh Pháp. Người tu không có làm như thế. Còn như thế nào bạn hỏi bạn biết rồi. Đi đâu biết rồi.

Câu hỏi: Rằm mồng một ăn chay, rồi ăn mặn có tội không?

Trả lời: Có tội ai bắt, ai bày ra tội. Ta muốn ăn chay thì ăn chay, ăn mặn thì ăn mặn chẳng qua ta nói ngày rằm, mồng một đã quyết tâm ăn chay như vậy để huân tập cho ta một cái tánh tốt tức là ta là một người có kỉ luật.. Không có thức liễm thân tâm thì nói muốn ăn gì thì ăn

đâu có lợi lạc gì đâu. Cho nên ngày mồng một và ngày rằm đã quyết tâm ăn chay để tu thì cố gắng giữ để làm cho ta huân tập một cái tánh rất tốt. Tức là tự ta đưa ra luật, tự ta chấp hành cách nghiêm túc như vậy mới thù thắng.

Câu hỏi: Thờ cúng ông bà thì có cái gì không?

Trả lời: Đạo Phật đâu có cấm thờ cúng ông bà, uống nước nhớ nguồn. Tứ trọng ân mà không nhớ thì còn làm cái gì nữa. Trong nhà không có nhớ tới ơn bố mẹ sanh dưỡng mà đi lên chùa tu thì vứt đi. Thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.

Câu hỏi: Hỏi về chuyện chọn Bắc Tông, Nam Tông?

Trả lời: Đâu có quan trọng, ngày xưa Đức Phật đâu có chia ra Nam, Bắc. Nam Bắc gì, miễn bạn tu theo Phật là được rồi, không phải là Phật thì mới khó chứ còn Nam Tông, Bắc Tông cũng có một ông Phật thôi chứ có mấy ông Phật. Bây giờ bạn nói Bắc Tông thờ ông Phật nào? Cũng là Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Cho nên bày tâm chia là khởi tâm phân biệt, khởi tâm phân biệt là rớt rồi. Đâm ra là phiền não. Phật đó là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.

Nam Tông, Bắc Tông, Mật Tông cũng có một Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni cũng có giới luật, có mấy trăm giới để giữ. Phật tử thì năm giới, tông nào cũng năm giới.

Không có tông nào dạy Phật tử đi đánh nhau, chửi nhau hết. Thì đó là rõ ràng, chấp tên gọi chi.



BÀI 25: CÔI VÔ SẮC GIỚI

Ngày hôm nay chúng ta sẽ học Kinh Thủ Lăng Nghiêm, học về côi vô sắc giới.

Bạn chắc còn nhớ côi Dục Giới, côi Sắc Giới, côi Vô Sắc Giới là ba côi chúng ta đều nghe ở trong các kinh điển hay trong các bài giảng. Các Tổ sư cũng như các Thánh Tăng đều nói rất rõ và sau đó các chư Tăng cũng đều khích tấn. Tu học nếu không nghiêm túc, không tinh tấn thì cũng khó ra khỏi ba côi sáu đường. Ba côi mà các chư Phật, các tổ, và các vị Thánh Tăng đều nhắc nhở chúng ta cố gắng đi ra khỏi ba côi này, ba côi này là côi dục giới, côi sắc giới, và côi vô sắc giới.

Chúng ta đã biết côi dục giới là do sự chiêu cảm tương ứng của cái tâm tham. Hễ có tham thì rớt vào côi dục giới. Tham có nhiều loại: tham tiền, tham bạc, tham danh, tham sắc đủ các thứ nhưng cũng có một loại rất là nguy hiểm mà nếu chúng ta không khéo chúng ta thì chúng ta cũng rớt vào côi dục giới, tưởng là thiện mà lại không ngờ lại là không thiện. Chữ thiện ở đây mà chúng tôi dùng là thanh tịnh chứ không phải là làm lành, không phải đem tiền đi bố thí mà gọi là thiện. Cái chữ thiện chúng tôi dùng rất nhiều lần ấy là sự thanh tịnh, không có uế, không có dơ và chữ ác ở đây là có nghĩa không thanh tịnh chứ không phải là hoàn toàn đi đâm chém

người ta hay là giết chóc người ta cho nên cũng xin bạn hiểu rõ, rộng hơn một chút.

Thế thì sự tương ứng của ba tâm tham, tâm sân, tâm si nó chiêu cảm làm cho sự biến tướng của cõi Dục Giới, cõi Sắc Giới và cõi Vô Sắc Giới. Hễ có tâm tham phát khởi thì có cõi dục giới. Nếu khởi lên một niệm tham bất kể niệm ấy là thiện hay ác thì cũng rớt vào trong cõi dục giới. Nếu nói là tham tiền tham bạc tham danh thì bạn dễ hiểu rồi phải không? Nhưng có một thứ cũng tham mà ít người thấy được. Cái tham này nguy hiểm lắm không phải dễ dàng nhận thấy đâu. Chẳng hạn như bạn tham nghe pháp cũng là tham. Hết đi đến chùa này chùa kia, nghe thầy kia giảng cũng là tham. Ở trên online đi hết đạo tràng này đến đạo tràng kia lắng nghe thì cũng là tham. Tham nghe pháp thì cũng là tham. Cho đến khi nào thù thắng nghe pháp mà không tham thì lúc bấy giờ mới là thù thắng.

Nếu chúng ta còn chạy tới chạy lui, muốn đọc hết kinh này đến kinh kia giống như là đi ra ngoài siêu thị mua hết tất cả các thức ăn ở ngoài siêu thị đem về nhà, có ăn được không bạn? Chắc chắn là không, vứt đổ thùng rác hết. Tại vì chúng ta mỗi một người đều có một cấu trúc khác nhau, cấu tạo khác nhau, suy tư khác nhau và cũng đều có một sở thích khác nhau. Bởi thế cho nên nói tới món ăn thì không ai ăn giống ai, có người thích ăn chua,

có người thích ăn mặn, có người thích ăn ngọt. Bởi thế cho nên khi nói tới cái tham mà nói tới cái những cái thô, bạn nhận diện ra ngay. Cái gì có hình tướng thì bạn nhận diện ra ngay. Những cái được định nghĩa rõ ràng như tham danh, tham tiền, tham gái, tham quyền bạn nhận ra ngay nhưng có một thứ tham mà không ngờ là bạn cũng đang vướng mắc vào.

Cái này là tham nghe pháp, đi hết chùa này chùa kia, nghe đủ mọi thứ pháp, đọc hết kinh sách này tới kinh sách kia, đọc rất nhiều, rồi lên online nghe hết đạo tràng này đến đạo tràng kia, đi giống như đi chợ, đây cũng là cái tâm tham. Rồi nghe xong thì nói pháp của Đức Thế Tôn rất là nhiệm màu, vi diệu vô cùng, nghe là thích lắm nhưng hỏi cái pháp ấy nói cái gì thì quên. Thế thì cũng như không, có ích lợi gì đâu.

Trong Kinh Phạm Võng Đức Thế Tôn đã có dạy: “*Kẻ phàm phu tán thán Như Lai là lúc nào cũng là ca tụng Đức Thế Tôn rồi bỏ cung vàng điện ngọc đi tu, Đức Thế Tôn là có cái lỗ tai dài, có ba mươi hai tướng tốt, tay dài quá đầu gối, vân vân và vân vân. Cái gì cũng khen Đức Thế Tôn hết, Thì những người như thế ở trong Kinh Phạm Võng Nykaya Đức Thế Tôn dạy rằng những kẻ ấy là những kẻ phàm phu tán thán Như Lai*”.

Thế còn những người nào tán thán Như Lai đúng

pháp? Đức Thế Tôn dạy như thế này, rất đơn giản: “*Lắng nghe những lời Đức Thế Tôn dạy suy tư những lời ấy, rồi đem những lời ấy ra mà suy tư xem những lời suy tư ấy có đúng với chân lý, và điều quan trọng là sau khi thấy những lời suy tư ấy đúng thì đem thực hành sống trong chánh pháp, sống trong những lời Đức Thế Tôn dạy thì kẻ ấy là kẻ biết rõ ràng, kẻ ấy là kẻ tán thán Như Lai đúng pháp*”.

Tán thán Như Lai đúng pháp là phải hành trì những lời Đức Thế Tôn dạy. Đức Thế Tôn nói buông xả thì ta buông xả, đàng này ta lại tham, tham nghe pháp cũng là tham. Tham tiền, tham quyền, tham gái, tham danh còn nhận ra được, còn tham nghe pháp nhiễm hoi nào không hay. Có nhiều người nghe pháp nghiền lăm, nghe suốt ngày suốt đêm, nghe quên ăn, quên ngủ. Có những người tới bữa cơm vẫn mở pháp ra nghe, nghe băng hết thầy này thầy kia giảng: Thầy Trí Quảng, thầy Tâm Thanh, thầy Tịnh Vân, nghe đủ hết, vừa ăn cơm vừa nghe giống như là đang nghe âm nhạc. Ăn cơm thì cứ ăn, nhai thì vẫn nhai, nghe pháp thì vẫn nghe pháp, không hiểu là bạn lúc bấy giờ cái tai nó nghe, cái miệng nó nhai thì có hiểu là nó đang nhai hay không? Rồi cái lưỡi nó nếm, nó có biết mùi vị của cái món ăn đó không? Cái lỗ tai nó nghe pháp, rồi cái miệng nó nếm thành thử ra nó chẳng biết cái nào với cái nào. Nó giống là thập

cắm đó. Nó bỏ các thứ vô nó trộn lên nó nấu thập cẩm. Nghe pháp mà tham nghe, tham nghe đến mức ăn cũng nghe, đi ngủ cũng nghe, rồi không biết đi toilet có nghe không nữa? Tham đến mức như vậy thì khởi lên cái tâm tham của ta gọi là tâm tham đắm.

Là người tu chúng ta nên nhớ ta tham bất cứ cái gì niệm khởi lên cũng đều dính mắc. Mặc dù là tham làm điều thiện cũng là dính mắc. Làm điều thiện thì cứ làm nhưng đừng khởi tâm tham, làm thông dong tự tại mới gọi là làm thiện ba la mật. Nghe pháp cũng vậy nghe pháp ba la mật, ba la mật là paramita-paramita có nghĩa là rốt ráo. Thế thì nghe pháp đúng pháp là sao? Nghe pháp biết rõ ràng ta đang nghe, cái lỗ tai đang nghe, nó không bị căn nó theo trần, nảy sinh ra và cái thức nhảy lung tung.

Căn, trần, thức là mười tám thẳng giấc nhiều loạn cho nên người tu không khởi lên cái niệm tham. Nghe pháp là nghe lúc nào tâm cũng tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Nghe xong thì vẫn là xả. Nếu giảng sư có nói cái gì không vừa ý thì đầu tiên cũng là xả. Có nhiều khi giảng sư cố tình giảng trật cái gì làm cho cuộc sống sôi động trở lại thử xem bạn trong đạo tràng này có ai cũng nói là tu, tu để ra khỏi sanh tử luân hồi. Nhưng nói là nói như thế rồi thực tâm có muốn thoát ra khỏi sanh tử luân hồi hay không? Lâu lâu chọc một cái là nổi sân, nổi si lên,

phản ứng liền, nói thầy nói như thế này thầy nói như thế kia. Đem lên chúng tôi khiêu nại, nói thầy nói như thế này nghe đau lòng quá. Đấy cho thuốc uống thì nó phải đắng thôi, đắng thì nó mới hết bệnh.

Cho nên sự chiêu cảm của tâm nó tạo ra cái cõi thì người ta lăn trôi trong ba cõi là như thế đấy. Tại vì cái tâm còn bị chiêu cảm theo cảnh cho nên cứ thế vận hành biến dịch, cứ thế từ cõi dục giới rồi sang cõi Sắc Giới, rồi cõi Vô Sắc Giới. Thế thì cõi Dục Giới là cái quả, còn cái nhân là cái gì? Nhân là cái tham, tâm tham thì lọt vào trong cõi Dục Giới. Thế thì bạn sẽ hỏi nếu tham nghe pháp có lọt vào trong cõi Dục Giới hay không? Chúng tôi xin thưa bạn là đúng theo Chánh pháp là bạn rớt ngay vào trong cõi Dục Giới không chần chừ. Tham nghe pháp, khởi tâm tham thì chắc chắn lọt vào trong cõi dục giới. Tại vì cái gốc rễ của nó và cái nhân của nó là tham.

Người nào có tâm sân thì rớt vào trong cõi sắc giới. Tại vì cái đó nó chiêu cảm ái tâm sân, cho nên hễ nổi sân lên là rớt vào trong cõi Sắc Giới, đi lòng vòng chứ không ra khỏi cõi Sắc Giới. Tại vì cái tâm nó chiêu cảm, nó tương ưng, nó biến hiện ra liền. Cõi Sắc Giới là cái nơi cho những người ưa sân. Cho nên bạn nào tính tình ưa sân hận thì biết trước ta có vui chơi trong cõi Ta Bà nhưng không thể nào ra khỏi đâu. Ở trong kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn nói giống như cái nhà lửa, con cái

đang vui chơi trong đó, nhà sắp sập mà Đức Thế Tôn bảo nó đi ra đi các con, nhà sắp sập đó các con, chúng nó tha hồ vui chơi. Chúng nó không nhận ra. Thế lửa đó là lửa gì? Lửa ấy là lửa sân, lửa tham sân si.

Bài kinh Lửa Cháy là bài kinh giảng thứ ba sau khi Đức Thế Tôn chứng đắc. Bài thứ nhất là Tứ Diệu Đế, bài thứ nhì là Kinh Vô Ngã Tướng và bài thứ ba là Kinh Lửa cháy. Ở trong thời đầy đa số người ta thờ thần Lửa. Nói là ông thần Lửa là quan trọng tại vì lửa là năng lượng, không có ông thần Lửa thì con người sẽ chết, sinh vật đều tan tác hết cho nên thờ ông thần lửa. Thế thì khi gặp Đức Thế Tôn, Ngài từ bi khai thị cho biết trong các loại lửa, chỉ có một loại lửa rất là quan trọng, một loại lửa đốt cháy hết tất cả con người, loại lửa ấy là lửa tham lửa sân lửa si và Ngài phân tích hình tướng của lửa tham, lửa sân, lửa si ra sao, cái hoạt động của lửa tham, lửa sân, lửa si như thế nào, rồi thể tướng tánh dục nó như thế nào? Sau khi nghe xong bài pháp ấy một ngàn vị đạo sĩ đang theo thờ thần lửa, bỏ đạo ấy và xin quy y Tam Bảo và một ngàn vị ấy đều chứng đắc. Cho nên lửa sân nó quan trọng lắm. Lửa tham, lửa sân, lửa si; ba loại lửa ấy không những đốt cả thế gian này tiêu tan mà còn đốt tâm ta tiêu tan luôn.

Nói tới cõi Vô Sắc Giới, chúng ta biết ngay cái cõi ấy không có sắc. Tại vì không có tướng nữa. Tại sao không

có tướng? Tại vì nó là không, là ngu si, si mê rồi đâm ra chiêu cảm, tạo ra cõi vô sắc giới. Đức Thế Tôn dạy Ngài Anan: *“Lại nữa Anan, từ trên đỉnh của sắc giới lại chẻ ra hai đường, nếu nơi tâm xả phát minh trí tuệ sáng suốt viên thông nhìn ra cõi trần thành A La Hán và Bồ Tát Thừa, hạng này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán”*.

Tất cả cũng quay trở lại vấn đề tâm. nếu nơi tâm xả, tức là có tâm xả. Là một người Phật tử tu Phật thì chỉ có cái tâm. Nếu không có tâm thì coi như cũng chẳng phải là tu Phật. Tu Phật tức là tu tâm cho nên là tích tâm tích Phật, trong tâm đã có Phật. Nếu nói tu Phật mà trong tâm không có Phật thì không tu được. Thế thì tu tâm là tâm gì? Tứ vô lượng tâm là chính: từ, bi, hỷ, xả. Tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả có năng lượng rất thù thắng của một hành giả. Bởi thế cho nên Đức Thế Tôn dạy Ngài Anan trong Kinh Thủ Lăng: *“Nếu nơi tâm xả phát minh trí tuệ, sáng suốt viên thông bèn ra khỏi cõi trần A La Hán”*.

Ở nơi tâm buông xả, không chấp chước và chỉ có không chấp chước mới phát minh ra trí huệ mà thôi. Hễ có chấp chước là còn có giới hạn cục bộ, mà còn có giới hạn cục bộ thì làm sao thấy được thực tướng của các pháp. Thực tướng của các pháp đều là rỗng rang đều là thanh tịnh mà tâm của ta là tâm gì? Tâm có phân biệt, tâm có ngã sở, tâm có bỉ thử, tâm có thương có ghét. Cảnh thì nó đâu có thương có ghét đâu. Cái núi là cái

núi, dòng nước là dòng nước. Có bao giờ dòng nước nó buồn, dòng nước nó vui đâu, rồi có bao giờ cái núi thương, cái núi ghét đâu.

Bởi thế cho nên, tâm xả thì buông hết tất cả, mà buông hết tất cả trong Kinh Kim Cang ung vô xả trụ. Cho nên ở đây Đức Thế Tôn dạy Ngài Anan: “*Nếu nơi tâm xả phát minh trí tuệ, khi có tâm xả, mới có trí huệ*”. Cho nên nếu người nào còn chấp chước là còn có ngã, ngã sở chấp bỉ thử, chấp buồn vui, chấp đủ mọi thứ, chấp đúng, chấp sai thì coi như thiếu đi một điều kiện để phát triển trí tuệ.

Ở trong Đại Trí Độ Luận, cuộc nghị luận giữa Phạm Trí Trường Trảo và Đức Thế Tôn về các pháp không thọ của Ngài Phạm Chí Trường Trảo. Đức Thế Tôn lại vạch rõ cho thấy là ngay cả cái kiến chấp về cái pháp không thọ cũng là cái rớt nữa. Tại vì cái đầu mối của sự cảm thọ cho nên phải buông xả, hễ buông xả thì không có cảm thọ, mà không có cảm thọ thì hoan hỷ và ở nơi ấy không có một đám mây mờ của tham sân si thì đương nhiên là trí huệ phát sinh, sáng suốt viên thông như thế thì viên thành A La Hán và Bồ Tát Thừa hồi tâm gọi là đại A La Hán.

Rồi Đức Thế Tôn cũng dạy tiếp: “*Nếu nơi tâm xả được thành tựu thấy thân chướng ngại vào không hạn*

này gọi là không sí”. Nếu tâm xả được thành tựu thì thấy thân là chướng ngại, tiêu ngại vào không. Và khi chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt thì trong đó chỉ còn lại a lại gia thức có phần vi thức của hạn này là thức sí. Nói thì có thể rất là dễ nhưng mà ngay cả khi chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt rồi thì vẫn còn lại A-lại-gia-thức.

A-lại-gia-thức nó là cái gì? Người tu Phật phải biết rõ thực tướng của các pháp cho nên mới thông dong tự tại, buồn vui coi như huyễn sự trò chơi, hát tán tuồng trên sân khấu. Hát thì đương nhiên có người hát người ca, rồi cũng có lúc nó khóc khi mà cái tâm của khán giả đi theo cái diễn xuất của các ca sĩ, của người diễn xuất. Khi người ca sĩ, người diễn xuất trên sân khấu khóc sụt mướt trên sân khấu, ông bà ở dưới này cũng khóc rớt nước mắt, nhất là các cô các bà nước mắt rớt lung tung, kiếm khăn mùi xoa lau. Thế thì tại sao ở trên đó người ta khóc giả bộ, người ta khóc đóng phim, người ta khóc đóng kịch mà rồi ta là khán giả, bỏ tiền đi xem, thấy người ta khóc cũng khóc theo. Thế thì không lẽ ta không biết là người ta khóc giả, người ta đóng kịch người ta khóc giả hay sao? Nếu biết mà vẫn khóc thì ta vẫn bị mắc lừa cái đó hoài, cái ấy gọi là si tức là mê mờ thì cõi vô sắc giới nó chiêu cảm và ta chui ngay vào đấy.

Cho nên tất cả những cái gì hiện tướng bên ngoài đều

tương ung, tương tác với chúng sanh ở bên trong. Tâm của ta khởi lên thì nhiều lúc chứa cả vũ trụ. Ở trong bài Tổng Biệt Hành “*Đưa người ta không đưa sang sông mà sao có sóng ở trong lòng*” tức là cái lòng của ta chứa cả một dòng sông, chứa cả một con sóng của dòng sông luôn. Cho nên cái chuyện nó nhỏ, nó chứa một cái gì bình thường thôi. Vì vậy, cái sân không dễ dàng để mà nhận diện ra được. A-lại-gia-thức ở trong Kinh nói là chúng ta phải thận trọng một chút tại vì trong Kinh nói: “*Chướng ngại đã tiêu chỉ còn lại A-lại-gia-thức nửa phần vi tế của A-lại-gia-thức*”.

Thế tại sao ở đây lại nói A-lại-gia-thức quan trọng? Bạn có biết A-lại-gia-thức là cái gì không? Có người nói là tàng thức, có người nói thức thứ tám. Thức thứ tám hay tàng thức nó không quan trọng, cái A-lại-gia-thức nó là cái chỗ chứa. Nó giống như cái kho hàng ấy, nói là tàng thức cũng đúng, nói là thức thứ tám cũng đúng. Nó không có phân biệt, cái gì cũng chứa hết. Nó giống như trong nhà bạn có cái gara, cái gara để chứa xe thì ít người để chứa xe lắm, đem xe ra đậu ngoài đường, rồi có đồ đạc gì trong nhà đem dục vô đó hết. Thế thì nó là cái thùng rác, A-lại-gia-thức là cái thùng rác của chúng ta. Mỗi một người đều có cái thùng rác. Buồn, giận, ghét, vui, thương đem giục vô cái thùng rác đó hết. Nếu nó là rác khô, không có thối thì còn y nguyên, còn nếu cái loại

rau, quả, tôm, cá mau hư là thối liền. Cho nên khi cái tâm ta nó chứa cái gì không trong sạch, không thiện, không thanh tịnh thì tự nhiên cái thùng rác của ta thối. A-lại-gia-thức thối lắm.

Bởi thế cho nên A-lại-gia-thức thực sự ra là không có thực. Nói về lí, nó không có thực tại vì đều là duyên sanh. A-lại-gia-thức không tự nó mà có, phải do những điều kiện kết hợp lại mới có, phải có rác, có cái thùng có các thứ này kia thì mới thành A-lại-gia-thức. Cho nên nói đổ lỗi cho a lai gia thức cũng không đúng vì A-lại-gia-thức chỉ huyễn, là một cái thùng rác.

Thế cái gì thì làm cho nó trở ra thực? Cái tánh chấp của chúng ta, câu chấp chấp cứng ngắc, chấp rằng có cái kia và những cái chấp như thế cứ bỏ vào trong thùng rác, lâu ngày huân tập trở thành ra một cái gọi là cái nghiệp. Nghiệp là sự tác ý của huân tập mà như thế thì coi như là ta tạo ra cái A-lại-gia-thức, tạo ra cái thùng rác rồi ta vứt cái rác của ta vào đấy, ta sống với đồng rác ấy. Ta bơi lội trong đồng rác ấy. Một lời nói ta nghĩ rằng là tôi đang nói hay lắm đây, thực sự ra bạn để ý lại suy nghĩ một cách chín chắn, bạn sẽ thấy tất cả những cái bạn suy nghĩ, tất cả những cái bạn nói ra thì đều nằm trong cái gọi là thùng rác.

Lúc nhỏ sanh ra, biết cái gì không? Không. Thế thì tại

sao năm nay năm, sáu chục tuổi tự nhiên biết? Thế thì cái biết ở đâu mà ra? Có phải đi lượm lật ở bên ngoài vào không? Lúc nhỏ mới sanh ra thì bố mẹ chỉ cho cái đồ chơi, chỉ cho cái bàn, cái ghế, nói là cái bàn, cái ghế, đồ chơi, nói con chó, con mèo chỉ hết. Đặt cho nó cái tên và cái đũa nhỏ đó lập tức nhập vào tâm nó và cho nên nó cứ thấy là nó nói. Thấy con chó là nó nói con chó. Đi học thì ông thầy dạy lại cũng tiếp tục nói như thế. Một cộng với một bằng hai, bạn bè nó cũng nói hai cộng với hai bằng bốn.

Những cái điều đó là đi lượm nhặt những đồng rác. Đến khoa học cũng là đi lượm nhặt những đồng rác của những người đi trước. Những người đi trước họ vớt rác ra rồi chúng ta lượm lại. Nhưng mà tại sao chúng ta lại chấp là nó có thực? Tại vì si mê không có biết thực tướng của các pháp là như huyễn cho nên chúng ta mắc kẹt, kẹt ở cái chỗ là chúng ta không thấy được nó.

Ở đây Đức Thế Tôn dạy là trong đó chỉ còn lại A-lại-gia-thức nửa phần vi tế của A-lại-gia-thức thì hạng này gọi là thức xứ. Thức xứ thực ra nó cũng là ẩn dụ thôi, A-lại-gia-thức nó cũng đã là huyễn rồi, tức là nó là cái thùng rác. Mà nửa phần vi tế của A-lại-gia-thức là gì bạn? Tức là có sự so đo phân biệt trong cái suy nghĩ, rồi nó mới vớt vào trong cái A-lại-gia-thức tức là nửa phần của sự suy nghĩ thôi chứ nó không phải là suy nghĩ chín

chấn, suy nghĩ có 50%.

Đức Thế Tôn lại dạy: “*Sắc và không đã tiêu thì tâm thức đều diệt, mười phương tịch lạc, chẳng có chỗ đến hạng này gọi là vô sở hữu xứ*”. Đức Thế Tôn nói không có nghĩa là biến mất hoặc là không đã biến mất. Ở đây nói sắc và không đã tiêu ý là sự đối đãi của các pháp đã không còn, mà nếu sự đối đãi của các pháp đã không còn thì không còn phân biệt. Nếu không còn tâm phân biệt thì tâm thức đều diệt. Tại vì tất cả những cái thức ở trong tâm ấy nó không có chỗ để nó trú nữa, nó phải diệt thôi cho nên nó tịch lạc. Tại vì không còn đối đãi, không còn phân biệt thì nó tịch diệt. Vì nó rớt vào chỗ tịch diệt không có đối đãi cho nên nó đều tịch lạc và ở cái chỗ tịch lạc này thì không có chỗ đến. Tại vì có chỗ đến thì lại có tướng và nếu có tướng thì đều là duyên sanh, hoặc sở hữu tướng giai thịnh hư vọng.

Cái gì có tướng thì đều là giả, đều là đồ dờm không phải đồ thiệt. Nếu dùng tánh thức chẳng độc để diệt sự nghiên ngẫm thành ra ở nơi vô tận như còn mà chẳng còn, như tận mà chẳng tận, hạng này gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Ngồi thiền mà tới chỗ Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tưởng ta là cao cấp. Đức Thế Tôn đã thiền đến tám bậc rồi ngài thấy cái này nó không đưa đến sự giải thoát, nó chỉ làm cho con người được an trú một cách an lạc thôi. Thế thì ở trong cái Phi Tướng Phi

Phi Tướng Xứ nói cái gì?

Dùng tánh thức để diệt sự nghiên ngẫm tức là những sự suy tư đều vắng mặt hết bằng cái tánh thức, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận. Nếu làm như thế thì Đức Thế Tôn nói rất rõ nếu mà dùng cái tánh thức chẳng độc để diệt sự nghiên ngẫm, dùng tánh thức để mà diệt cái sự suy tư, thì Đức Thế Tôn nói rất rõ: “*Ở nơi vô tận lại tỏ bày ra cái tánh tận, ở chỗ vô sanh lại bày ra cái tánh sanh*”. Chỗ đó mới là kẹt. Cho nên mới nói là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Hạng này xét cùng cái không nhưng chẳng cùng tốt lý không. Nếu từ thánh đạo bất hoàn thiên xét cùng hạng này gọi là bất hồi tâm cùng A La Hán. Xét cho cùng cái không, tức là nói về lý nhưng mà không có tốt được cái lý thì không thấy rõ được thực tướng của các pháp. Cho nên từ Thánh đạo bất hoàn thiên mà xét thì hạng này gọi là bất hồi tâm đội A La Hán.

Nếu từ vô tướng thiên của ngoại đạo mà chấp thật không thì không biết quay đầu mê muội hữu lậu chẳng nghe Chánh pháp bèn vào luân hồi. Đức Thế Tôn nói rất rõ, nếu từ vô tướng thiên của ngoại đạo, ngoại đạo từ trong cái nhóm vô tướng thiên đều là chấp không, cái gì cũng không hết. Đức Thế Tôn dạy nếu mà cứ chấp không không thì những người đó không biết đường về và mê muội tức là tánh si, chẳng nghe Chánh pháp mà

có nghe cũng không thấy được, tại vì si. Vì si cho nên có nghe cũng không thấy được, không hiểu được và vì không thấy, không hiểu được cho nên không hành trì. Và vì không hành trì cho nên không được lợi lạc cho nên rớt vào sanh tử luân hồi, có thể nhờ công sức tu học nên kiếp sau khá hơn một chút. Kiếp này nghèo không có tiền cho nên kiếp sau có tiền khá hơn một chút. Nhưng nói rằng tu để thoát ra khỏi sanh tử luân hồi thì chuyện đấy không thể có được.

Đức Thế Tôn cũng dạy tiếp Anan: *“Những cõi trời kể trên mỗi mỗi đều là phạm phu đến trả nghiệp và khi nghiệp quả trả hết thì đều vào luân hồi. Thiên vương các cõi ấy đều là Bồ Tát tu tam địa lần lượt hướng lên tiến về đường tu của bậc Thánh”*. Ở trong những cõi trên tức là cõi gì? Những cõi mà hồi nãy chúng ta nói đấy: Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Phi Tướng Xứ bất hồi tâm đội A La Hán tức là tất cả những cõi ấy đều do phạm phu đến trả nghiệp. Vì sự si mê mà không biết si mê cho nên kẹt ở chỗ này.

Ngày xưa có một vị Thiền sư hỏi tổ nhờ tổ giải quyết cho vì nói sai một câu mà đọa làm kiếp chồn năm trăm năm. Thế thì tổ mới nói: *“Thôi giờ ông nói lại đi”*. Thiền sư kia mới nói: *“Vậy chứ con đã làm sai tại vì có người hỏi con là bậc đại trí đại giác có thoát vòng sanh tử hay không?”* Con trả lời là *“Có, bậc đại trí đại giác có thoát*

vòng sanh tử” có nghĩa là người liễu tri các pháp, đã chứng đắc rồi thì người ấy sẽ không còn sanh tử nữa, và vì con nói sai nên con bị đọa năm trăm năm làm kiếp chồn”.

Thế thì cái biểu tượng của kiếp chồn là gì? Nhiều người cứ hay đọc quyển sách hay, thế rồi nói sao mà hay nhân quả làm năm trăm năm kiếp chồn. Tại sao không nói trăm năm hay nói sáu trăm năm mà lại nói năm trăm năm? Tại sao không nói làm con chó, con mèo mà lại nói làm con chồn? Đấy bạn tu học, tu Phật là phải có tư duy phải có cái tâm ra để suy tư. Ở đây năm trăm năm đó là gì? năm đấy là ngũ uẩn. Thế thì năm trăm năm ấy là biểu trưng biểu hiện, còn con Chồn là cái tượng trưng cho sự si mê, sự ngu si. Không phải có cái ông nói trật một câu mà bị đọa làm con chồn năm trăm năm. Người ta nói để cho ẩn dụ ở trong ấy. Nhiều lúc con nít đọc cũng mê, người lớn đọc cũng thích. Các Tổ hay lắm nói làm sao mà con nít cũng thích mà người lớn cũng ưa. Chẳng hạn như chuyện Tây Du Ký, Tề Thiên Đại Thánh. Đó là chuyện của Ngô Thừa Ân viết gây hiểu nhầm về Phật giáo, vậy mà người lớn đến trẻ em đọc đều thích, rồi nói cái chuyện đó hay.

Thế thì cái sân là quan trọng mà nói năm trăm năm là do cái ngũ uẩn. Tại vì không biết cho nên mới kẹt, năm ấy là do ngũ uẩn, thực sự ra là nó do năm cái căn của ta

mà ra, mà hễ không biết đường về cứ đi lạc mãi, có nghe chánh pháp cũng không hiểu nữa, đương nhiên rớt vào cái sanh tử luân hồi. Tại vì thiếu trí tuệ. Khi nào có thanh tịnh thì trí tuệ phát sinh, mà trí huệ phát sinh rồi thì không có thối lui.

Đức Thế Tôn lại dạy tiếp Anan những cõi trời kể trên mỗi mỗi đều là phàm phu đến trả nghiệp. Khi nghiệp quả trả hết thì bèn vào luân hồi. Tức là mỗi một cảnh như cảnh Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới thường người chết đi vào trong cõi đó sống một thời gian. Một thời gian để trả những quả nghiệp. Nghiệp quả là do cái chiêu cảm từ nơi tâm: tâm tham, tâm sân, tâm si. Tâm tham thì có cõi dục giới, tâm sân thì có cõi Sắc Giới, còn tâm si thì có cõi Vô Sắc giới. Nó chiêu cảm và nó mở ra và khi người nào thích thú thì cứ ở trong ấy. Ở trong ấy tới lúc nào chán rồi thì mới đi giống như cái người ở mãi trong khách sạn, chán rồi thì mới đi, không ở nữa. Cho nên nói là phàm phu đến trả nghiệp quả, nói để mà nói mượn văn tự để mà nói thôi.

Tại vì cái sự ưa thích của mỗi một người cho nên nó tương ưng, nó chiêu cảm để mà thành ra cái cõi. Tại vì thích thú cho nên ở trong ấy không chịu ra cho nên giống như trong Kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn nói: *“Cái nhà lửa đó mà các con nó đâu có chịu ra đâu, nó cứ mê muội nó ở trong đó hoài. Cuối cùng Ngài phải dụ chúng nó*

Ngài nói ở đây có ba cái xe này, ra đây đi ta cho, mới chịu chạy ra, chứ nó ở trong cái nhà lửa nó có chịu chạy ra đâu.” Văn tự nói là mỗi mỗi đều là phàm phu đến trả nghiệp quả. Nói là như thế là nói văn tự thôi chứ cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới đều do cái tâm chiêu cảm mà nhất là cái tâm ưa thích, càng ưa thích bao nhiêu thì càng ở lâu trong đó bấy nhiêu, có nói cách gì cũng không chịu ra.

Đồng ý là nó vẫn phải có nghiệp quả phải trả, đa phần là cái tâm tính của con người ưa thích cái chuyện ấy, ưa thích những cái khổ, ưa thích những cái ác, làm ác thì dễ hơn là làm thiện, gặp ai ghét là muốn chửi liền. Chuyện ấy dễ làm phải không? Đức Thế Tôn nói: *“Lấy ân mà báo oán thì oán tiêu tan”*. Kẻ thù mà lấy ân báo oán thì khó lắm. Tại vì chấp ngã, chấp thì làm sao mà làm được?

Đức Thế Tôn lại dạy tiếp Anan: *“Cõi tứ không này thanh tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền chẳng có sắc thân của nghiệp quả, từ đây đến cùng là vô sắc giới”*. Ở cái cõi này thân tâm nó dứt sạch cả những cái vọng tưởng điên đảo và tánh định lộ ra chẳng có sắc thân của nghiệp quả. Nghiệp quả cũng không có sắc thân. Từ đây đến cùng gọi là Vô Sắc Giới tức là nó không còn hình tướng nữa, những người đã vượt qua cái giai đoạn gọi là Dục Giới, Sắc Giới đưa tới Vô Sắc Giới. Tu thiền cũng vậy, nhập từ Sơ thiền vào tới Tứ thiền thì nó cũng chưa

đạt được cái sở đắc, vẫn không thoát ra khỏi cái sanh tử luân hồi. Được sự an lạc, trú xứ ở một cái cảnh nào ấy, tất cả những cái ấy cũng chỉ là tạm bợ. Tất cả những cái gì nói ra được đều là có hình tướng. *“Cái gì phạm sở hữu tướng thì giai thị hư vọng”*. Có nghĩa là tất cả những gì có hình tướng đều là giả, không có thực.

Cộng thêm cái nữa chúng ta lại chấp cái đó là đúng, cho nên nói cái đó là thực hay không thực cũng không quan trọng. Tại sao chấp? Tại vì nói điều đó là đúng vì cảm thọ, cho nên khởi sinh ra chấp. Trong kinh Phạm Võng, Đức Thế Tôn nói: *“Quan trọng nhất không phải là sáu mươi hai cái luận thuyết của sáu mươi hai vị đại biện luận, mà thoát ra khỏi cái lưới Phạm Võng”*. Lưới Phạm Võng là lưới rất là lớn, cái lỗ đó rất là to, con cá chui cũng lọt. Thế mà sáu mươi hai cái luận thuyết ấy không chui ra khỏi cái lưới Phạm Võng, đều dính mắc vào trong cái lưới hết. Lúc bấy giờ chư đại đệ tử mới hỏi Đức Thế Tôn tại sao nó như thế? Đức Thế Tôn mới nói: *“Cái điều chính không phải là sáu mươi hai cái luận thuyết, điều chính không phải cái nội dung mà điều chính cơ bản là sự cảm thọ”*. Sáu mươi hai các nhà đại biện luận của Bà La Môn đều vì cảm thọ cho nên không thoát ra khỏi sanh tử luân hồi, tâm nó chiêu cảm.

Thế thì cảm thọ cái gì đây thưa chư vị? Cảm thọ cái lý luận của ta, nói rằng: cái lý luận này là đúng, cái lý

luận này là tuyệt vời, cái lý luận này là cao thượng nhất. Từ cái chỗ chấp rằng có ta, rồi cái của ta thật tuyệt vời ở chỗ này đâm ra cảm thọ, có ái nhiễm và ngay cái chỗ ái nhiễm thì dính mắc vào trong Thập Nhị Nhân Duyên: Ái ngã, tham ái, hành cứ thế mà nó xoay sanh tử luân hồi không ra khỏi cho nên ba cõi này đều do thực sự chiêu cảm của tâm: Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

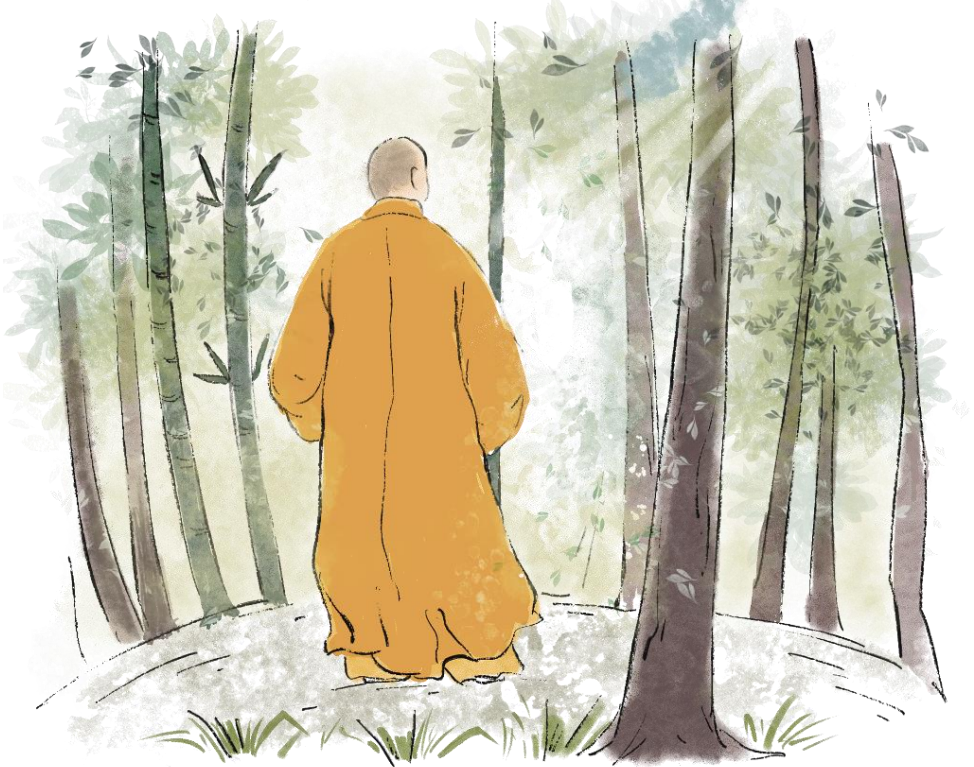
Đức Thế Tôn dạy thêm rất rõ: “*Ấy đều do diệu tâm sáng tỏ tích trước ngón tay*”. Đức Thế Tôn đã nói kẻ hành giả khi sang sông là vô thường sanh sanh diệt diệt.



LUẬN GIẢI VỀ TÂM TRONG KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 5

BA CÔI SÁU ĐƯỜNG, MỘT TÂM LƯU CHUYỂN



Tuệ Tâm Thiên Thư Quán

Website: www.tuetam.info

Facebook: Tuệ Tâm Thiên Thư Quán

Email: tuetamthienthuquan@yahoo.com

Louts Wisdom Publishing Co. 2023